



TONY TOÀN BUI
OWNER



18601 Sherman Way # A.,
Reseda, CA 91335
Tel: 705-1111



ĐÔNG NGUYỄN
OWNER
H. 347-0890

* CÔNG TY ĐỊA ỐC ĐẦU TIÊN, LỚN NHẤT VÙNG SAN FERNANDO VALLEY VÀ PHỤ CẬN.

* NƠI QUI TỤ NHIỀU CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC GIỎI VÀ GIÀU KINH NGHIỆM.



DAVID DON VŨ
REALTOR ASSOCIATE
H. 407-0373



BILL BÌNH VŨ
REALTOR ASSOCIATE
H. 805-584-6003



TAMMY TUYẾT TRẦN
REALTOR ASSOCIATE
H. 886-2871



LYNN LIÊN NGUYỄN
REALTOR ASSOCIATE
H. 882-1874



MONA MƯỜI TRƯƠNG
REALTOR ASSOCIATE
H. 992-6936



DENNIS NGUYỄN
REALTOR ASSOCIATE
H. 768-6376



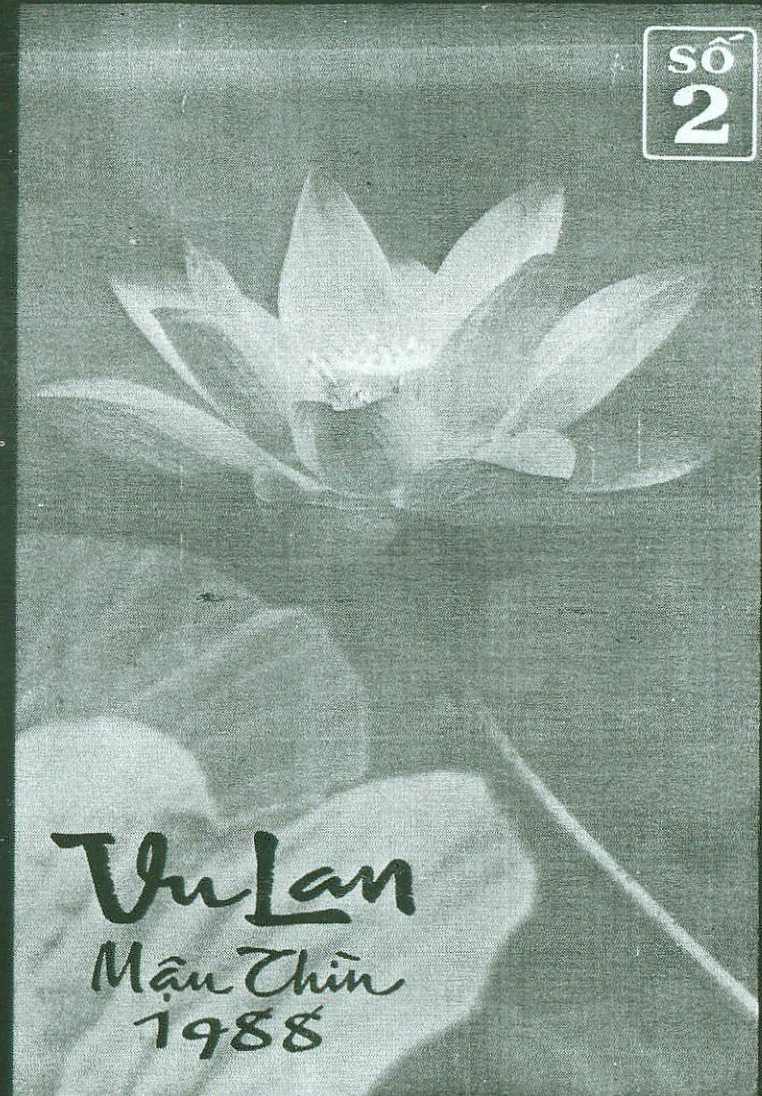
TÔNG TRẦN
REALTOR ASSOCIATE
H. 700-9960



RICHARD MƯỜI TRƯƠNG
REALTOR ASSOCIATE
H. 992-6936

PHẬT-GIAO THÔNG-NHẤT

SỐ
2



TẬP SAN PHẬT GIÁO THÔNG NHẤT

SỐ 2

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
TẠI HOA KỲ



BÁNH MÌ BA LÊ

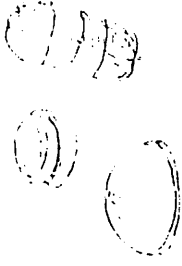
6937 C Linda Vista Road
San Diego, CA 92111

Tel. (619) 565-8057

(Gần chợ Viên Đông III, Café 99, Thrifty & Safeway)

BA LÊ CHUYÊN BÁN

- Bánh mì Jambon, Paté
- Bánh mì thịt lợn
- Bánh mì nem nướng
- Bánh mì xù mại
- Bánh mì gà
- Bánh mì nem
- Dồi Nam Bắc nổi tiếng lâu năm



- * Jambon • Paté • Giò thủ
- * Giò lụa • Nem chua
- * Patéchaud • Bánh bao
- * Đủ các loại chè...

Bánh mì BA LÊ thơm ngon giòn nóng, ăn một lần nhớ mãi mãi.

CÁC ĐỊA ĐIỂM CHÁNH THỨC CỦA BÁNH MÌ BA LÊ

WESTMINSTER
9152 BOLSA AVE.
WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 891-9424

ALHAMBRA
1426 S. ATLANTIC BLVD.
ALHAMBRA, CA 90803
TEL. (818) 303-3003

CHINA TOWN
818 N. BROADWAY # 110
LOS ANGELES, CA 90012
TEL. (213) 662-6807

BA LÊ KÍNH MỜI.

PHẬT-GIAO THÔNG-NHẤT

SỐ
2

Vu Lan
Mậu Thìn
1988

Chủ Trương : GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THỐNG NHẤT TẠI HOA KỲ

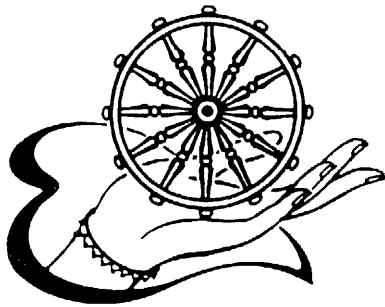
Điều Hành : Thượng Tọa Thích-Trí-Chơn

Với Sự Cộng Tác :

Thượng Tọa Thích-Đức-Niệm * T.T Thích
-Thiện-Thanh * T.T. Thích-Trí-Chơn *
T.T. Thích-Nguyên-Đạt và Quý đạo hữu
Huyền-Siêu * Thiện-Bửu * Minh-Đức-
Hoài-Trinh * Đặng-Tấn-Hậu * Vương-
Nguyễn * Diệu-Thể * Lộc-Đình * Diệu-
Nghiêm * Minh-Thành * Hoàng-Nguyên.

Toà Soạn Và Trị Sự
PHẬT-HỌC-VIÊN QUỐC-TẾ
9250 Columbus Ave
Sepulveda, CA. 91343
Tel: (818) 893-5317

— Phó Chủ Tịch Đặc Trách Tài Chánh :
Bác Sĩ Trần-Duy-Tự.
— Phó Chủ Tịch Đặc Trách Kế Hoạch :
Đạo Hữu Thiện Bữu.
— Tổng Thủ Quỹ :
Dược Sĩ Tôn-Nữ Tâm-Thường.
— Tổng Thư Ký :
Đại Đức Thích-Pháp-Châu.



VU LAN BÁO HIẾU

THÍCH-ĐỨC-NIỆM

Mỗi độ thu sang, trời thu hiu hắt, gió thu dịu dàng, lá vàng lặng lẽ nhẹ rơi, khơi dậy lòng người nỗi nhớ niềm thương đến những bậc sanh thành dưỡng dục. Tiết trời thu khiến cho lòng người băng khuâng u hoài cảm nhớ đến Vu-Lan rằm tháng bảy.

Nói đến Vu-Lan rằm tháng bảy là nói đến báo hiếu, nói đến người con thảo cháu hiền đối với cha mẹ. Cây có cội nước có nguồn. Người sống trên đời ai chẳng có mẹ cha ? Nếu không có mẹ cha làm sao có ta ? Cha mẹ không ra công nhọc sức nuôi nấng thì làm sao ta được khôn lớn thành người ? Mẹ đã mang nặng đẻ đau, bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn. Mẹ nuôi con rất là cực nhọc. Khi con ra đời lòng

mẹ đau như dao cắt. Cha thấy mẹ sanh con đau đớn mà thương tâm ruột thắt nhẩn mặt, chấp tay hướng vọng trời xanh, thành tâm miêng lâm râm cầu trời khẩn Phật cho mẹ tròn con vuông. Vừa thấy mặt con, mẹ cha vui mừng khôn xiết, quên hết nỗi đau đớn lo âu :

*Hỡi con tiếng khóc ban đầu
Mẹ đau cha khóc con nào biết cho
Tháng ngày cha mẹ âu lo
Ngược xuôi sớm nắng chiều mưa chẳng
nè.*

Nhưng cũng từ ngày tiếng khóc chào đời của con, thì cũng bắt đầu từ ngày đó, mẹ lẫn cha phải nhịn ăn bớt ngủ, ngày ngày ngược xuôi lam lũ để cho con no cơm ấm áo nên người.

Khi con còn bé thơ khờ dại thì bên ướt mẹ nằm bên ráo con lăn. Khi con trái gió trở trời, khi con mọc răng ấm mình la hét, cha lẫn mẹ phải thay nhau thức trông chừng suốt đêm, nâng niu vỗ về thang thuốc. Tiếng khóc của con là tiếng khóc của mẹ. Mỗi tiếng khóc của con làm mẹ ruột thắt từng đoạn. Tiếng khóc của con gây thành nỗi xúc động cho cha. Cha thương con chạy thầy chạy thuốc. Tiếng cười của con là tiếng cười của mẹ. Tiếng cười của con là phần thưởng, là thang thuốc bổ dưỡng

cho mẹ. Tiếng cười của con là nỗi vui mừng an ủi cho cha, khiến cho cha quên hết muôn điều cực nhọc.

Ngay từ ngày con nằm trong nôi cho đến ngày con khôn lớn thành nhơn chi mỹ, lập thành gia thất, không có giờ phút nào mà cha mẹ không lo nghĩ đến con. Trong mỗi tế bào, huyết quản của cha mẹ ngấm sâu da thịt của con. Trong tâm tư của cha mẹ ẩn tàng hình bóng của con. Cha mẹ hy vọng con ngày một mau chóng khôn lớn. Cha mẹ buồn vui theo con và sống cho con. Lúc nào cũng muốn cho con no cơm ấm áo, nên vai nên vóc, nên danh nên phận. Vì con mà cha mẹ phải bôn ba ngược xuôi, có lúc còn phải hy sinh ở đợ, phải hạ mình quỳ gối van xin, phải luôn cúi ngổ sau, tất cả đều vì con, trọn cả cuộc đời cho con :

*Một đời vốn liếng mẹ trao,
Mẹ cho tất cả, mẹ nào giữ riêng,
Mẹ hiền như một bà tiên,
Mẹ theo con suốt hành trình con đi.*

Xưa nay sách sử thánh hiền cũng như truyện tích thế nhơn không ngớt ca tụng công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha. Tình của cha mẹ đối với con như suối nguồn tuôn chảy bất tuyệt, như non cao xanh mát suốt năm :

*Công cha như núi Thái-Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy
ra*

*Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Công ơn của cha mẹ như trời như biển, không bút mực nào diễn tả cho hết, không lời lẽ nào luận nói cho cùng :

*Mẹ là biển, mẹ là trời
Hy sinh tất cả một đời vì con
Sông dù cạn, đá dù mòn
Tấm lòng của mẹ vẫn còn mênh mông.*

Thế nên kinh thi nói : “Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã, ai ai phụ mẫu sanh ngã cù lao, dục báo thâm ân hiếu thiên đồng kiệt”. Ôi ! Cha ta sanh ta, mẹ ta nuôi ta, hỡi ôi cha mẹ sanh ta rất là cực nhọc. Vậy bốn phận làm con phải biết báo đền ơn nghĩa sanh thành dưỡng dục của mẹ cha. Tình của cha mẹ đối với con như biển hồ lai láng, thăm thẳm mù khơi không biên giới, đi chẳng tới đo chẳng cùng :

*Mẹ thương con biển hồ lai láng
Con thương mẹ tính tháng tính ngày.*

Cho dù ngày con khôn lớn lập gia đình có sự nghiệp con cái, nhưng cha mẹ vẫn thương con như thuở còn măng sữa trong nôi. Cho dù

có những người con nhờ công ơn cực khổ buôn gánh bán bưng của mẹ, làm lụng vất vả của cha nuôi nấng con ăn học khôn lớn nên người, có danh phận giàu sang, được vợ đẹp con khôn, danh vọng phú quý, bạn bè tập nập, rồi thấy cha mẹ chất phác quê mùa, rồi quay mặt giả vờ lơ quên, nhưng cha mẹ vẫn thản nhiên, âm thầm chấp nhận cảnh phủ phàng, miễn sao cho con mình bình an hạnh phúc là mừng. Cha mẹ nuốt đắng ngậm cay, không dám thổ lộ cho ai hay biết về con mình vong ơn bội bạc. Trái lại, đối với mọi người, cha mẹ lúc nào cũng tỏ ra khen ngợi thương con.

Lúc còn nhỏ chưa đủ trí khôn, con thường làm việc trái quấy biếng học ham chơi, cha mẹ buồn lòng rầy la dạy dỗ thì con hờn ghét, giận lẫy làm nư giậm chân dấy dựa la khóc. Nhưng mẹ cha bao giờ cũng rộng lượng tha thứ, ôm chặt nơi lòng tình thương bao la :

*Nâng niu con lúc giỗi hờn
Dịu dàng mắt mẹ khuyên lơn ngọt ngào
Một đời vốn liếng mẹ trao
Mẹ cho tất cả, mẹ nào giữ riêng
Mẹ hiền như một bà tiên
Mẹ theo con suốt hành trình con đi*

Cho dù ngày nào đó, vì công danh sự

ngiệp hoặc vì kế sanh nhai, hay vì lý tưởng tự do tự nạn mà con phải bỏ quê cha đất tổ ra đi tha phương xứ người xa lìa cha mẹ, rồi dần dần dòng đời lồi cuốn, vợ ảm chắn êm, danh lợi ái tình đắm chìm, quên đi cha già mẹ yếu đang âm thầm sống những ngày hẩm hiu ở tuổi xế chiều của quãng đời còn lại. Cho dù thế, cha mẹ vẫn ấp ủ nỗi thương nhớ đến con, an lòng với cảnh tình bội bạc. Rồi những chiều hoàng hôn phủ xuống nhớ lúc tiễn biệt con ra ngõ, giờ đây mẹ một mình một bóng tựa cửa ngóng trông tin tức con về, cha ngồi nhìn theo khói thuốc thả hồn tưởng nhớ theo con, chén trà đã lạnh từ lúc nào quên uống. Có những chiều mẹ lẫn cha đi nhau ra sau hiên nhà không nói nên lời, mắt rưng rưng lệ hướng vọng ở phương trời viễn xứ mong hình bóng con. Cha mẹ mong con mỗi mòn đôi mắt, đè nén tiếng khóc sâu vào lòng với đôi dòng lệ, nhớ lại ngày tiễn biệt con :

*Thuở ấy cầm tay mẹ dặn dò
Phổ phùng không phải dễ chi mô
Và đôi mắt mẹ rưng rưng lệ
Đôi mắt bây giờ đã héo khô.*

Mẹ còn trên cõi đời hay mẹ nay đã thành người thiên cổ, thì mẹ vẫn mang theo nơi lòng nỗi u hoài thương nhớ đến con. Cho dù mẹ có

vĩnh biệt cõi đời, nhưng lòng thương của mẹ vẫn như thuở nào trinh nguyên tựa đóa hoa hồng trắng thơm mát. Ai còn mẹ cha là còn cả đất trời tình thương, còn diễm phúc hưởng nguồn an vui sung sướng bất tận :

*Sung sướng nhĩ những người còn mẹ
Còn mẹ là còn cả đất trời.*

Rủi thay cha mẹ qua đời, người con cảm thấy lạc loài bơ vơ, thiếu hẳn đi sự ấm cúng của tình thương cha mẹ. Tình thương cha mẹ là thứ tình thương bao la cao cả. Mất tình thương cha mẹ thì không tìm đâu ra sự bù đắp. Người sống ở đời mất tình thương cha mẹ như thuyền nan ở giữa biển khơi thiếu địa bàn, mất định hướng, không tìm được nơi bến đỗ. Mất tình thương cha mẹ là mất hết suối nguồn an ủi dịu ngọt, như đất khô cằn, như cây trụi lá, như chim không cành, vết thương lòng này vĩnh viễn không có ngày được lại :

*Đau đớn nhĩ những người mất mẹ
Mất mẹ là mất hết em ơi.*

Cha mẹ còn, con nhìn đời hương hoa sắc thắm vui đẹp. Cha mẹ còn, con còn dịp nghe được thanh âm muôn điệu của trần gian. Cha mẹ còn, lòng con được an ổn với niềm hy vọng tương lai, chân trời cỏ hoa rộng mở. Cha mẹ còn là bài học cho con sống với đời bằng

những lời an ủi dịu ngọt. Cha mẹ còn, đời còn vui đẹp như ánh xuân dương buổi bình minh :

*Ai bảo em cuộc đời không đẹp
Khi nhơn gian còn phỉếm xuân cầm
Ai bảo em cuộc đời không đẹp
Khi em còn có mẹ trong tâm.*

Dù ngày nay con có lớn khôn vì kể sanh nhai hay vì lý tưởng mà phải xa cha mẹ, nhưng nếu lòng con lúc nào cũng hướng vọng tưởng nhớ mẹ cha như cha mẹ nhớ con thì người con cũng cảm nhận được sự dịu hiền của mẹ cũng cảm thấy được lòng mình trở nên êm dịu như liễu rủ mặt hồ, như ánh trăng rằm trong mát :

*Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp mật như đường mía lau*

Mẹ luôn luôn muốn gần gũi con, muốn nâng niu con, muốn săn sóc vỗ về con, dù con đã khôn lớn lập thành gia thất. Tình thương của mẹ dịu dàng như gió mát thoảng đưa cành cây khẽ lá. Dù cây đã trở thành cổ thụ, nhưng gió vẫn không ngừng thoảng dịu đem khí mát lành cho hoa lá để nuôi cây :

*Nâng niu con lúc giỗi hờn
Dịu dàng mắt mẹ khuyên lơn ngọt ngào
Một đời vốn liếng mẹ trao
Mẹ cho tất cả mẹ nào giữ riêng*

*Mẹ hiền như một bà tiên
Mẹ theo con suốt hành trình con đi.*

Nhưng mà thừa cha mẹ ! Cảnh đời đổi thay, nay còn mai mất ! Ruộng dâu cồn cát thoát có thoát không ! Nay vì vận nước nghiệp dân, con phải đem thân sống đời tha hương đất khách. Nhưng lòng con lúc nào cũng vương vấn nhớ thương. Hôm nay ngày Vu-Lan báo hiếu, hình bóng cha già mẹ yếu đang sống khắc khoải mỗi mòn trên quê hương rách nát đói nghèo, nơi đó chan chứa bao kỷ niệm êm đềm ngay từ tiếng khóc ban đầu :

*Quê hương chan chứa tình thương
Tiếng yêu mẹ gọi như đường mía lau
Giờ đây nhớ tiếc thuở nào
Mẹ hiền mẹ gọi, lời chào của con
Mẹ cha ân đức như non
Giờ đây đâu nữa để còn mẹ ơi
Giờ đây con sống xư người
Lẻ loi chiếc bóng thiếu trời tình thương
Cửa thiền con nguyện con nương
Nguyện đem công đức cúng dường mẹ
cha.*

Mỗi lần thấy lá vàng, từng chiếc lia cành nhẹ rơi lặng lẽ nằm phơi mình trên mặt đất là khiến cho lòng con nhớ đến mùa Vu-Lan, bắt

giác cảm thấy bụi ngùi nhớ đến mẹ cha, cảm thấy lòng xót xa thương cha mẹ hơn bao giờ hết. Một mình lặng lẽ trầm ngâm lắng lòng suy tư về một cảnh giới mộng lung huyền ảo, một hiện tượng nảo nề chiếm lấy lòng người con thảo cháu hiền về sự sanh ly tử biệt. Càng nghĩ càng thấm thiết nhân tình thế thái, hoài vọng cố hương, lòng kính thương cha mẹ trào dâng, bất giác miệng thốt lên lời thơ chan chứa ân tình hoài niệm của cổ nhân :

*Thiên tại tử tâm du bảo hám,
Mỗi từng thuyết hiếu thuyết ngoan
ngân.*

Nghĩa là :

*Ngàn năm lòng con còn ôm hận,
Mỗi lần nhắc hiếu nhớ mẹ hiền.*

Người con hiếu thảo cảm nhận ân tình sâu nặng của cha mẹ. Tình thương của cha mẹ là thứ tình thương trong trắng tinh nguyên cao quý mà không có tình thương nào thay thế được. Vợ hay chồng mất còn có thể tìm lại vợ chồng khác. Chớ một khi cha mẹ khuất bóng rồi thì không thể nào tìm lại cha mẹ. Tử Lộ nhà nghèo ngày ngày phải đội gạo ra chợ bán để kiếm tiền phụng dưỡng cha mẹ già. Tuy cực khổ vất vả, nhưng Tử Lộ trên tay không lúc

nào buông thả kinh sách. Khi Tử Lộ thi đậu làm quan thì cha mẹ đã qua đời. Nghĩ đến cha mẹ, Tử Lộ ngâm ngùi than thở : “*Mộc dục tịnh nhi phong bất đình. Tử dục dưỡng nhi phong bất tại*”. Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng. Con muốn đền ơn báo hiếu cha mẹ, nhưng cha mẹ không còn nữa !

Thế thường người đời có lòng đền ơn đáp nghĩa mẹ cha thì cũng chỉ cung dưỡng cơm áo thuốc thang bạc tiền vật chất cho thế là đủ, chứ không mấy khi lưu tâm nghĩ đến sự giúp đỡ tinh thần cha mẹ khi còn hiện đời cũng như sau khi từ giả cõi đời. Thế nên, khi cha mẹ qua đời con cháu thường hay giết hại sinh vật heo gà để bày ra tiệc tùng mâm cao cỗ đầy cúng tế rượu thịt làm mời ngon cho ruồi nhặng và bạn bè hỷ hạ say sưa, mà người chết chẳng những không hưởng được gì. Như thế con cháu vô tình tạo thêm tội lỗi, mà chẳng được ích lợi gì cho người còn kẻ mất.

Trái lại đệ tử nhà Phật không những khi cha mẹ già yếu, con cháu phụng dưỡng vật chất thuốc thang quạt nòng đắp lạnh, tụng kinh cầu nguyện, khuyến khích cha mẹ hành thiện phát tâm quy y Tam-Bảo Phật Pháp Tăng, vận dụng khả năng quảng đời còn lại chuyên cần tu tâm dưỡng tánh. Khi cha mẹ lâm chung, con

cháu nén lòng bứt khóc, thay vì đình đám rượu thịt, một lòng trai giới tịnh tâm cầu nguyện chay lạt đạm bạc, cúng thất trai tuần, tụng kinh niệm Phật, tập trung năng lực gắng sức làm nhiều phước thiện, cúng dường trai tăng, nhứt tâm hồi hướng tất cả công đức lành cho cha mẹ. Như thế không những cha mẹ hiện đời được an vui, mà hương hồn cha mẹ nơi chín suối cũng được tiêu điều nơi miền cực lạc như bà Thanh-Đề được sự khuyến hóa làm việc công đức cúng dường trai tăng của người con hiếu hạnh Mục-Kiền-Liên mà được sanh về cõi trời hưởng an vui. Cách báo hiếu của người con Phật đã có hiệu năng thực tế khiến cho người mất được an lành thanh thoát nơi cảnh tỉnh, đồng thời người còn cũng được an lành hạnh phúc :

*Mẹ cha là cả trời thương
Là nguồn sống của thiên đường trần gian*

*Mẹ cha về cảnh Niết-Bàn
Lòng con toại nguyện muôn ngàn nhớ thương.*

Những người con thảo cháu hiền, cho dù có sống nơi chân trời góc biển nào đi nữa, hễ mỗi độ thu sang rằm tháng bảy, mùa Vu-Lan thắng hội báo hiếu trở về, noi gương tiền nhân

đức Mục-Kiền-Liên tôn giả, người con hiếu hạnh muôn thuở đã khai mở kỷ nguyên hiếu hạnh cho đời, lớp lớp chúng sanh tôn kính ca ngợi noi theo :

*Hôm nay gặp lễ giải đảo huyền
Con nguyện theo gót Mục-Kiền-Liên
Chư Tăng tự tứ con cầu nguyện
Mười phương phụ mẫu giải đảo
huyền./.*

THÍCH-ĐỨC-NIỆM

TIN SÁCH MỚI

Quý vị muốn biết những kiếp quá khứ của đức Phật, xin đọc quyển “**Lược Truyện Tiền Thân Đức Phật**” do Thượng Tọa Thích-Đức-Niệm soạn dịch vừa được Phật-Học-Viện Quốc-Tế xuất bản. (Xin xem Mục-Lục Kinh-Sách P.H.V.Q.T.)

LỊCH SỬ CÁC THÁNH TÍCH PHẬT GIÁO TẠI ẤN ĐỘ

**CÂU THI NA (KUSINÀRA),
NƠI ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT BÀN**

(tiếp theo)

THÍCH TRÍ CHƠN

V.- CHÚNG TÔI ĐẾN CHIÊM BÁI CÂU THI NA

Câu Thi Na (Kusinara) nơi đức Phật nhập Niết Bàn, trong thời gian gần 12 năm tu học tại Ấn độ, chúng tôi đã có dịp đến thăm nhiều lần. Muốn đến Câu Thi Na, địa điểm thuận lợi có đường bộ đi đến Phật tích này là thị trấn GORAKHPUR. Sau khi đến New Delhi (phía Bắc) hoặc Calcutta (miền Đông) của Ấn độ, quý vị dùng xe bus, xe lửa hoặc máy bay để đi Varanasi. Tới Varanasi, quý vị đáp tàu lửa đi Gorakhpur. Từ Gorakhpur đến Kusinara xa khoảng 54 cây số, quý vị có thể đi xe bus.

Giờ đây, xin mời quý vị cùng đi với chúng tôi viếng thăm Phật tích Câu Thi Na. Lần cuối cùng trước khi rời Ấn độ qua Mỹ, tôi đi chiêm bái thánh địa này vào hạ tuần tháng 10 năm 1975. Lúc ấy tôi đang trú tại đại học Magadha (Ma Kiệt Đà) ở Bồ Đề Đạo Tràng (Bodh Gaya), nơi đức Phật thành Đạo. Từ Bodh Gaya tôi lấy xe bus đi Gaya, xa độ 7 dặm mất nửa giờ. Tại Gaya, tôi đáp chuyến tàu lửa tốc hành "Howrah Delhi Kalka Mail" lúc 1 giờ 15 phút trưa để đi Varanasi. Đến Varanasi lúc gần 7 giờ chiều, tôi chờ tới 10 giờ đêm mới có chuyến tàu từ Varanasi đi Gorakhpur. Khoảng hơn 6 giờ sáng hôm sau tôi đến ga Gorakhpur. Sau khi dùng điểm tâm tại nhà ga, tôi ra bến xe bus mua vé để đi Kusinara (Câu Thi Na).

Rời Gorakhpur lúc 8 giờ sáng, gần trưa tôi mới đến Câu Thi Na, vì xe ngừng lại các nơi cho hành khách lên xuống nên phải mất nhiều thì giờ. Lần nào đi chiêm bái Phật tích Câu Thi Na lòng tôi cũng cảm thấy buồn man mác, nỗi buồn sâu đậm của người con nghĩ mình vô duyên bạc phước không được nhìn thấy mặt cha, đấng Từ Phụ Thích Ca trong giờ phút Ngài nhập diệt hơn 25 thế kỷ trước. Hôm nay, tôi trở về thăm mộ cha như để tìm lại những hình bóng cũ xa xưa, một thời dĩ vãng, ánh đạo vàng của đức Thế Tôn còn rạng ngời chói lọi trên khắp quê hương Ấn độ.

Càng lên hướng Bắc trời càng lạnh. Qua khung cửa xe, tôi nhìn thấy những tia nắng sớm cuối thu chiếu yếu ớt mờ nhạt qua những đám sương mù dày đặc. Trong số hành khách cùng đi chiêm bái với tôi

hôm ấy có nhiều chư Tăng, Phật tử Ấn độ và Tây Tạng. Xe càng chạy nhanh, gió lùa vào khe cửa càng lạnh. Tôi ngồi sát gần hơn bên nhà sư Tây Tạng già, mặc chiếc y vải dày màu tím đậm để tránh bớt gió nơi gần cửa sổ. Mọi người đều im lặng ít nói như đang suy nghĩ điều gì. Khi gần đến Cầu Thi Na xe chạy hàng vài ba cây cây số giữa hai bên toàn rừng Sa La rất đẹp.

Xe dừng trước cửa chùa Miến Điện, tôi cùng với các nhà sư Ấn độ, Tây Tạng và một số hành khách xuống xe. Tôi mang hành lý vào chùa Miến xin ở lại. Chùa xây cất trên một khu đất rộng bên cạnh rừng Sa La. Vị trụ trì chùa này, từ trước năm 1910 là Thượng Tọa U. Chandramani, người Miến Điện. Sau ngày thượng tọa viên tịch vào năm 1972, chùa được giao lại cho đại đức Gyaneshwar cũng người Miến, chăm sóc. Chùa ngoài chánh điện, còn có Tăng phòng, khách xá, nhà bếp và một trường tiểu học gồm năm lớp để dạy cho dân chúng địa phương.

Sau khi tắm rửa dùng cơm trưa và nghỉ ngơi giây lát đến xế chiều tôi bắt đầu đọc tài liệu chỉ dẫn (bằng Anh văn) về thánh địa Cầu Thi Na (Kusinara) trước khi khởi đầu đi thăm các di tích tại đây. Có thể chia di tích Cầu Thi Na ra làm ba vùng :

a/ Khu vực chủ yếu (Main Site) với ngọn tháp chính, chùa Niết Bàn và di tích các chùa tháp nhỏ xung quanh.

b/ Đền Mâthà-Kuar, nơi thờ tượng Phật đá xanh.

c/ Tháp Ramabhar, nơi cử hành lễ hỏa táng kim

thân đức Phật.

A.- KHU VỰC CHỦ YẾU (MAIN SITE)

Đây là khu vực quan trọng nhất gồm có các di tích sau đây :

1/ Ngòi tháp chính (The Main Stupa)

Ngọn tháp đầu tiên do nhà khảo cổ Carlleyle khai quật tìm thấy vào năm 1876. Lúc bấy giờ ngôi tháp trông như một khối gạch lớn đang trong tình trạng lung lay sắp sụp đổ. Theo Carlleyle, ngọn tháp nguyên gốc chính xưa kia của nó có thể cao gần 150 feet. Ngôi tháp được xây trên một cái nền cao 9 feet, gồm có hai phần : phần dưới tháp có hình trụ cao 18 feet, phần trên là một đỉnh tròn giống như một cái vỏ (shell) cao 65 feet được kiến tạo bằng những viên gạch bề có kích thước khác nhau, nhiều tấm trên đó có chạm khắc trang trí với những hình thù hoa lá. Do đó, theo các nhà khảo cổ, nó không phải là ngôi tháp đầu tiên được xây cất ở đây mà trước kia chỗ này đã có cơ sở kiến trúc rồi.

Năm 1910, khi ông Hirananda Shastri cho đào một đường thẳng từ trên xuống đến giữa cái vỏ gạch, người ta đã khám phá thấy trên đỉnh của ngọn tháp được xây cất bởi những viên gạch có chạm trổ và một đồng tiền đồng thuộc triều vua Ấn độ Jayagupta : ở phía dưới sâu gần 14 feet là một cái phòng nhỏ hình tròn bằng gạch, có đường kính cũng như chiều cao khoảng 2 feet 1 inch, bên trong chứa một cái bình bằng đồng, trên miệng bình có gắn một tấm đồng trên mặt có khắc bài kinh tiếng Phạn (Sanskrit) nói về lý "Thập

Nhị Nhân Duyên” (Nidāna Sūtra) và ghi tên thí chủ là nhà sư Haribala, người đã cúng pho tượng Phật thờ ở chùa Niết Bàn vào thế kỷ thứ 5 sau tây lịch.

Trong bình còn thấy đựng cát lẫn với than cháy, ốc xa cừ, đá quý, đồng tiền bằng bạc, hạt ngọc và hai ống đồng ; một ống có chứa tro, ngọc bích, một đồng tiền bằng bạc đúc dưới triều vua Ấn Kumaragupta I (413-455) và một ống bạc. Trong ống bạc này đựng một ống tròn bằng vàng trong đó thấy chứa một vài chất có màu nâu lợt và hai giọt chất lỏng. Sự phát hiện đồng tiền bằng bạc đúc dưới thời vua Kumaragupta cho thấy phần trên của ngọn tháp đã được xây cất vào thế kỷ thứ 5 sau tây lịch

Khi đào sâu xuống đến mặt đất, ông Hirananda Shastri còn tìm thấy một ngọn tháp cao 9 feet 3 inches và trên khám nhỏ phía tây bên ngoài tháp có tôn trí một pho tượng Phật trong tư thế Ngài ngồi kiết già thiền định bằng đất nung. Bên trong tháp người ta còn tìm được một cái hủ nhỏ bằng đất và một vài hòn than củi, có thể đó là di tích giàn thiêu (hỏa táng) của các vị tăng (nếu không phải là của đức Phật). Ngọn tháp này tương đối chưa bị hư hoại lắm, có thể nó mới được kiến tạo trễ hơn sau ngôi tháp chính (Main Stupa) nói trên.

Năm 1927, ngôi tháp được hoàn toàn trùng tu cao 75 feet và dưới nền tháp có chu vi rộng 165 feet với sự giúp đỡ đóng góp tịnh tài của các đạo hữu Miến Điện U Po Kya và U Po Hlaing. Bên trong tháp lớn này, một phòng nhỏ tượng trưng cho mô hình ngôi tháp

chính gốc đầu tiên, được kiến tạo cao hơn mặt đất 20 feet. Sáng ngày 18-3-1927, một buổi lễ đóng cửa căn phòng này được trang nghiêm tổ chức dưới sự chứng minh của T.T.U. Chandramani và 16 vị Tăng khác. Trước khi buổi lễ kết thúc, người ta đã mang vào an vị đặt trong mô hình tháp nhỏ này nhiều pháp khí bằng vàng, bạc, đồng và một tấm bằng đồng trên đó có khắc ghi về những công trình nghiên cứu, khám phá và trùng tu các chùa tháp tại Câu Thi Na của Viện Khảo Cổ Ấn độ.

2/ Chùa thờ tượng Phật Niết Bàn (The Nirvana Temple)

Chùa được xây cất giữa rừng Sa La trên nền gạch cao độ 2 thước ngay sát cạnh phía trước ngôi tháp chính (Main Stupa). Lối kiến trúc không giống các nơi khác, mái chùa là một vòng cung. Chùa có bề ngang rất hẹp, chỉ đủ thờ một pho tượng Phật Niết Bàn. Màu vôi bên trong hòa với ánh sáng chiếu qua các cửa kính trên nóc khiến cho tượng Phật tăng thêm phần thiêng liêng huyền ảo.

Như đã nói trước, di tích ngôi chùa và pho tượng Phật Niết Bàn được nhà khảo cổ Carlleyle khám phá ra vào năm 1876. Khi đào một đường mương vào trung tâm của gò đất, đầu tiên ông ta tìm thấy một pho tượng Phật lớn trong tình trạng hư hoại được đặt nằm trên một cái bệ đá bị gãy. Nhiều mảnh vỡ của pho tượng đã bị thất lạc, và hình như pho tượng xưa kia đã được người ta dùng thạch cao để sửa chữa một lần. Về sau ông Carlleyle đã tìm thấy những phần gãy mất của

pho tượng được chôn lấp ngay bên trong bệ đá. Nhờ có những mảnh bệ này, ông ta đã ráp nối và sửa lại pho tượng cùng với bệ đá ở dưới theo đúng hình dáng kích thước đầu tiên của chúng, mặc dù một vài mảnh của pho tượng đã không còn.

Pho tượng dài khoảng 20 feet được tạc làm ra từ một khối đá nguyên lấy ở Chunar (tiểu bang Uttar Pradesh, miền đông bắc Ấn). Đức Phật trong tư thế nhập Niết Bàn, nằm nghiêng về hông bên phải, đầu quay về phía bắc, mắt nhìn về hướng tây. Nghệ thuật điêu khắc nổi tiếng của thợ Mathura (tiểu bang Uttar Pradesh), đã làm pho tượng trở nên linh động, có đầy đủ 32 tướng tốt và nét mặt Ngài biểu lộ được các đức tính từ bi, hỷ xả. Pho tượng đặt nằm trên một bệ gạch rộng dài 24 feet với bốn trụ đá nơi bốn góc. Các nhà khảo cổ tin rằng ngay vị trí nơi tượng Phật đang đặt nằm trong chùa hiện nay chính là chỗ xưa kia đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn. Trên mặt phía tây của bệ gạch đằng trước đối diện với cửa chính đi vào, tôi thấy có ba khám nhỏ đục làm từ những phiến đá cứng trong đó được thiết trí ba hình tượng người nổi cũng chạm khắc bằng đá. Hình phía trái là một tín nữ với búi tóc dài quấn trên đầu trong tư thế ngồi hai tay đưa ra trước để trên mặt đất, nét mặt tỏ vẻ đang khóc than buồn rầu. Hình phía mặt không rõ lắm, có thể là một thiện nam hay tín nữ, cũng lộ vẻ đau buồn qua dáng điệu đang ngồi đầu cúi xuống dựa nơi cánh tay phải. Hình ở giữa diễn tả một người đang ngồi kiết già, lưng quay ra ngoài đối diện với cửa đi vào và mặt nhìn hướng vào pho tượng Phật. Ngay dưới hình giữa này là tấm bảng

trên đó có ghi khắc rằng pho tượng Niết Bàn nói trên đã do nhà sư Haribala dâng cúng cho chùa vào thế kỷ thứ năm sau tây lịch.

Về ba hình người đang khóc than các nhà khảo cổ không xác định rõ được chúng tượng trưng cho nhân vật nào, nhưng riêng hình giữa thì họ bảo rằng có thể đó là biểu tượng cho thí chủ - Đại đức Haribala. Sau khi dọn dẹp những mảnh vụn xung quanh pho tượng, ông Carlleyle tìm thấy một điện thờ có mặt phẳng hình chữ nhật với một phòng ngoài phía trước cũng hình chữ nhật quay ra hướng tây. Bức tường của điện thờ dày gần 10 feet, bên trong dài 30 feet 8 inches và rộng 12 feet. Những bức tường xung quanh điện thờ, có một cửa vào từ hướng tây, đều hư hoại. Phòng ngoài bên trong dài 35 feet 10 inches, rộng 15 feet và bức tường dày 4 feet. Vào lúc dọn dẹp, ông Carlleyle cũng đã gặp thấy nhiều tấm ngói có bề mặt hơi lồi và cong khiến ông tin rằng ngôi chùa xưa kia được xây cất với mái uốn hình vòng cung. Nhiều di tích và những mảnh gạch bể khác chỉ dẫn cho biết ngôi chùa cũng như phòng bên ngoài trước kia đều có một cửa chính vào từ hướng tây và một cửa sổ nơi mỗi bức tường ở phía nam và bắc. Phỏng theo các chứng tích này, ngôi chùa Niết Bàn đã được ông Carlleyle đứng ra sửa chữa hoàn toàn vào năm 1876.

Có giả thuyết cho rằng chắc chắn ngôi chùa do ông Carlleyle trùng tu không phải hẳn là ngôi chùa đầu tiên trong đó có thờ pho tượng Phật Niết Bàn do đại đức Haribala dâng cúng vào thế kỷ thứ năm. Căn cứ

vào chất liệu thạch cao dùng để sửa chữa pho tượng Phật cho thấy hình như ngôi chùa nguyên thủy có thể đã trải qua nhiều lần thay đổi trùng tu vào những thế kỷ sau này. Ngoài ra, người ta cũng tìm thấy các dấu tích của một ngôi chùa lớn và sớm hơn với những góc đục thủng vào sát cạnh các bức tường phía nam và bắc của ngôi chùa hiện tại chứng tỏ ngôi chùa lớn đầu tiên trong đó có thờ pho tượng Phật Niết Bàn đã có sẵn tại đây trước khi người ta xây cất ngôi chùa do ông Carlleyle sửa chữa hiện nay. Tuy nhiên vẫn khó nói xác quyết rằng ngôi chùa trước tiên này cũng chính là ngôi chùa mà trong đó có tôn trí thờ pho tượng Phật và đã được Ngài Huyền Trang chứng kiến vào tiền bán thế kỷ thứ bảy sau tây lịch. Còn ngôi chùa do ông Carlleyle khám phá và trùng tu chắc hẳn được kiến tạo sau này vào giai đoạn Phật Giáo bắt đầu suy đồi tại Ấn độ có thể là khoảng sau thế kỷ 11 và 12.

Tháng 5 năm 1955, để chuẩn bị cho đại lễ kỷ niệm Phật Đản năm 2500, chính phủ Ấn độ đã thành lập một ủy ban tái thiết các Phật tích tại Ấn độ. Ủy ban này sau đó đã đề nghị nên sửa chữa lại chùa Niết Bàn và ngôi chùa đã được xây cất mới hoàn toàn vào năm 1956 như chúng ta thấy hiện nay.

Bảy ngày tại Câu Thi Na

Chùa Niết Bàn tại Câu Thi Na (Kusinara) là nơi tôi đã đến chiêm bái ít nhất năm lần trong suốt thời gian gần 12 năm tôi sống tu học ở Ấn độ. Tuy không quá đồ sộ về hình thức và tuyệt mỹ về nghệ thuật kiến trúc như các chùa ở những Phật tích khác, nhưng chùa

Niết Bàn tại Câu Thi Na, giữa rừng Sa La yên tĩnh, xa cách phố phường đầy hương vị giải thoát đã gây nhiều xúc cảm cho đa số Phật tử từ khắp nơi trên thế giới đến hành hương chiêm bái. Suốt tuần lễ sống tại đây trong chuyến đi thăm viếng cuối cùng thánh tích này vào năm 1975 trước khi qua Mỹ, đã khiến tôi không bao giờ quên những giờ phút tâm hồn được sống thanh tịnh an vui bên cạnh rừng Sa La lịch sử, nơi chứng kiến đức Phật đã nhập diệt hơn 2500 năm trước. Theo tôi, trong số các Phật tích tại Ấn độ, không chỗ nào có cảnh trí vừa u buồn và tĩnh lặng dễ gây xúc động nơi lòng người du khách hành hương bằng Câu Thi Na. Nhất là nếu quý vị có dịp đến đây vào buổi chiều khi mặt trời sắp lặn xuống núi, nhìn rừng Sa La như ngập chìm trong biển ánh sáng vàng mờ nhạt, đổi màu trên những lá cây, giữa khung cảnh tịch mịch của núi rừng trùng điệp bao la. Âm thanh không phải là tiếng ồn ào xe cộ nhưc óc của tỉnh thành hay nói cười huyền ảo nơi phố chợ mà là tiếng chim hót dịu dàng thánh thót, tiếng động nhẹ của mấy con sóc nhảy hoặc những con khỉ mặt đen chuyền trên cành.

Như thường lệ, bất cứ đến viếng thánh tích nào, tôi đều dành nhiều thì giờ cho các buổi tụng kinh cầu nguyện và ngồi thiền. Đặc biệt tại Câu Thi Na, tôi ở tại chùa Miến Điện giữa rừng Sa La rất gần chùa Niết Bàn, đi bộ mất mười phút, cho nên ngày nào tôi cũng ra đó tụng kinh. Tôi thường ra sớm khi 7 giờ sáng vì lúc ấy chưa có nhiều du khách đến chiêm bái nên cảnh chùa rất yên tĩnh. Một điều lạ mà tôi nghĩ phần đông các chư Tăng và Phật tử từ phương xa đến chiêm bái

thánh tích này đều cũng như vậy, là rất dễ bị xúc động khi nhìn lên pho tượng Phật Niết Bàn.

Tôi không dám nhìn lâu bức tượng, vì nhìn hơi lâu một chút là trong lòng tôi cảm thấy xao xuyến, rất buồn và nước mắt chảy ròng ròng. Không có buổi tụng kinh nào tại đây mà tôi không khóc. Có khi tụng chưa hết bài chú đại bi là nước mắt tôi đã ràn rụa. Hay mới chỉ niệm được hơn 10 danh hiệu: “Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật” thì không cách gì tôi niệm ra tiếng được nữa, vì lòng tôi quá xúc động và nước mắt ở đâu tự nhiên cứ chảy ra không ngăn được. Bấy giờ tâm trí tôi cứ tưởng nghĩ đến cảnh khóc lóc thảm thiết của các Đại Đức A Nan, Ca Diếp, A Nậu Lô Đà cùng hàng trăm ngàn chư Tăng và Phật tử trong giờ phút đức Thế Tôn nhập diệt tại rừng Sa La và họ đành phải vĩnh biệt chia ly đức Thầy cao cả. Lúc ấy tôi mới thông cảm được sự đau xót của Đại Đức Tu Bạt Đà La (Subhadda), người đệ tử xuất gia cuối cùng của đức Phật vì không muốn chứng kiến cảnh đau thương chia ly giữa thầy trò mà ngài đã viên tịch trước đức Thế Tôn.

Rất tiếc, với ngôn từ thể gian hạn hẹp, tôi không thể diễn tả hết được tất cả những niềm cảm xúc sâu xa mà lòng tôi đã trải qua trong những giờ phút chí thành tụng kinh niệm Phật bên cạnh pho tượng Phật Niết Bàn gần 13 năm trước tại Câu Thi Na. Không riêng tôi mà chư Tăng và Phật tử các nước khác: Tích Lan, Ấn Độ, Miến Điện, Trung Hoa, Tây Tạng, Nhật Bản v.v... phần đông ai ai cũng đều có cảm giác buồn, ít nhất một

lần nước mắt chảy ròng như vậy khi họ đầu tiên đến chiêm bái ngôi chùa Niết Bàn này. Tôi còn nhớ rõ có lần tôi gặp một nữ Phật tử Tây Tạng còn trẻ, hôm ấy sau khi hành lễ tụng niệm xong, cô ta đã đến tận xa trong góc quỳ gối đưa hai tay ôm bàn chân lớn của tượng Phật, đầu cô cúi xuống úp mặt trên bàn chân của Ngài để cầu nguyện rất lâu trong tiếng khóc nức nở qua đôi bờ vai rung rinh của cô chẳng khác gì đứa con đã khóc người cha thân yêu của mình vừa mới mất.

Điều đặc biệt tôi muốn nói thêm ở đây là nơi pho tượng Phật Niết Bàn hình như có ẩn chứa một cái gì hết sức thiêng liêng, màu nhiệm huyền bí lạ lùng, không phải khi nhìn bức tượng tại chùa Niết Bàn ở Câu Thi Na, lòng quý vị mới cảm thấy cảm xúc mà ngay đến cả chỉ nhìn hình ảnh của pho tượng Phật không thôi, quý vị cũng thấy dễ dàng xúc động. Thực vậy, trong những chuyến đi hoằng pháp trình chiếu bộ phim dương bản (color slides) và thuyết giảng về “Các Phật Tích tại Ấn độ” của tôi từ trước đến nay do nhiều Chùa, Hội Phật Giáo tổ chức khắp nơi tại Hoa Kỳ và Gia Nã Đại (Canada), lúc xem tôi chiếu đến cảnh Phật tích Câu Thi Na với rừng Sa La và chùa Niết Bàn, phần đông Phật tử, nhất là quý vị lớn tuổi, ít ai có thể đề nén được sự xúc động và không chảy nước mắt khi họ nhìn thấy bức hình pho tượng đức Phật sơn son thếp vàng rực rỡ với nét mặt từ bi của Ngài đang nhập diệt hiện ra trên màn ảnh. Có nơi, nhiều Phật tử vì quá cảm động đã thành tâm hướng về bức hình Phật chấp tay cúi đầu quỳ xuống lạy ngay tại chỗ.

Tháng 11 năm ngoái, khi tôi sang hoàng pháp tại Úc Châu (Australia) và Tân Tây Lan (New Zealand) gần hai tháng, trong buổi chiếu phim “Phật tích Ấn độ” do chùa Quang Minh tổ chức tối chủ nhật 29-11-87 tại trường trung học Collingwood ở thành phố Melbourne (tiểu bang Victoria, miền nam Úc); cũng chính bức ảnh màu slide pho tượng Phật Niết Bàn tại Câu Thi Na đã gây xúc động cho hàng trăm khán giả chư Tăng Ni, Phật tử đến dự xem và nhiều vị đã khóc. Vào lúc ấy, T.T. Thích Huyền Tôn (Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoàng Pháp Giáo Hội PGVNTN tại Úc Châu và Tân Tây Lan) cũng cảm động đã yêu cầu tôi nên ngừng chiếu vài phút và sau đó do sự thỉnh mời của thượng tọa, tất cả bà con Phật tử trong hội trường đều hoan hỷ đứng dậy chấp tay hướng nhìn lên bức hình pho tượng Phật Niết Bàn trên màn ảnh để đồng niệm ba lần danh hiệu: “Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật” một cách trang nghiêm, thành kính.

Tôi hy vọng ngày nào có đủ duyên lành quý vị sang Ấn độ hành hương đến chiêm bái chùa Niết Bàn tại Câu Thi Na để chia sẻ với hàng trăm ngàn người con Phật khắp nơi trên thế giới hằng năm đã từng đến thăm viếng thánh tích này, qua nỗi buồn đau xót và tiếng khóc của bản thân để được sống lại, dù chỉ bằng sự tưởng tượng trong tâm trí, cái giờ phút bị thương sâu não nhất của toàn thể chư Tăng và tín đồ đã phải ngàn thu vĩnh biệt chia ly đấng cha lành muôn thuở, hay nhìn cảnh đức Phật nhập Niết Bàn giữa hai cây Sa La 2532 năm trước. Viết đến đây, ngay giờ phút này, giữa đêm khuya tĩnh lặng trong căn phòng bé nhỏ của

Phật Học Viện Quốc Tế, lòng tôi vẫn không khỏi xao xuyến, xúc động khi hướng về quê hương xứ Phật, cách xa Hoa Kỳ hơn nửa vòng trái đất, hồi tưởng nhớ lại những buổi sớm mai gần 13 năm trước, giữa rừng Sa La sương mù dày đặc, tôi đã yên lặng quỳ lễ hàng giờ và tụng kinh cầu nguyện bên cạnh pho tượng Phật trong ngôi chùa Niết Bàn lịch sử tại Câu Thi Na (Kusinara), xứ Ấn độ thiêng liêng ngàn năm yêu dấu.

Tại khu vực chủ yếu (Main Site), ngoài ngôi tháp chính (Main Stupa) và chùa Niết Bàn nói trên, còn có những di tích chùa tháp sau đây mà chúng tôi muốn hướng dẫn quý vị đến viếng thăm :

3/ Di tích các chùa tháp ở phía tây chùa Niết Bàn

Xung quanh ngôi tháp chính và chùa Niết Bàn là những kiến trúc bằng gạch khác, qua nhiều thế kỷ đã được thiết lập thêm sau này. Về hướng tây bắc sát cạnh ngõ vào chùa Niết Bàn chúng tôi thấy những di tích kiến trúc được xây cất thấp hơn các cơ sở ở phía tây chùa Niết Bàn. Di tích này gồm có hai ngôi chùa có mặt phẳng dựng lên sát cạnh nhau. Trong khi đào bới người ta đã tìm thấy tại đây một số đồ vật có ghi ngày tháng gồm một con dấu bằng đất nung, trên đó khắc hình kim quan của đức Phật giữa hai cây Sa La với hai hàng chữ “Đại Bát Niết Bàn” (Mahaparinirvana) và “Tỳ Kheo Tăng Già” (Bhikshu-Sangha), hai con dấu bằng đất khác trên đó cũng trình bày cảnh đức Thế Tôn nhập diệt và một tấm thẻ bằng đất nung có chạm hình tượng đức Phật Di Lặc (Maitreya). Tất cả những dòng chữ khắc trên các cổ vật đều thuộc thế kỷ thứ tư

sau tây lịch. Một đồng tiền bằng bạc (có thể là của vị phó vương miền tây Ấn độ), vài hình vật bằng đất nung bị bể, nhiều đồ gốm, và một lu hương có hình miệng cá sấu cũng tìm thấy ở đây. Căn cứ vào lớp đất sâu mà những cổ vật trên được khám phá chỉ dẫn cho biết rằng hai ngôi chùa này xây cất khoảng trước thế kỷ thứ 4 sau tây lịch.

Về hướng tây trước ngôi chùa kể trên chúng tôi nhìn thấy di tích một cơ sở kiến trúc khá lớn có chiều dài 360 feet, rộng 150 feet vuông. Nó là ngôi chùa lớn nhất tìm thấy ở đây gồm có thực ra không phải một mà là hai ngôi chùa được xây cất vào các thời kỳ khác nhau. Cái sau này được kiến lập trên nền tảng phế tích của cái trước với một vài phần thêm vào và sửa chữa. Cái trước đó được xây dựng trên nền đất thấp hơn gồm có một cái sân rộng lát gạch và một cái giếng tròn hiện đang còn nằm về hướng bắc. Bao bọc xung quanh bốn phía chùa là các dãy hành lang rộng 10 feet và những căn phòng nhỏ với kích thước khác nhau dùng làm chỗ ở cho chư Tăng. Các phòng và hành lang đều có nền đúc bê tông.

Mặt chùa quay ra hướng đông với một cổng vào hai bên có hai tháp nhỏ và nền cũng đúc bê tông. Vách tường chùa lớn và rất dày chứng tỏ chùa có xây nhiều tầng ở trên. Trong khi đào bới người ta đã tìm thấy nơi đây một giếng nước cũ, một con dấu có chạm khắc bằng đất nung được làm vào năm 900 sau tây lịch và nhiều con dấu khác cũng bằng đất trong những đồng mảnh vụn phủ lấp nơi sân chùa. Điều này cho thấy

ngôi chùa đã được xây cất khoảng thế kỷ thứ 8 và bị bỏ phế sau năm 900.

Vào thế kỷ sau người ta đã san bằng những mảnh vỡ di tích của ngôi chùa cũ và tái thiết trên đó một ngôi chùa mới có nền cao gần 6 feet. Nhiều viên gạch có chạm khắc và những vật liệu của ngôi chùa cũ các thợ dùng để xây cất ngôi chùa sau này đã được tìm thấy nơi bức tường của ngôi chùa mới. Dọc theo vách tường phía nam của chùa này là những cơ sở khác tạo thành một khối vững chắc gồm có bốn kiến trúc tượng trưng cho bốn ngôi chùa riêng biệt nhưng nối liền nhau và có kích thước cũng khác nhau. Trong bốn ngôi chùa này, ngôi chùa ở hướng đông bắc nằm đối diện ngay trước chùa Niết Bàn. Chùa có một sân vuông với một giếng tròn ở giữa và xung quanh bốn phía có mái hiên che và những dây buông nhỏ. Ngôi chùa về hướng tây gồm có một sân trống, ở giữa là một cái hồ hình chữ nhật và có các phòng nhỏ nơi hai dãy phía tây và bắc của chùa.

Trong khi đào bới ở hai chùa này, người ta đã tìm thấy các con dấu bằng đất nung thuộc thời đại Gupta (thế kỷ thứ 4 và 5 sau tây lịch), những cái bình bằng kim loại cùng nhiều đồ vật khác tại nền chùa và trong cái giếng nói trên. Về hai ngôi chùa kia, một cái nằm ở địa điểm trung tâm gồm có một cái sân hình chữ nhật với các dãy hành lang thuộc phía đông, bắc, tây và một dãy phòng nằm về hướng tây và đông ngôi chùa. Tiếp giáp với chùa này xa hơn về phía nam là một ngôi chùa khác to lớn hơn rộng 110 feet vuông có một cái sân lát

gạch, xung quanh bốn phía được bao bọc với các hành lang và những dãy nhà, mỗi bên gồm năm phòng nhỏ, nền đúc bê tông. Chùa có mái bằng và cong nhìn ra hướng đông.

Trong lúc đào bới người ta tìm thấy một số cổ vật có chạm khắc và ghi ngày tháng gồm có một đồng tiền vàng thuộc triều vua Ấn Chandragupta II (thế kỷ thứ 4 và 5). Trong một của những phòng nói trên, nhân viên khảo cổ còn đào thấy một mảnh bia ký của triều đại Kushan (thế kỷ thứ nhất sau tây lịch), nhiều mảnh vỡ của một tượng Phật đứng làm bằng đá đỏ ở vùng Mathura (tiểu bang Uttar Pradesh, miền đông bắc Ấn), phía dưới trên bệ của tượng Phật có ghi khắc cho biết pho tượng do nhà sư Haribala đặt làm ra vào thế kỷ thứ năm sau tây lịch. Những chứng tích này cho thấy bốn ngôi chùa trên được xây dựng vào thế kỷ thứ nhất và bị tàn phá khoảng vào năm 600.

4/ Di tích các tháp ở phía nam chùa Niết Bàn

Phần lớn di tích ở vùng này là những ngôi tháp (stupas) nhỏ được thiết lập do bởi các du khách Phật tử hành hương thành tâm đến chiêm bái Câu Thi Na. Trong số đó, có hai ngọn tháp khá nổi bật nhất vì trên những cột tháp được chạm khắc, trang trí rất đẹp và nền tháp có chạy các đường viền. Ngoài ra, về hướng bắc của những tháp nhỏ này, chúng tôi thấy một kiến trúc hình chữ nhật nằm sát cạnh cái nền của ngọn tháp chính (Main Stupa) và chùa Niết Bàn. Bên trong cấu trúc đó là một khối gạch hình chữ nhật mặt bằng phẳng trông giống như chiếc quan tài hay ngôi mộ.

Ngõ vào kiến trúc này từ hướng tây rộng 5 feet 2 inches, hai bên nơi góc có thiết trí những tượng Phật bằng đất nung.

5/ Các di tích ở phía đông chùa Niết Bàn

Di tích quan trọng nhất ở đây là kiến trúc có hình như cái bục giảng (platform) bằng gạch. Nó gồm có hai tầng. Tầng thấp rộng 90 feet vuông. Tầng trên nhỏ hơn, xung quanh có bờ lẽ lát gạch tạo thành lối đi nhỏ rộng 12 feet. Vách tường của nền đất thấp để trơn trong khi bức tường của nền đất cao có vẽ những đường viền với các dây cột được trang trí rất mỹ thuật, trong đó một vài cái vẫn đang còn di tích. Hình như có một tầng thứ ba nhỏ hơn ở trên, nhưng hiện nay nó không còn trông thấy. Thật khó biết kiến trúc thiêng liêng này biểu tượng cho cái gì, nhưng các nhà khảo cổ tin rằng xưa kia có thể một ngọn tháp đã được thiết lập tại đây. Mặc dù người ta tìm ra một pho tượng thần Ganesa của Bà La Môn giáo, nhưng không có chứng tích gì cho thấy ngày trước đã có chùa xây cất ở chỗ này. Trong sách ký sự của ngài Huyền Trang cũng không thấy nhắc đến kiến trúc nói trên; do đó, có thể nó được tạo dựng vào khoảng sau thế kỷ thứ bảy.

Nơi góc hướng tây bắc của kiến trúc này, chúng tôi thấy một cái phòng nhỏ dài 9 feet 7 inches, rộng 8 feet 4 inches được xây bằng loại gạch lớn, viên gạch lớn nhất dài 19 inches, rộng 10 inches, dày 3 inches hoặc dài 18 inches, rộng 10 inches, dày 2 inches 3 phần 4 giống như loại gạch đúc vào thời đại Mauryan (thế kỷ thứ 3 trước tây lịch). Vách tường chỉ còn lại ba

hàng gạch có bề dày 19 inches. Người ta đã đào thấy tại đây tám đồng tiền đồng, đúc làm ra dưới thời vua Ấn độ Ca Nị Sắc Ca (Kanishka : 120-144) và bốn đồng thuộc triều vua Kadphises II (78-110) trộn lẫn với than củi, chứng tỏ cơ sở này đã bị tàn phá vào thời đại Kushan (48-220).

6/ Các di tích ở phía bắc chùa Niết Bàn

Về hướng bắc của phòng nhỏ trên có thể thuộc thời đại Mauryan (thế kỷ thứ 3 trước tây lịch), chúng tôi thấy một số tháp nhỏ do các nhà hành hương đến chiêm bái Cầu Thi Na thiết lập nên như những tháp ở phía nam chùa Niết Bàn. Về hướng tây của các tháp nhỏ này, nơi tầng đất thấp, có phế tích của hai điện thờ hình vuông với bức tường chạy dài từ bắc xuống nam, tiếp giáp với cái nền của ngôi tháp chính (Main Stupa) đã nói trước. Nghiên cứu những kiến trúc chồng chất lên nhau, các nhà khảo cổ tin rằng việc kiến tạo những điện thờ này đã xảy ra rất sớm, có thể vào thời đại Mauryan (thế kỷ thứ 3 trước tây lịch). Các vách tường ở đây cũng được xây với loại gạch lớn của triều đại Mauryan. Ngoài ra, người ta còn đào thấy một bức tượng nhỏ hình phụ nữ bằng đất nung được tạo tác vào thế kỷ thứ nhất sau tây lịch và một mảnh vỡ bia ký bằng đá thuộc thế kỷ thứ năm sau tây lịch.

Xa hơn về phía bắc có một dãy kiến trúc giống như các ngôi chùa ở hướng tây cạnh chùa Niết Bàn (Nirvana Temple). Đây là hai ngôi chùa riêng biệt, hướng nam của chúng đối diện quay về phía chùa Niết Bàn và ngôi tháp chính. Trong hai chùa này, cái phía

tây, ở giữa có một hồ nước hình vuông với tường thấp bao bọc xung quanh và nền lát gạch. Bốn phía hồ đều có mái hiên và các buồng nhỏ. Cổng vào chùa ở hướng nam hai bên có hai phòng nhỏ ra. Còn cái phía đông chưa được khai quật hết, nhưng có thể cũng giống cơ cấu kiến trúc của chùa phía tây. Tại giữa chùa, người ta đào thấy những con dấu có chạm khắc bằng đất chứng tỏ cho biết hai chùa này được kiến tạo vào thế kỷ thứ 9 hoặc 10 sau tây lịch.

Rất xa về hướng đông của khu vực chính (Main Site) chúng tôi thấy phế tích của một kiến trúc độc lập, nhưng đặc biệt kiến trúc này quay mặt ra phía đông chứ không phải đối diện với ngôi tháp chính (Main Stupa) như hai chùa vừa kể trên. Hơn nữa, không như các chùa khác, nó không có khoảng trống cái sân ở giữa mà chùa lại có một hội trường lớn đứng riêng biệt, rộng 30 feet vuông với một cổng vào nơi hướng bắc và hai cửa sổ ở hai phía kia. Mục đích của phòng lớn này dùng để làm gì, không được rõ lắm: tuy nhiên, các nhà khảo cổ tin rằng có thể đó là nơi hội họp của chư Tăng hằng tuần để nhắc nhở sách tấn nhau trong việc tu hành. Khi đào bới ở đây, người ta chỉ tìm thấy một tấm gạch bằng đất nung trên đó có khắc ghi lời Phật dạy cho thấy ngôi chùa được thiết lập vào thế kỷ thứ 10 hay 11 sau tây lịch.

B.- ĐỀN (SHRINE) MATHA-KUAR

Nằm cạnh đường đi, cách xa khoảng hơn 200 thước về hướng tây nam của khu vực chính (Main Site) là đền Matha-Kuar bên trong có thờ một pho

tượng Phật lớn mà dân địa phương gọi tên Matha-Kuar, có nghĩa là “hoàng tử chết”. Pho tượng Phật cao 3,05 mét được tạc làm ra từ một khối đá xanh ở vùng Gaya (tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn). Bức tượng diễn tả khi đức Phật đang ngồi thiền định dưới gốc cây Bồ Đề. Dưới bệ tượng Phật gắn một tấm bảng có khắc chữ tuy đã mờ nhưng còn đọc được niên đại vào thế kỷ thứ 10 hoặc 11 tây lịch. Pho tượng khi đào thấy bị bể làm hai mảnh và được sửa chữa đặt lại nơi vị trí cũ của nó. Năm 1927 đền thờ được trùng tu làm mới lại nhờ sự đóng góp tài chánh của hai Phật tử người Miến, U-Po-Kya và U-Po-Hlaing.

Đền thờ này đầu tiên do ông Carlleyle khám phá ra vào năm 1876. Căn cứ vào những cuộc khai quật, nghiên cứu gần đây cho thấy nó không phải là một kiến trúc độc lập mà là một phần của ngôi chùa lớn hơn bên ngoài chiều dài đo được 114 feet. Ở giữa chùa có sân trống rộng 44 feet vuông, bao bọc xung quanh bởi những hành lang có bề ngang rộng 8 feet 6 inches và bốn phía đối diện với các dãy phòng. Mặt tiền chùa quay ra hướng đông. Tại đây người ta không đào thấy những cổ vật gì quan trọng, ngoại trừ một vài con dấu bằng đất nung trên có khắc hình tượng Phật làm vào thế kỷ thứ 10 hay 11 và những pháp khí nhỏ khác. Ngoài ra, một mảnh bia ký cũng được tìm ra tại nơi này cho biết ngôi chùa và đền thờ liên hệ được kiến tạo dưới triều các vua Kalachuris (1015-1181) trị vì vương quốc Chedi của Ấn độ.

Đặc biệt ngôi chùa trên, theo các nhà khảo cổ, là

một phần của nhiều kiến trúc phụ thuộc khác được thiết lập bao quanh ngôi tháp chính (Main Stupa) và chùa Niết Bàn, bằng chứng là hiện còn di tích một bức thành rộng lớn chạy bọc quanh những cơ sở chùa tháp ở trên. Bức thành này, hiện còn hoàn toàn nằm ẩn dưới các cánh đồng xung quanh, được xây cất bằng những đồng gạch vụn chiếm vòng quanh một khoảng đất rộng 36 mẫu Anh (acres) có hình thoi, bốn cạnh bằng nhau, mỗi chiều dài khoảng 1,250 feet, với ngõ vào rộng 11 feet 10 inches nằm trên vị trí nửa phía đông của bức thành hướng nam, không xa góc đông nam. Vì không tìm thấy lối vào nào khác ở các hướng kia nên người ta tin rằng đây là cổng chính đi vào khu vực chùa tháp bên trong vùng đất này. Đến nay chưa đầy 1 phần 3 mới được khai quật khám phá, và nhiều phế tích chùa tháp khác hiện đang còn nằm ẩn dưới khu đất này chưa được đào lên.

C.- THÁP RAMABHAR, NƠI CỬ HÀNH LỄ TRÀ TỶ, HỎA TÁNG KIM THÂN ĐỨC PHẬT (CREMATION STUPA)

Cách xa khoảng 1,60 cây số về hướng đông đền Matha-Kuar trên con đường từ thành phố Kasia đi Deoria chúng tôi thấy một ngọn tháp được xây trên một gò đất mà theo kinh sách Phật giáo tiếng Pali (Nam Tông), tháp có tên là Makuta-Bandhana nằm bên cạnh hồ Ràmabhàr Jhil, nước khô về mùa hè. Nguồn gốc cái tên gọi Ràmabhàr nhằm chỉ cho hồ nước hay gò đất đến nay các học giả vẫn chưa trả lời được, và cũng khó giải đáp thỏa đáng ý nghĩa của danh

từ này có liên quan thế nào đến biến cố nhập Niết Bàn của đức Phật. Tuy nhiên căn cứ vào các dòng chữ đặc biệt ghi khắc tìm thấy tại di tích này, các nhà khảo cổ tin rằng đây chính là ngôi tháp Makuta-Bandhana, nơi hơn 25 thế kỷ trước tại Câu Thi Na đã cử hành lễ hỏa táng kim thân đức Phật.

Năm 1857, lần đầu tiên một nhân viên chính phủ Ấn độ đã đến thực hiện công tác đào bới trên đỉnh gò và kết quả thế nào, không ai biết. Năm 1861-1862, ông A. Cunningham, nhà khảo cổ người Anh, đến cố gắng tiếp tục đào tìm, nhưng nửa chừng cũng bỏ dở. Đến năm 1910 ông Hirananda Shastri thực hiện một công tác nghiên cứu khác bằng cách cho đào một đường từ trung tâm gò đất xuống sâu tới 5 feet dưới mạch nước, và đã tìm thấy một cái nền gạch với những góc cạnh của các bức tường, nhưng ông cũng không rõ kiến trúc này là cái gì. Rồi ông tiếp tục đào bới một phần của mặt phía đông gò đất và khám phá ra đó là một ngôi tháp có hình cái trống tròn rất lớn, đường kính rộng 34,14 mét, xây trên một cái bệ tròn gồm có hai hay nhiều tầng với đường kính ở nền tháp rộng 47,24 mét.

Về kích thước, ngọn tháp này lớn gấp hai ngọn tháp chính (Main Stupa) ở khu vực chủ yếu (Main Site). Trong khi đào bới, người ta tìm thấy hàng trăm con dấu bằng đất nung trên có khắc những lời Phật dạy bằng chữ viết thời trung cổ. Căn cứ vào kích thước khác nhau của những viên gạch và các di tích khám phá thấy phía dưới nền tháp chứng tỏ rằng ngôi tháp này đã trải qua nhiều giai đoạn sửa chữa và trùng

tu. Vào năm 1956, toàn bộ nền tháp đã được phát hiện và nhiều con dấu bằng đất nung như trên cũng đã tìm thấy, xác nhận cho biết đây là nơi xưa kia đã cử hành lễ trà tỳ, hỏa táng kim thân của đức Phật.

THÍCH TRÍ CHƠN

Đón đọc kỳ tới : Thành Xá Vệ và Kỳ Viên Tịnh Xá



Dưới đây là những sách chúng tôi dùng tham khảo để viết bài trên :

1. KUSINAGARA by D.R.Patil, Department of Archaeology, Delhi, India, 1957
2. BUDDHIST SHRINES IN INDIA by Ministry of Information, Government of India, Dehli, 1968
3. BUDDHISM IN MODERN INDIA by Dr.D.C.Ahir, Nagpur, India, 1972
4. DEVELOPMENT OF BUDDHISM IN UTTAR PRADESH by Dr. Nalinaksha Dutt & Dr. K. Datta Bajpai, Lucknow, India, 1956
5. A HISTORY OF THE GUPTAS : POLITICAL AND CULTURAL by R.K. Dwivkdi & D.L. Vaish, Allahabad, India, 1985
6. BUDDHIST CENTRES IN ANCIENT INDIA by Dr. B. Nath Chaudhury, Calcutta, India, 1969
7. GLIMPSES OF BUDDHISM by N. Ramesan, M.A., Andhra Pradesh, India, 1961

8. BUDDHIST MONUMENTS by Debala Mitra, M.A., Calcutta, India, 1971

9. BUDDHIST REMAINS IN INDIA by Dr. A.C. Sen, New Delhi, India, 1956

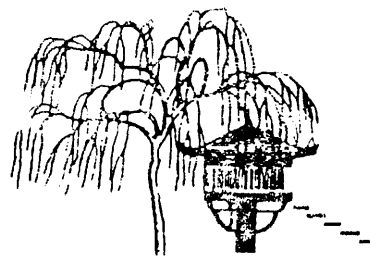
10. ANCIENT INDIA by Dr. R.C. Majumdar, Delhi, India, 1968

PHẬT TỬ NÊN TÌM ĐỌC

Cuốn “PHẬT GIÁO VẤN ĐÁP” song ngữ Việt-Anh (dày 250 trang) ; nguyên tác : “THE BUDDHIST CATECHISM” của học giả Phật tử Hoa -Kỳ, người đã phát họa mẫu cờ Phật Giáo Thế Giới, ông H.S. Olcott (1832-1907), do Thượng Tọa Thích Trí Chơn, tốt nghiệp Tiến Sĩ (Ph.D.) Triết Học Phật Giáo tại Ấn-Độ, dịch thuật ; và Phật-Học-Viện Quốc-Tế tại Hoa-Kỳ xuất bản trong mùa Vu-Lan Đinh-Mão (1987).

Tác phẩm được dịch ra 20 thứ tiếng, in lần thứ 44, năm 1915 ; và gần 100 năm qua cũng như hiện nay, được dùng làm sách giáo khoa căn bản, dạy Phật Pháp phổ thông bằng Anh văn cho chư Tăng ; các học sinh, sinh viên thuộc nhiều Phật Học Đường, Tu viện danh tiếng, và hàng trăm trường Trung, Đại Học Phật Giáo tại các nước Á Châu.

Quý vị muốn thỉnh cuốn sách Phật Giáo giá trị nói trên, xin liên lạc địa chỉ Phật-Học-Viện Quốc-Tế.



THÍCH NGUYỄN ĐẠT

TỔ CHỨC GIÁO HỘI

Những vấn đề tôi đã nêu ra trong đặc san trước, số ra mắt kỷ niệm Phật Đản 2532, tháng 6 năm 1988 của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Tại Hoa Kỳ là những vấn đề có tính cách đóng góp, xây dựng, phát biểu tình trạng của Phật Giáo hiện tại để từ đó, chúng ta cùng nỗ lực hơn trong việc hướng đến TỔ CHỨC GIÁO HỘI.

Mọi Giáo Hội Phật Giáo trong quá khứ và hiện tại đều là bóng dáng của giáo đoàn Phật, đó là giáo đoàn có tinh thần nhân bản, phá bỏ mọi sự phân chia giai cấp xã hội Ấn Độ thời ấy, chối bỏ những hình thức tập quyền độc tôn, tự tôn của giai cấp tu sĩ Bà La Môn. Mục tiêu của Phật là giải thoát con người ra khỏi sự bất công của xã hội. Giáo đoàn của đức Phật không dùng uy quyền để áp dụng vào việc truyền bá tư tưởng

của đạo Ngài mà chỉ khêu gợi ý thức hiểu biết, tinh thần tự nguyện để giác ngộ và phục vụ. Người tăng sĩ Phật Giáo khác hẳn hàng tu sĩ Bà La Môn và những tu sĩ của các tôn giáo khác là không có những đặc quyền và nắm giữ những thế lực chính trị; tôn giáo trong xã hội. Sử liệu ghi chép rằng, năm anh em ông Kiều Trần Như cùng tu khổ hạnh với Thái tử Tất Đạt Đa, sau trở thành những đệ tử đầu tiên của Phật, và từ căn bản đó, lần hồi giáo đoàn của Ngài tăng lên 1,250 người, tụ tập thành một đoàn thể tu tập với nhau và sống quây quần bên đức Bốn Sư, chịu sự giáo huấn của Ngài và nhận lãnh sứ mệnh truyền bá chánh pháp đến mọi chân trời, đó là khởi điểm cho những Giáo Hội Phật Giáo sau này.

Suốt 45 năm hoàng pháp độ sanh, đức Phật đóng vai trò một đạo sư, với trọn vẹn ý nghĩa một bậc thầy hướng dẫn giáo đoàn qua cuộc đời đạo hạnh, sự giải thoát và gương hy sinh của Ngài. Giáo đoàn của Phật không mang màu sắc giáo quyền, và Ngài không tỏ ra có uy quyền nào đối với chúng đệ tử. Phước trí song toàn của Ngài đã mang Ngài đến ngôi vị giáo chủ của một tôn giáo lớn đã trải qua hơn 25 thế kỷ, đạo Ngài đã có hàng triệu tín đồ khắp nơi trên thế giới ngày nay. Giáo đoàn của Ngài luôn luôn thể hiện tinh thần hiểu biết, tự do, bình đẳng và dựa trên giới luật phạm hạnh và phép lục hòa — thân thể cùng cư trú như nhau, miếng tiếng không cãi vã công kích nhau, tâm ý vui vẻ kính mến nhau, quyền lợi quân phân đều đặn cho nhau, ý kiến hiểu biết đều thông đạt đến nhau, theo cùng giới pháp tu tập với nhau.

Kể từ lúc Phật Giáo du nhập vào đất nước ta đến nay gần 20 thế kỷ, đạo Phật lúc nào cũng gắn liền theo vận mệnh dân tộc. Phật Giáo hưng thịnh thì quốc gia hưng thịnh như thời Đinh Lê Lý Trần. Chúng ta nhận thấy rằng trong những thời kỳ đó, những vị vua Phật tử không lợi dụng Phật Giáo để củng cố ngai vàng, địa vị chính trị, kéo dài quyền thống trị; trái lại các vua cũng như quan đã khước từ vương tước, địa vị để xuất gia tu Phật, trong đời sống xuất thế, trường hợp vua Trần Thái Tôn (1237) từ bỏ ngai vàng vào tu ở chùa Phù Vân tại núi Yên Tử (Quảng Yên, Bắc Việt); Vua Trần Nhân Tôn (1293) nhường ngôi cho con là Anh Tôn cũng vào núi Yên Tử dựng am tu hành đầu đà; Trần Quốc Toản con của Hưng Đạo Đại Vương từ bỏ công danh lui về Vạn Niên Hương, chuyên tu giải thoát và được vua Trần Thánh Tôn kính trọng tôn xưng Tuệ Trung Thượng Sĩ; đại quan Lý Đạo Tái (1254-1334) rũ áo từ quan, xuất gia tu Phật và trở thành đệ tam Tổ, có đạo hiệu Huyền Quang của phái Trúc Lâm. Các thiền sư Khuông Việt, Đa Bảo thuộc phái Vô Ngôn Thông; Pháp Thuận, Vạn Hạnh thuộc phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi là những quốc sư đóng giữ những vai trò hệ trọng của quốc gia, nhưng người ta không thấy sự lợi dụng nào để xây dựng Giáo Hội và tạo nên những thế lực cho đạo giáo mình.

Phật Giáo Việt Nam tiếp tục hưng thịnh và sáng chói vào đời Trần, và Phật Giáo Việt Nam cũng bắt đầu yếu ở cuối đời Trần, bởi lẽ các vua Hậu Trần thiếu tinh thần tích cực không như các vua trước lại gặp lúc nhà Nguyên, vua Thế Tổ Hốt Tất Liệt (1279-1367)

bên Tàu, nhìn nhận Hồng Giáo, một giáo phái của Lạt Ma Giáo Tây Tạng dùng lệch lạc bí mật thần chú sang việc bùa ếm trừ khử ma quái xâm nhập vào Phật Giáo Trung Hoa, làm quốc giáo ; Phật Giáo Việt Nam không tránh khỏi ảnh hưởng tà đạo ấy qua Phật Giáo Trung Hoa. Tiếp đến thời đại nhà Hồ ngắn ngủi, bảy năm cầm quyền, nhà Hồ cũng chẳng có đạo tâm gì. Kế đến, đất nước rơi vào bắc thuộc nhà Minh, Phật Giáo Việt Nam gặp phải pháp nạn trầm trọng ; quân Minh thu tóm tất cả tài liệu văn học, kinh sách Phật Giáo mang về Tàu và đốt phá các chùa chiền, cơ sở Phật Giáo, bắt dân chúng cúng tế theo tục lệ của Tàu ; vả lại dưới triều nhà Minh, đạo Lão thịnh hành nên không khỏi tiềm nhiễm màu sắc vô vi, yếm thế vào thiền Phật Giáo. Sau ách nhà Minh, nhà Hậu Lê ở nước ta, Nho học làm bá chủ nền văn học, tư tưởng của đất nước, tinh thần Tống Nho đề cao, nặng thi cử quan trường và cho rằng Phật Giáo là tôn giáo có màu sắc chán đời, tiêu cực, yếm thế dành cho những người thất chí v.v... Phật Giáo Việt Nam gặp phải những phân hóa, nên suy yếu, tăng sĩ dốt nát nên triều Lê đã tổ chức những kỳ sát hạch giáo lý, tăng sĩ nào trúng tuyển thì tiếp tục tu hành, còn không trở lại đời sống thế tục. Hình ảnh đức Phật thì được quan niệm như một vị thần linh trong việc cúng tế, cầu đảo của quần chúng.

Bước sang thời kỳ nội chiến, Trịnh Nguyễn phân tranh, Phật Giáo vẫn trong đà suy vi, chúa Trịnh ở Bắc Hà có nâng đỡ, kiến thiết chùa chiền ; chúa Nguyễn Nam Hà có lưu ý giúp đỡ như việc cho nhập cảnh các bậc cao Tăng ở Trung Hoa sang cũng như việc thỉnh

các kinh sách từ Trung Hoa về, và kiến thiết chùa chiền, Phật Giáo Việt Nam vẫn sa sút. Đến đời Phật Giáo cận đại, anh em Tây Sơn và Nguyễn Phúc Ánh đánh nhau, nhiều chùa chiền lại bị phá hủy, Phật Giáo lại càng sa sút. Khi Nguyễn Phúc Ánh thống nhất sơn hà, nhiều chùa được sửa sang nhưng Phật Giáo thật sự quá suy vi, từ vua quan cho đến thứ dân đều tin đạo Phật ở chỗ cầu đảo, mê tín dị đoan. Ông Phật là ông thần, ông thầy phải có chức tước như chức Tăng Cang dù ông thầy thiếu học thiếu tu. Tăng sĩ tiêu cực, phó mặc đạo mình ra sao thì ra, sống nhàn lạc và nghĩ rằng đó là đời sống giải thoát, nhiều chùa trở nên những cơ sở tín ngưỡng cá nhân, các bậc cao Tăng đã ít oi lại lui về ẩn dật thâm sơn cùng cốc chứ chẳng biết làm gì hơn trong tình trạng tứ bề suy thoái. Với đà yếu kém như thế, thêm người Tây Phương đặt chân thực sự lên đất nước ta cùng với văn minh vật chất và đạo Cơ Đốc Giáo, vốn là tôn giáo chủ trương bành trướng mãnh liệt với bất cứ phương cách nào. Phật Giáo Việt Nam và dân tộc trước cơn lốc và mọi giá trị đảo ngược ...

Đang lúc Phật Giáo Việt Nam rời rã, các bậc Tăng già như Tổ Vĩnh Nghiêm, Sư Cụ Tế Các, Bằng Sở (ở Bắc) ; Ngài Tâm Tịnh, Huệ Pháp, Phước Huệ (ở Trung) ; ngài Khánh Hòa (ở Nam) đã mở những cơ sở giảng dạy Phật Pháp ; Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học Hội ra đời năm 1931, Phật Học Hội thành lập ở Trung năm 1932, Bắc Kỳ Phật Giáo Tổng Hội thành lập năm 1934. Đáng lưu ý nhất là cơ sở giáo dục đào tạo Tăng Ni. Ở Bắc có trường Tăng tại chùa Quán Sứ, trường Ni tại chùa Bồ Đề ; ở Trung có Phật Học Viện

Tây Thiên, Phật Học Đường Bảo Quốc, trường Ni ở chùa Diệu Đức. Ở Nam có Phật Học Viện Lương Xuyên, Trà Vinh. Những tạp chí truyền bá Phật Pháp có Từ Bi Âm, Duy Tâm (ở Nam); Viên Âm (ở Trung) và Đuốc Tuệ (ở Bắc). Dù vậy, Phật Giáo Việt Nam vẫn còn yếu kém và chỉ tạo được phần nào căn bản cho những giai đoạn hoạt động về sau mà thôi.

Phải đợi đến năm 1952, một Hội Nghị Phật Giáo toàn quốc được nhóm họp tại cố đô Huế với sự tham dự của các tập đoàn Phật Giáo Bắc, Trung, Nam; đó là ba tập đoàn Tăng già (Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt, Giáo Hội Tăng Già Trung Việt, Giáo Hội Tăng Già Nam Việt) và 3 tập đoàn cư sĩ (Hội Phật Giáo Bắc Việt, Hội Phật Học Trung Việt, Hội Phật Học Nam Việt), tất cả trở thành một tổ chức Phật Giáo Việt Nam duy nhất, có tên **TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**; Hòa Thượng Thích Tuệ Tạng được suy tôn làm Thượng Thủ Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Đây là một tổ chức có tầm mức quan trọng từ trước tới lúc này, đánh dấu việc thống nhất Phật Giáo ba miền và việc chấn chỉnh nền Phật Giáo Việt Nam suy thối ở cuối chặng đường của những thánng năm dân tộc và Phật Giáo trải qua những chuỗi ngày nghiệt ngã. Tổ chức này cũng đã quy tụ những ý thức, những tâm huyết vì đạo vì dân, nên làm cho chính quyền “Bảo Hộ” Pháp và ngoại đạo lo ngại. Phải chờ đến 11 năm sau, Tổng Hội Phật Giáo mới tiến tới sự thống nhất toàn diện, quy mô. Tổng Hội

Phật Giáo toàn quốc giải thể sáu tập đoàn Phật Giáo, ba tập đoàn Tăng già, ba tập đoàn cư sĩ, để trở thành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, gồm các tông phái Bắc và Nam tông theo tinh thần dân chủ, vừa Tăng già vừa tín đồ cư sĩ sau một biến cố trọng đại, biến cố chính quyền Ngô Đình Diệm hạ lệnh triệt cơ Phật Giáo nhân ngày đại lễ Phật Đản tại Huế vào năm 1963.

Thực ra, đây là giọt nước tràn đầy sau cùng nhỏ vào ly nước đàn áp âm thầm có chủ trương của chính quyền nhà Ngô đối với Phật Giáo trước đó, nói một cách rõ ràng hơn, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tiếp tục con đường của chính phủ “Bảo Hộ” Pháp, con đường bành trướng của Gia Tô Giáo mà đạo dụ số 10 là một trong những bằng chứng cụ thể. Cuộc vận động của dân tộc và Phật Giáo phải được thể hiện qua ý chí và hành động để đòi hỏi chính quyền Ngô Đình Diệm tôn trọng những quyền lợi căn bản của dân như quyền tự do báo chí, ngôn luận, sinh hoạt chính trị, sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo. Toàn dân quyết tâm, Phật Giáo đòi hy sinh, Ngô triều cáo chung, quân đội và dân sự định đoạt vận nước, Phật Giáo đứng ra khỏi lễ chính quyền theo truyền thống và lo việc tổ chức nội bộ, một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập vào năm 1964 và dựa trên những nguyên tắc dân chủ, bình đẳng căn bản — Hai cơ quan được xem như giáo quyền của Giáo Hội, đó là Hội Đồng Giáo Hội Trung Ương và Hội Đồng Viện Hóa Đạo. Hội Đồng Giáo Hội Trung Ương gồm có 60 vị trưởng lão và thượng tọa giới luật tinh nghiêm, có thành tích

phục vụ đạo pháp. Thượng Tọa là những vị đã thọ Cụ Túc Giới từ 40 tuổi đời trở lên với ít nhất là 20 tuổi hạ và có những điều kiện như các bậc trưởng lão. Số lượng đồng đều giữa các bậc trưởng lão và thượng tọa cho hai tông phái. Hội đồng G.H.T.U. suy tôn đức Tăng Thống, ngôi vị tối cao của Giáo Hội, nhiệm kỳ của Hội Đồng G.H.T.U. không có thời hạn. Quyền hạn của Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất khoáng đại là bầu cử ban chỉ đạo Viện Hóa Đạo (chiếu theo đề nghị của Hội Đồng G.H.T.U.) và cử ban giám sát ; thành phần tham dự Đại Hội G.H.P.G.V.N.T.N. khoáng đại là 5 đại biểu cho mỗi tỉnh, 5 đại biểu cho mỗi quận đô thành và 10 đại biểu cho miền Vĩnh Nghiêm, không luận xuất gia hay tại gia.

Phật Giáo Việt Nam sau thời kỳ suy thoái vì nội bộ và ngoại lai, giờ đây đã cùng với đất nước thoát khỏi những ngày đen tối, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được dân chúng Việt Nam nhiệt tình ủng hộ ; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phát triển tốt đẹp về nhiều mặt, tổ chức Nha Tuyên Ủy Phật Giáo trong quân đội, tạo lập các cô nhi viện, gây dựng các cơ sở kinh tế cho các Phật Học Viện, Phật Học Đường, mở mang các cơ sở văn hóa, giáo dục như các trường trung, tiểu học Bồ Đề khắp các nơi, đại học Phật Giáo v.v... Nhưng chính sự phát triển lớn rộng đó đã khiến cho Giáo Hội rơi vào tình trạng không kiểm soát xuể, không tổ chức kịp thời những khóa huấn luyện đào tạo cán bộ Phật Giáo để cung ứng cho hoàn cảnh mới, xã hội mới. Giáo Hội đương

đầu với những vấn đề mới thật phức tạp, đặc biệt là ảnh hưởng chính trị vào tổ chức từ một số Phật tử cư sĩ trí thức tham chính hoặc có khuynh hướng tham chính. Giáo Hội đã nhận thấy tình trạng khá nguy hiểm và ra sức chỉnh đốn, ổn định thì biến cố 30 tháng 4 năm 1975, chu kỳ mười một năm đến với Giáo Hội, lần này không như mười một năm lần trước, Cộng Sản Việt Nam thôn tính toàn lãnh thổ, dân tộc, Phật Giáo rơi vào gông cùm, đàn áp. Phật Giáo Việt Nam và dân tộc Việt nam đã và đang bị hành hạ tới mức nào đây !?

Kinh qua những sự kiện, vấn đề tổ chức Giáo Hội là vấn đề rất được lưu ý, bởi vì Giáo Hội là một tổ chức cố hữu của Phật Giáo ; Phật Giáo thịnh hay suy đều tùy thuộc ở đó phần lớn. Khi đề cập đến Giáo Hội là đề cập đến hai thành phần tăng sĩ xuất gia và cư sĩ tại gia. Tăng sĩ xuất gia là hình ảnh biểu tượng cho sự giải thoát, là Chúng Trung Tôn, là linh hồn của Giáo Hội ; Tăng sĩ xuất gia còn mang đại nguyện cống hiến trọn vẹn đời mình cho lý tưởng phục vụ nhân quần xã hội, truyền bá chánh pháp đến mọi người để con người khổ đau trở nên con người hạnh phúc an lạc ; con người khổ đau trở thành con người hạnh phúc không thể không áp dụng giáo pháp của Phật, và khi con người an lành thì xã hội mới an lành — Con người được cải đổi tức là xã hội được cải đổi vậy.

Đức Phật vắng bóng trên cuộc đời hơn 25 thế kỷ, còn lại hình ảnh thân thuộc nhất để giúp người Phật tử tại gia gần gũi với giáo pháp là hình ảnh người tăng sĩ xuất gia chân chính ; cũng chính lý do đó, người xuất

gia đã trở thành một trong ba ngôi Tam Bảo để người Phật tử tại gia quy ngưỡng. Như vậy, người tăng sĩ xuất gia không chỉ có hình thức đầu tròn áo vuông mà còn phải đào luyện đời sống tâm linh, gia tâm nghiên cứu giáo pháp không ngừng và quan tâm ít nhiều đến các môn học ngoại điển có liên hệ đến tư tưởng, triết học, xã hội, khoa học nhân văn ... để giúp mình vào việc đào sâu nội điển có phương pháp và áp dụng việc giảng dạy Phật Giáo cho người chưa hiểu đạo; nhất là tăng sĩ đang ở trong những xã hội tiến bộ văn minh khoa học, vị tăng sĩ thiếu kiến thức nội điển và ngoại điển không thể nào lãnh đạo và truyền bá Phật Pháp đến quần chúng Phật tử có trình độ học thức. Sự tinh thông yếu lý Phật Giáo còn giúp cho người xuất gia tu tập hiệu quả, cách mạng con người vốn nhiều kiến chấp, tư kỷ, cá tính cố thủ và biết nhìn và dám nhìn thẳng những vấn đề hữu ích xây dựng chung.

Phật Giáo Việt Nam ở những thời kỳ suy thối trong quá khứ phần lớn do sự yếu kém, không học, ít tu, vô trách nhiệm của những tăng sĩ chỉ có hình thức trong những thời kỳ đó là một bằng chứng rõ rệt và làm cho người khác ngộ nhận đạo Phật là đạo mê tín dị đoan, đạo không văn minh, đạo của giai cấp hạ liệt, đạo của ông sư, bà vải tầm thường — Chuyện “Sãi Vải” của Nguyễn Cư Trinh dựa vào sự suy vi của Phật Giáo mà xuyên tạc Phật Giáo một cách ác ý và có lý của tác giả. Như vậy, tổ chức Giáo Hội cũng có nghĩa là chỉnh đốn những sự đổ nát trong tư tưởng, tâm hồn của những người mang hình thức tăng sĩ mà không ý thức vị thế của mình, và chỉnh đốn hàng ngũ để làm lo

dạng khi những thành phần trá hình xuất gia lẫn lộn vào hàng ngũ để thực hiện những ước vọng riêng tu hoặc dùng những lý thuyết Phật Giáo để tô son đánh phấn cho tư tưởng của mình hoặc dựa vào lý thuyết Phật Giáo mà tạo ra lý thuyết mới làm lệch lạc chánh pháp, tổn thương đến chánh pháp, có hại đến chân lý.

Chưa đủ Giáo Hội còn đòi hỏi thành phần Phật tử tại gia nữa, vì người Phật tử tại gia có một liên hệ mật thiết với Giáo Hội tức là liên hệ với giáo pháp của Phật khi đã tự nguyện làm người Phật tử. Người Phật tử tại gia là kẻ có đời sống gia đình nhiều trói buộc, người tham gia các sinh hoạt xã hội phức tạp, phiền muộn, nên người Phật tử tại gia càng cần áp dụng giáo pháp vào những trường hợp đó để giải tỏa những lo âu phiền muộn trong đời sống cá nhân, gia đình xã hội; người Phật tử tại gia càng dễ truyền đạt giáo lý Phật Đà đến kẻ khác trong những trường hợp giao tế, đồng cảnh, đồng tình. Vai trò người Phật tử tại gia vô cùng quan trọng đối với tổ chức Giáo Hội. Theo truyền thống Phật Giáo Tiểu Thừa người Phật tử tại gia là kẻ hộ pháp, giúp đỡ người xuất gia có phương tiện tu học và hoằng pháp và chỉ là kẻ dự lưu quả; trong khi đó, đối với Phật Giáo Đại Thừa, thiên tông cũng như tịnh độ chân tông, không những chỉ hộ pháp mà người Phật tử tại gia còn phải nỗ lực trong việc hoằng pháp và tu tập. Khi nỗ lực hoằng pháp, người Phật tử tại gia tiến lên con đường tu Bồ Tát hạnh, và khi nỗ lực tu tập thì người Phật tử tại gia cũng kiến tánh thành Phật, trường hợp ngài Huệ Năng và được cứu độ một cách bình đẳng theo bản thể của đức Phật A Di Đà. Như

vậy, người Phật tử tại gia đâu phải là kẻ thụ động, tiêu cực, thành phần phụ thuộc của Giáo Hội mà người Phật tử tại gia cũng là thành phần tích cực, dẫn thân của Giáo Hội. Dẫn thân tích cực thì kẻ ấy là con người Bồ Tát. Con người Bồ Tát từ đâu đến? Theo sự nhận định thông thường Bồ Tát là những bậc siêu nhân, ở ngoài cuộc đời và đến thế gian này để cứu độ chúng ta. Điều đó không sai, nhưng chúng ta quên đi một điều căn bản. Bồ Tát cũng đi từ con người, nhưng chỉ khác ở chỗ con người Bồ Tát có tâm nguyện sống cho kẻ khác, phục vụ kẻ khác. Bồ Tát rơi nước mắt khi thấy kẻ khác khổ não, khi bố thí cho kẻ khác vì tràn ngập vui mừng, khi thấy kẻ khác làm điều chân chính. Bồ Tát mang thân xác con người, nhưng tâm lực làm chủ được mình, ngạo nghễ với lòng vị kỷ, hèn nhát.

Trong sự liên quan tồn tại và phát triển chánh pháp, đức Phật đã dành trọn đời Ngài trong việc lợi tha, cứu giúp chúng ta, và hàng đệ tử xuất gia chân chính cũng noi theo gương Ngài, phục vụ nhân quần xã hội, trọn đời đóng góp vào việc lợi tha công ích, có lý nào hàng Phật tử tại gia viện dẫn nhiều lý do để thoái thác công tác hoằng pháp, những Phật sự chung, công việc kiến tạo chùa chiền là những nơi hữu ích cho hàng Phật tử tại gia mà thoái thác cho hàng tăng sĩ xuất gia lo liệu. Phật tử tại gia không thể là kẻ tùy thuộc, thụ động của Giáo Hội. Ngoài ra, một số Phật tử tại gia chủ động lập chùa mở Hội mời những vị thầy về trong mục tiêu mở mang những cơ sở tôn giáo tín ngưỡng mà mình đang quản trị, đang có địa vị trong cộng đồng quần chúng Phật tử hoặc giữ chùa cho dòng họ.

Trường hợp này vị tăng xuất gia trở lại là kẻ tùy thuộc Phật tử tại gia. Hai thái cực thụ động không trách nhiệm và chủ động lệch lạc như vậy phải được xóa đi trên ý thức sáng suốt của người Phật tử tại gia chân chính để Phật Giáo được phát triển một cách tốt đẹp, Giáo Hội được tổ chức có quy cũ.

Thế nào là người Phật tử tại gia chân chính? Người Phật tử tại gia được kể là chân chính, trước hết là người hiểu rõ đức Phật, có hiểu rõ đức Phật mới noi gương Ngài trên đường hướng về quả vị vô thượng Bồ Đề; thứ đến, người Phật tử tại gia phải nghiên cứu và thực hành giáo pháp của Phật, đặc biệt là phần giáo lý căn bản của người tại gia, tam quy ngũ giới, bát chánh đạo. Phần giáo lý căn bản này là nền tảng cho toàn bộ giáo pháp của Phật. Giáo Pháp Phật có hai phần, phần căn bản và phần hướng thượng; phần hướng thượng sẽ không có, nếu phần căn bản không có, và quả vị vô thượng không thể đạt. Cuối cùng, người Phật tử tại gia nhận định một cách rõ ràng địa vị và mục đích của người tăng sĩ xuất gia chân chính. Địa vị người xuất gia chân chính là trưởng tử của Như Lai, thay Phật xiển dương chánh pháp, hướng dẫn mọi người, làm gương cho kẻ khác ở những phương diện Bi, Trí, Dũng. Mục đích của người xuất gia là hoằng pháp lợi sinh. Hiểu rõ đức Phật để quy ngưỡng, nương Pháp của Phật để an lạc, giác ngộ, nhận định rõ ràng đâu là người tăng sĩ xuất gia chân chính để đồng sự tích cực tu tập và hoằng pháp tức là người Phật tử tại gia đã quy y rồi đó.

Tổ chức giáo Hội là hai thành phần tăng sĩ và cư

sĩ, tự mỗi bên nâng cao phẩm chất của mình và cần soi sáng, thương yêu nhau trong sự soi sáng ấy ; nói cách khác, tổ chức Giáo Hội là thống nhất tinh thần, ý chí tu học và phục vụ của hàng tăng sĩ xuất gia và hàng Phật tử tại gia theo tổ chức cố hữu của Phật Giáo mà đức Phật đã quy định.

THÍCH NGUYỄN ĐẠT

PHẬT GIÁO CÓ GÌ MỚI LẠ ?

Kinh Bảo Tích là một bộ kinh mang nội dung súc tích, thuyết minh rành rẽ về tâm hạnh của Bồ Tát. Hành giả phát tâm tu Bồ Tát hạnh, cần phải thấu triệt tâm nguyện hành nghi của Bồ Tát. **Kinh Bảo Tích** còn giảng trạch chánh tà, khai mở quang lộ cho hành giả sớm đạt đạo Bồ Tát giác ngộ. Người phát tâm tu hành cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề không thể thiếu bộ kinh quý giá này. Kinh do T.T. Thích-Đức-Niệm dịch và giảng, vừa mới xuất bản.

KỂ CHUYỆN CHO MẸ



MINH ĐỨC HOÀI TRINH

VU LAN này tìm mãi chẳng biết mang chuyện gì ra kể cho mẹ nghe, nhân vừa đọc mấy tập tài liệu về chữ Hiếu, con mang câu chuyện mà con cho là Siêu Hiếu ra thảo luận với mẹ.

Ngày xưa mẹ hay xem lịch và mẹ thường nhắc các con ngày nào là Thi Nhân Tiết, ngày nào là Giáo sư tiết, Nhi nữ tiết ... thì hôm nay mặc dầu ngày ấy đã qua nhưng con cũng nhân dịp Vu Lan đưa ra thảo luận với mẹ và cả với quý độc giả quen thuộc qua Tập San P.G.T.N.này. Chuyện có thể lấy tên là chuyện Nàng Lan Nhi, ngày ấy trốn chồng về thăm nhà, lữa lúc ông chồng phải ra ruộng trông nom cho thợ làm. Mục đích của người đàn bà ấy về nhà không phải để thăm viếng hay làm điều gì khác, mà để chết.

Chữ Hiếu ở đây phải được gọi là siêu hiếu không còn là thứ hiếu của mọi người vẫn nghe, vẫn hành động. Chắc hẳn ngày nay không ai hiếu nổi, không phải chỉ hiếu đối với nhà mình, cha mẹ mình, mà đối với cha mẹ chồng với giòng họ nhà chồng.

Nàng Lan Nhi về làm dâu nhà họ Trang, họ nhà này suốt mấy đời chưa có đời nào có khoa bảng, chỉ tầm thường đủ ăn, và điều làm cho mọi người buồn nhất là đời nào cũng chỉ sinh có một thằng con trai, còn thì toàn là con gái, mà người xưa như mẹ đã biết, chỉ nhất nam mới được viết tử. Vì vậy đến đời Trang Ông này cũng chỉ sinh được một cậu con trai, đặt tên là Trang Thiêm Đinh, với hy vọng sẽ thêm nhiều đinh, tức là nhiều cậu trai khác. Vô ích, vì anh chàng này không có em trai và, đến lúc chàng cưới vợ về, mặc dầu đã chọn vợ theo tướng, xem tuổi tác đủ thứ mà từ khi lấy về, mấy năm cũng chỉ sinh có một đứa con trai rồi ngừng. Trang Ông buồn lắm, đặt tên cho đứa cháu nội là Trang Lai Đệ, thế mà mấy năm trời chẳng có đứa em nào.

Trang Ông có biết chút ít về khoa phong thủy và đã ngờ rằng ngày đến lập nghiệp tại vùng này, cũng đã bảy tám đời mà, thủa ban đầu chắc còn u mê không biết gì, nên đã chôn tổ tiên một cách bừa bãi, không nhìn nước, nhìn hướng, nhìn sa, nhìn huyệt nên kết quả mới ra ngày hôm nay.

Trang Ông cương quyết giao hết nhà cửa cho con trai và con dâu trông nom, còn mình thì suốt năm, suốt tháng ăn xong chỉ biết cắp cái La Bàn đi các vùng núi

non, mong tìm một ngôi đất quý, khả dĩ thay đổi được mệnh vận của giòng họ mình. Một hôm Trang Ông đi về, mặt mày hớn hở, chẳng dẫu được đôi mắt quan sát của nang dâu. Lan Nhi không những đảm đang, còn thông minh và xinh đẹp, phụng thờ bố chồng hơn cả bố mình.

Nàng dâu hỏi thăm ngay: Hôm nay sao bố vui thế, hẳn đã tìm ra được ngôi đất quý nào rồi chẳng?

Biết rằng mục đích của bố chồng từ mấy năm nay chỉ có thế mà thôi, làm sao tìm ngôi đất để cải vận mệnh giòng họ, và nàng cũng chẳng mong gì hơn.

- Sao con tài thế, con nói đúng đấy, bố vừa ngắm được một ngôi đất vô cùng xứng ý. Mấy tháng nay lùng quanh mãi các nơi xa, ai ngờ nó lại ở gần Bồ nghi rằng nhà ta bị cách Thủy Phá thiên tâm nên giòng họ mới bị thiếu đinh và tài bất tụ như thế. Lắm khi, chỉ một chút hướng để lệch, hoặc một sự làm lẩn nào đó, mà từ thượng cách trở thành hạ cách, từ bậc tôn quý trở thành ăn mày. Hoặc phải ly hương bỏ xứ, hoặc phải chết biển, chết sông, hoặc trong gia đình hỗn loạn...

Nàng dâu nghe bố nói thì chỉ biết vậy thôi, người đàn bà chỉ muốn ông bố giảng về ngôi đất này xem nó ở đâu, nó sẽ mang lại những gì cho gia đình biết rằng ngày nào bố mất đi, thì mình sẽ phải gánh vác tất cả.

- Bố giảng về ngôi đất này cho chúng con nghe đi.

Trang Ông vui vẻ giảng nó là cách Phúc Thọ Văn Tinh, đây là bố chỉ nói về sa thôi, chưa nói đến những điểm khác. Nếu mọi việc xuôi thuận thì chỉ độ 10 năm

nữa là giòng họ Trang nhà ta tha hồ đông đảo. Thằng Lai Đệ tha hồ bế em cho mẹ.

- Nhưng nó thuộc vùng nào bố biết không ? Người con trai nóng ruột hỏi.

- Biết chứ sao lại không, chỉ có phong thủy mới chữa được bệnh của Phong Thủy mà thôi, ngôi đất thuộc vùng Phó Sơn, huyết ở chỗ có năm ngọn núi, lại thuộc ngọn Cầu Minh, nói xong ông ngừng tẩm tất có vẻ đất ý như đã nhìn thấy sự hưng thịnh trước mắt.

- Phó Sơn đâu phải thuộc vùng ta, bố liệu mà đi hỏi cho kỹ xem đã, chưa gì mà bố vội vàng, ngộ nhờ người ta không chịu bán thì sao ?

- Bố hỏi rồi, ngọn núi này của bố Lan Nhi, tức là ông nhạc con đấy. Chẳng lẽ họ không vị tình sui gia mà nhường cho bố sao.

Ngày mai ông dậy sớm, bảo con dâu xếp đặt các thứ lễ vật vào quang gánh để rồi cho tên lão bộc gánh đi cùng với ông sang vùng bên, thăm sui gia. Hai ông sui lâu ngày không gặp nên mừng rỡ, hối hả giết gà làm cơm. Bố của Lan Nhi chưa biết ông sui còn có lý do gì khác chứ đâu phải ngày giỗ ngày kỵ hoặc lễ tết gì, ông hỏi thăm ngay lý do.

Trang Ông không dấu diếm, nói thẳng ý định rằng đã tìm được một ngôi đất, cần sự giúp đỡ của ông ngoại thằng Lai Đệ.

- Được mà, gì chứ chỗ chúng ta sui gia với nhau, tôi sẽ xin giúp bác tận tình, ngoài tình sui gia chúng ta còn là bạn từ thuở thơ ấu.

Trang Ông mừng quá, nói ngay rằng mình muốn xin hoặc đổi hoặc mua lại ngôi đất ở ngọn Cầu Minh.

- Cái gì chứ cái ấy thì không được, bác có cát vàng thêm tôi cũng xin chịu. Nói mãi, Trang Ông còn đòi cát thêm mấy mẫu ruộng tốt cũng không được, cuối cùng hai người đành chia tay, không ai muốn nhìn mặt ai thêm nữa.

Về đến nhà Trang Ông buồn bực nằm vật xuống giường rồi cứ thế mà bỏ ăn bỏ ngủ đến phát bệnh. Nàng dâu lo ngại nhìn bố chồng, hết lời khuyên dỗ nhưng ông vẫn nằm thở dài thở ngắn. Không ngờ bố của Lan Nhi tuy chẳng biết gì về phong thủy nhưng đã được một danh sư đến giảng giải về ngôi đất của núi Cầu Minh. Một là phải chôn ngay chỗ Tính của con chó, hai là người chết phải là đàn bà, nếu là đàn ông thì ngôi mộ sẽ thành vô bổ, chẳng có gì đặc biệt, không phát, không tăng thêm một điểm lợi lộc nào. Bố của Lan Nhi cũng đã có ý định mang hài cốt vợ mình lên chôn ở đấy nhưng vì còn bận một vài việc, vả lại muốn cải táng cũng phải đợi đúng ngày tháng nên ông chưa thực hành chứ đâu có phải ai ngu dại hơn ai. Giá ngôi đất không đòi hỏi rằng sơn gia (người chết) phải là đàn bà thì ông sẽ chờ một đêm khuya nào mang cuộc xêng lên tự đào lấy một cái huyết cho mình rồi tự tử để được chôn ngay đấy cho con cháu nhờ.

- Bố có cách gì không ? Lan Nhi thắc mắc hỏi.

- Có cách thì có nhưng tàn nhẫn lắm, đòi hỏi một sự hy sinh, bố không thể nào dám nghĩ đến.

Lan Nhi nài nỉ mãi ông mới nói rằng chỉ có một

cách duy nhất là Lan Nhi về thăm cha và chết ngay tại nhà thì người cha sẽ không còn cách gì để từ chối không cho chôn vào ngôi đất quý ấy. Cố nhiên là dòng họ Trang sẽ mang ơn nàng đời đời kiếp kiếp, và tất cả sẽ đều là con cháu của Lan Nhi chứ cũng không có ai xa lạ, vì rồi đây mộ sẽ phát và Lai Đệ sẽ có vợ có con có cháu ... Nàng dâu nghe bố chồng nói xong, chỉ cúi mặt không trả lời. Ngờ đâu cái biện pháp lại đòi hỏi nàng nhiều đến thế. Lan Nhi xin phép bố chồng được đi ra ngoài một lúc, ngày mai sẽ trả lời.

Người đàn bà hiếu thuận này đi thẳng ra ngoài đường, bước từng bước chậm chạp ra đến bờ sông, thả tâm tư theo giòng nước, suy nghĩ ... Một cuộc đời có nghĩa lý gì, rồi đây, hai ba chục năm nữa, hai ba trăm năm nữa, ai còn biết tới ai. Trong khi chỉ có một thân nàng hy sinh mà cả họ nhà chồng đời đời được mở mặt mở mày với làng nước, con cháu nàng sẽ nên danh phận... Có chữ hiếu nào bằng chữ Hiếu này. Nghĩa lý gì một cuộc đời, rồi trước sau nàng cũng phải chết... Mặc dầu chồng nàng đã hết sức phản đối gây gổ với cha, bảo rằng cha tàn nhẫn, ích kỷ. Vợ của tôi là của tôi, bố không có quyền đòi hỏi sự hy sinh ấy, tôi không muốn thành người đàn ông cô quả và con tôi còn nhỏ nó cần được sống bên mẹ.

Ông bố đã hết lời phân trần, nhưng chàng con trai vẫn không chịu hiểu và ngày đêm chỉ lo canh giữ vợ, sợ Lan Nhi có trốn mình để làm cái công cuộc siêu hiếu thuận này. Thế mà, chờ một thời gian qua, khi người chồng đã nguôi, ngỡ rằng câu chuyện được lãng quên

không ngờ một sáng chàng đi vắng, người vợ đã lên bệ con sang nhà bố, để rồi thực hành cái ý định.

Người chồng trở về thấy nhà vắng đã có lòng nghi cứ thể mà chạy sang nhà bố vợ thì nghe tiếng khóc biết rằng vợ mình đã chết. Người cha cũng vì sợ bị vạ, nên đã bằng lòng cho chôn con gái ở ngay huyết quý của mình.

Câu chuyện kết thúc ở đây, cố nhiên là người trong vùng rất cảm phục tấm lòng hy sinh cao quý và cái chữ hiếu đến như thế là hết mức, nên người ta lấy ngày 28 tháng 2 ấy mỗi năm làm ngày Nữ nhi tiết, các cô gái đã lấy chồng cũng lấy đó làm ngày kỷ niệm về thăm nhà mình, nhưng không phải để bắt chước Lan Nhi.

Mẹ nghĩ sao về câu chuyện và mọi người nghĩ sao về câu chuyện. Nhà Phật có cấm hành động như thế, nếu gặp quý Thầy con sẽ xin ý kiến. Chắc chắn là mọi người sẽ chê, cho rằng u mê, câu chuyện cũng làm con suy nghĩ nhiều. Đức Phật dạy rằng, chư hành vô thường thì tại sao lại không? Vì cuộc đời này có lắm kẻ chỉ lo toan đếm tiền mà không hề nghĩ đến cái vô thường của ngày mai, chết đi cũng chỉ là một mâm cỗ cho lũ sâu bọ. Thà như người thiếu phụ ấy mãi đến ngày nay còn được người đời nhắc đến và nếu người đời có quên thì cũng có những đứa như tụi con, đi lục loại các thứ sách cũ để tìm đề tài, kể cho mẹ nghe.

Mẹ nghĩ gì về thuật phong thủy, con cứ ân hận sao ngày ấy không chịu học để sau đó có thể thực hành nhiều thứ. Mặc dầu vẫn mình không cần đến nữa,

người ta hỏa táng nhau cho khỏi chạp đất, cho đỡ tốn tiền, thật đáng tiếc nhưng biết đâu sự văn minh hôm nay sẽ được cho là thủ tục trong ngày mai.

Mẹ có cho là gàn không. Năm nay Vu Lan chẳng lẽ không có gì đóng góp. Nghe Phật Học Viện lại sắp mở rộng, con tiếc rằng mẹ không còn trên cõi đời để cùng mẹ lên chùa, gửi mẹ vào chùa để mỗi tuần đến thăm. Hẳn mọi người đều mơ ước được như thế. Có chỗ để đọc sách nghe kinh, gần chùa, gần Phật.

Mẹ và quý độc giả có đồng ý rằng câu chuyện này có thể gọi là Siêu Hiếu không?

MINH ĐỨC HOÀI TRINH



TRỞ VỀ NGUỒN



MINH TRÍ THIÊN BỬU

Thảm thoát đã 13 năm nước mất nhà tan bởi thế lực siêu cường bất tử. Đồng bào Việt Nam còn ở lại quê nhà, trong đó có Tăng, Ni đang trải qua một kiếp sống đọa đày làm than tui nhục thua hơn con vật, dưới gông cùm của bạo quyền Cộng sản phi nhân. Đồng bào chúng ta vẫn tiếp tục bỏ nước ra đi, chấp nhận hiểm nguy chết chóc, phó thác cho số phận rủi may để hy vọng đánh đổi hai tiếng tự do trên xứ người.

Mới gần đây, chính quyền Thái Lan lại đột nhiên thay đổi chính sách, bắt chẹt thế giới tự do nhất là Hoa Kỳ, mưu đồ lợi ích riêng tư, nhẫn tâm xua đuổi số đồng bào ta may mắn tấp đượ vào bờ biển của họ. Thậm chí họ còn lôi kéo ghe thuyền vượt biên của đồng bào ra hải phận quốc tế hoặc tập trung đưa đến các hoang đảo không cho lương thực nước uống. Họ hung hãn, tàn bạo, dã man; họ đánh đập, cưỡng hiếp, cướp giựt và tàn sát số đồng bào xấu số của chúng ta.

Họ bất chấp dư luận thế giới, ngang nhiên đi ngược lại truyền thống nhân đạo, từ bi của Phật Giáo là quốc giáo của họ đã ăn sâu cội rễ và đã từng làm văng vẳng hưng thịnh cho Thái Lan qua bao cuộc thăng trầm biến đổi của thế giới, nhất là trong thế kỷ 20 này. Chúng ta đã và đang tranh đấu quyết liệt khắp mọi nơi trên thế giới có người Việt Nam tị nạn. Chúng ta cũng đã và đang thỉnh cầu Quốc Vương, Hoàng Hậu, Hoàng Gia cũng như chính phủ vương quốc Thái Lan hãy hồi tâm mở rộng bàn tay đón nhận số đồng bào của chúng ta đến được Thái Lan như họ đã từng làm trước đây.

Trong lịch sử nhân loại từ xưa nay, chúng ta chưa hề thấy một dân tộc nào phải bỏ nước ra đi ồ ạt, tiếp diễn liên tục 13 năm qua như dân tộc Việt Nam. Rồi đây đồng bào của chúng ta sẽ còn tiếp tục ra đi mãi mãi không hề dứt, trừ phi bạo quyền Cộng sản bị tiêu diệt.

Thử hỏi dân tộc Việt Nam có tội tình gì? Thử hỏi tình thương nhân loại của thế giới tự do, vốn dĩ đã một thời khoa trương rầm rộ, nay đã tắt lịm hết rồi sao? Tại sao các quốc gia tự do lại nhẫn tâm làm ngơ và im lặng trước sự thống khổ đau thương tột cùng của một dân tộc anh hùng bất khuất, đã từng làm con vật hy sinh cho tiền đồn chống Cộng của thế giới tự do tại Đông Nam Á?

Cũng 13 năm qua, một số đồng bào Việt Nam may mắn trốn thoát đến được bờ tự do, đang gượng gạo làm lại cuộc đời, nhưng lòng họ vẫn luôn khắc khoải u hoài, triền miên đau khổ tủi hận. Các bậc lớn tuổi ông

bà cha mẹ lại càng đau đớn chua xót nhiều hơn. Họ đã hoàn toàn mất hết tất cả, thậm chí họ đã mất cha, mất mẹ, mất con, mất anh em ... Trong các trại lao tù Cộng sản, ở các vùng kinh tế mới tập trung cưỡng bách, trên đường vượt biên v.v....

Hồi tỉnh lại họ nghĩ rằng con đường duy nhất còn lại cho họ và gia đình họ để tồn tại nơi xứ người là bảo tồn văn hóa, đạo đức, nếp sống truyền thống cao đẹp của tổ tiên, tức là trở về nguồn bên mái Chùa thân yêu, bên các bậc chân Tăng mà những chiếc áo vàng vẫn muôn đời tượng trưng cho từ bi, hỷ xả, hiền hòa đôn hậu, đầy tình thương trang trải muôn nơi. Chỉ nhìn đến những chiếc Áo Vàng của Chư Tăng Ni khả kính khả ái, cũng đủ làm mát dịu tâm hồn. Rồi qua câu kinh tiếng kệ hòa lẫn tiếng chuông mõ ngân nga như những giọt nước Cam Lộ có hiệu năng phi thường dập tắt mọi khổ đau phiền não, làm cho mọi người an vui thơ thới nhẹ nhàng và tin tưởng ngày mai. Họ bắt đầu ham sống, yêu đời yêu Đạo. Họ dẫn dắt con cháu và rủ nhau về chùa, quán quít bên chư Tăng Ni chân chính đạo cao đức trọng. Họ dám bỏ mọi thú vui vô ích nhất thời những ngày nghỉ cuối tuần để về chùa lễ Phật, tu tập, công quả. Họ chuyện trò vui cười quán quít bên quý Thầy. Họ tự động sắp xếp nhau để quét dọn, lau chùi, dọn dẹp, săn sóc, tu bổ, sửa chữa các thứ trong chùa. Họ tạm gác bỏ ngoài cổng chùa mọi chuyện mọi việc của thế gian phàm tục như nhà cao cửa rộng, kỹ sư, bác sĩ, ông này bà nọ, hột xoàn xe hơi tiền bạc danh lợi v.v... Họ rất dễ dàng hòa mình trong tình bạn đạo, rất dễ dàng hỷ xả tha thứ cho nhau và cũng rất thắm

thía “bằng cao chức trọng”, uy quyền, thế lực, bề phái đã bao lần làm băng hoại tan nát quê hương. Vì đó, ngày nay họ mới vong gia thất thổ lia bỏ quê hương, căm hờn vong quốc. Ý nghĩa thay họ còn “đòi” được ăn cơm chùa, ngủ ở chùa để chăm sóc giữ gìn ngôi Tam Bảo do chính bàn tay, khối óc, công sức của chư Tôn và của họ qua bao năm tháng mới tạo được. Họ thường tâm sự với nhau là gia tài quê mẹ Việt Nam đã hoàn toàn mất hết, nhưng may mắn cho họ còn đem theo được một bảo vật vô giá, đó là niềm tin Phật Pháp Nhiệm Mầu, niềm tin truyền thống của ông cha.

Mặc dầu cuộc sống bưng đầu cho bản thân và gia đình nơi xứ lạ quê người gặp nhiều khó khăn thiếu thốn lại bỏ ngõ, nhưng hề nghe nơi nào có chùa, có các bậc chân Tăng đạo cao đức trọng là họ tìm mọi cách đến các nơi đó để góp công góp của vun trồng cây Bồ Đề trên xứ người. Cũng vì truyền thống bất di bất dịch đó của Phật tử Việt Nam tị nạn ngày càng đông, cho nên chư Tôn Đức chân chính phải lo âu, suy tính rất nhiều, không những cho hiện tại mà cả các thế hệ mai sau. Số lượng chư Tôn Đức chân chính hiện có rất giới hạn mà nhu cầu Phật sự thì mỗi ngày mỗi tăng, đáng cho chúng ta suy ngẫm và đắn đo.

Câu châm ngôn của Việt Nam xưa nay thường nói : TRE TÀN MĂNG MỘC. Nó hàm chứa rất nhiều ý nghĩa cả đời lẫn Đạo, thấm nhuần trong huyết quản của mỗi chúng ta, người con dân Việt, người đệ tử Phật. Trong hoàn cảnh tị nạn hiện nay, câu châm ngôn đó thật cần thiết. Sát cánh với chư Tôn Đức chân chính để duy trì, củng cố và phát triển Chánh

Pháp cũng như văn hóa xã hội là bổn phận và trách nhiệm của mọi người chúng ta. Các thế hệ mai sau của con cháu chúng ta có còn giữ được cội nguồn và Đạo Pháp hay không đều do trách nhiệm ở chúng ta. Cả ngàn năm quốc gia Do Thái bị xóa hẳn trên bản đồ thế giới, dân tộc Do Thái phải lưu lạc bốn phương trời, nhưng họ vẫn giữ được cội nguồn tín ngưỡng, văn hóa của riêng họ. Nhờ sức mạnh đó mà họ đã trở về được cố quốc dựng lại cơ đồ hơn 40 năm qua trên bờ Địa Trung Hải. Đối lại dân tộc Việt Nam hơn hẳn họ mọi mặt. Trên ngàn năm đô hộ của Tàu, ngót trăm năm đô hộ của Pháp, nhưng dân tộc Việt Nam không bị đồng hóa, Phật Giáo Việt Nam vẫn trường tồn, trên bốn ngàn năm văn hiến không bị lung lay.

Chúng ta có đủ thông minh khôn khéo, có thừa kinh nghiệm, luôn luôn đề cao cảnh giác để sinh tồn, để nhận chân đâu là chính tà vàng thau. Chúng ta phải có đường hướng dứt khoát, không thiên vị, không dễ dãi khoan tráng “sao cũng được”, không cảm tình vị nể riêng tư, không thương hại tội nghiệp trước những màn kịch nội chương ngoại ma để đánh lạc hướng chúng ta, than van kể lể để kích động tình thương sẵn có của người Phật tử chúng ta. Người con Phật phải sáng suốt không nên rung động trước những trạng thái nguy my van xin tình thương. Những hình thái này đã đánh lừa được nhiều tấm lòng nhẹ dạ thương xót làm hư hỏng đại cuộc dân tộc đạo pháp. Chúng ta nhất định không để bị mua chuộc hứa hẹn lợi lộc. Chúng ta cũng không tránh né, tiêu cực, thờ ơ lãnh đạm trước sự tồn vong của Phật Giáo Việt Nam ở hải ngoại. Phật

Giáo gắn liền với dân tộc. Phật Giáo có phần trách nhiệm với dân tộc như đã chứng minh trong lịch sử Việt Nam, như thời đại Đinh Lê Lý Trần và gần đây. Chúng ta không quên :

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông.*

Với tài hèn sức mọn tôi vẫn nguyện cố gắng cùng với toàn thể quý đồng bào Phật tử khắp nơi, nhất là ở Hoa Kỳ, xin gióng lên những tiếng chuông cảnh tỉnh tha thiết chân thành không ngoài mục đích giản dị tầm thường nhưng rất cần thiết là sự tồn vong của Phật Giáo với dân chim Việt lưu vong. Ngưỡng mong chư Tôn Đức Trưởng Tử Như Lai quý kính từ bi hỉ xả chỉ giáo và các bậc trưởng thượng, thức giả, thiện tri thức niệm tình thông cảm.

Cuối tháng 3-1988, tôi được chư Tôn gọi về gấp để giúp quý Thầy vài công việc cho các ngày Đại Hội sắp đến. Quý Thầy còn căn dặn mang theo ít quần áo để thay đổi, còn cơm nước và chỗ nghỉ thì "của chùa". Tôi rất lo lắng vì không biết tôi sẽ phải làm được gì cho quý Thầy với khả năng hạn hẹp của tôi. Tôi hỏi con tôi gọi gấp đến các hãng hàng không dọ giá khứ hồi và lấy vé cho tôi. Hôm ấy đang trong thời gian tôi trì tụng Kinh Thủy Sám, nhân tiện tôi cầu nguyện xin hồng ân Tam Bảo gia hộ cho tôi trong chuyến đi công tác này.

Đến Los Angeles, tôi còn phải ra phi trường đón vài bạn đạo từ xa về phó hội. Gặp lại nhau sau bao ngày xa cách, chúng tôi chào hỏi và ôm nhau bù ngùi

xúc động. Tình bạn đạo thật là thấm thiết, gắn bó, cởi mở, thương nhau như ruột thịt. Chúng tôi nguyện hết sức cố gắng để không phụ lòng tin tưởng của bà con Phật tử địa phương cũng như của chư Tôn Đức khả kính mà toàn thể Phật tử Việt Nam đều biết đến và luôn luôn tôn kính quý trọng quý Thầy.

Ngày 31-3-1988 nhiều anh chị em bạn đạo chúng tôi ở khắp nơi về đây, đến một ngôi chùa ở vùng Orange County để nghỉ ngơi và sắp xếp vài công tác cần thiết cho Đại Hội khai diễn ngày mai.

Theo căn dặn của quý Thầy, chúng tôi có mặt sáng sớm ngày 1-4-1988 để điếm tâm với quý Thầy lúc 8 giờ tại địa điểm tổ chức Đại Hội là chùa Việt Nam ở đường Magnolia, Garden Grove, Santa Anna.

Các phái đoàn đại diện khắp nơi trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ, từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, đang lần lượt về phó hội đông đủ. Chúng tôi nhận thấy tất cả 34 phái đoàn có đông đủ Tăng Ni và Cư Sĩ. Ngoài ra còn có các Phái đoàn Phật Giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Phật Giáo Hoa Kỳ, Thiên Chúa Giáo, đại diện Thống Đốc tiểu bang California, các vị thị trưởng các quận hạt lân cận, các hội đoàn Việt Mỹ, các cơ quan truyền thông truyền hình và báo chí Mỹ Việt v.v... Đặc biệt trong các ngày Đại Hội, Thượng Tọa Thích Thiện Nghị Tổng Hội Trưởng Phật Giáo Việt Nam tại Canada, khai sơn chùa Tam Bảo tại Montréal, Canada và Thượng Tọa Thích Tịnh Hạnh Viện Trưởng Viện Phật Học Việt Hoa tại Đài Loan kiêm phó Hội Chủ Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn tại

Hoa Kỳ đều có mặt và tích cực giúp đỡ mọi vấn đề cho Đại Hội đi đến thành công.

Lần đầu tiên trên xứ người, tôi được may mắn tham dự Đại Hội này. Nhận thấy các Phái đoàn khắp nơi, đã không quản ngại thì giờ và đường xá xa xôi về phó hội rất đông. Hàng ngàn Phật tử địa phương cũng bỏ thì giờ, bỏ công ăn việc làm vân tập về đây góp phần cầu nguyện cho Đại Hội thành công. Điều rất cảm động là bà con tự động giúp đỡ, sắp xếp bàn ghế, lo các bữa ăn cho các Phái đoàn, đón tiếp hướng dẫn bà con ở các nơi xa về và cổ võ khích lệ cho tất cả chúng tôi rất nhiều. Các bà mẹ Việt Nam nào lo đi chợ, nào lo cơm, nước, nào nấu nướng các món ăn thay đổi từng bữa, nào sắp xếp lau chùi quét dọn v.v... với nụ cười và lời nói đầy đạo vị chân tình thấm thiết.

Tất cả những hình ảnh sống động cao đẹp đó đã làm cho tôi xúc động, bắt tôi hồi tưởng những ngày Đại Hội thành lập GHPGVNTN ở quê nhà tại Sài Gòn năm xưa. Tôi đang miên man thả hồn về cố quốc diệu vợi, về hai Viện Tăng Thống và Hóa Đạo ở các đường Sư Vạn Hạnh và Trần Quốc Toản ở Sài Gòn, trong khi Đại Hội đang đưa tay bầu tôi làm kiểm soát viên cho Đại Hội với Thầy Tín Nghĩa, mà tôi không để ý nên bị một đạo hữu ngồi gần thúc cho cái cùi chỏ vào hông đưa tôi trở về với thực tại.

Đại Hội được khai mạc đúng 10 giờ sáng ngày 1-4-1988 đúng theo chương trình ấn định. Dưới bầu trời nắng ấm buổi ban mai, tất cả chư vị có mặt trong Đại Hội đều cảm thấy mát lòng thơ thới. Hàng trăm

ghế ngồi không còn chỗ trống. Rất đông bà con Phật tử phải đứng chật hết xung quanh và cả ở ngoài sân chùa. Giờ phút này thật là trang nghiêm, long trọng và ý nghĩa. Mọi người như nín thở để dồn hết tâm tư cầu nguyện cho Đại Hội được thành công viên mãn. Tôi lắng nghe và nhìn thấy cả một hội trường rộng lớn có tiếng niệm Phật ... dứt đoạn ... vì nghẹn ngào xúc động với những khóe mắt long lanh. Giây phút này thật là thiêng liêng nhiệm mầu không làm sao lột tả cho hết ý nghĩa.

Theo chương trình ấn định, các ngày 1 và 2-4-1988 dùng để :

— Thảo luận Hiến Chương của GHPGVNTN tại Hoa Kỳ

— Thảo luận các Nghị Quyết về Tù nhân tại Việt Nam và đồng bào tị nạn.

— Bầu cử Hội Đồng Chứng Minh và Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Tại Hoa Kỳ.

— Tiếp tân và họp báo

— Văn nghệ giúp vui.

Ngày 3-4-1988 dùng để :

— Làm lễ phát nguyện của Hội Đồng Chứng Minh và Hội Đồng Chỉ Đạo GHPGVNTN tại Hoa Kỳ.

— Lễ ra mắt GHPGVNTN tại Hoa Kỳ

— Lễ trai Tăng

— Lễ đặt viên đá xây chùa Phật Giáo tại Orange County.

Từ chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni đến các Phật tử phó hội đều tích cực thảo luận, đề nghị các ý kiến xây dựng. Tất cả Đại Hội đều mang tâm niệm và hoài bão là phải quyết tâm xây dựng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ. Nhu cầu quan trọng và cấp thiết này không những chỉ để đáp ứng nguyện vọng tha thiết chính đáng bao năm qua của toàn thể Phật tử Việt Nam tị nạn tại Hoa Kỳ mà còn là Một Tiếng Nói Chung của Ngôi Nhà Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ.

Niềm thao thức âu lo bao năm qua của toàn thể Phật tử Việt Nam tại Hoa Kỳ, nay đã được toại nguyện. Từ nay, chúng ta đã có sẵn thể đứng chung vững chắc cả đối nội lẫn đối ngoại. Tiếng nói của Phật Giáo Việt Nam không còn rời rạc, riêng rẽ, yếu kém. Chúng ta được yên tâm để cùng nhau chung lưng đấu cật, chia xẻ bổn phận và trách nhiệm, gánh vác và sát cánh với Giáo Hội Trung Ương. Chúng ta nhất định phải bảo vệ Ngôi Nhà Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ ngày thêm vững mạnh. Chúng ta cũng có quyền hãnh diện vui mừng đã trực tiếp hay gián tiếp góp phần xây dựng và hình thành GHPGVNTN tại Hoa Kỳ.

Trang sử vàng của Phật Giáo Việt Nam hải ngoại đã mở.

Tre tàn thì măng phải mọc. Các thế hệ mai sau của con cháu chúng ta sẽ luôn luôn tự hào hãnh diện, mãi mãi ghi ơn công đức của tiền nhân.

Chư Tôn Đức trong Hội Đồng Chứng Minh và Hội Đồng Chỉ Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ đặt trọn tin tưởng và kỳ vọng ở toàn thể chúng ta.

MINH TRÍ – THIÊN BỬU

Hoa Kỳ, Ngày Vía Đức Quán Thế Âm
P.L. 2531 --- 19 tháng 2 Mậu Thìn





Kính Mừng :

PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT

*Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất rồi.
Thắng rồi ! Phật tử Việt Nam ơi !
Nắm tay cho chặt, đi cho vững,
Mau tiến lên, kẻ đã muộn rồi !
Thực, Cộng vui ta đã mấy thu ?
Những người yêu Nước, bậc Chân Tu,
Bị xiềng xích chân, đem đi giết ;
Chúng hại ta bằng mọi ngón thù.
Được sống bây giờ ta ở đây,
Sống trên đất nước tự do này,
Một lòng đoàn kết, ta con Phật,
Sư, đệ một lòng, tay nắm tay.*



*Dân Việt một lòng, chỉ ước mong
Tăng, Ni, Cư Sĩ khắp tây, đông.
Một lòng theo bước đàn con Phật,
Cứu Nước, đạo nhà với Núi Sông.
Nước Việt Nam ta sắp sáng ngời,
Sen vàng đua nở khắp nơi nơi,
TỪ, BI, HỈ, XẢ ta reo rắc,
Xoa dịu buồn đau tới mọi người.
Hoa nở trong lòng khắp chúng sinh,
Chầy kinh theo nhịp PHÁP HOA kinh,
"Hoa Khai Kiến Phật", hoa rung động,
Thấp thoáng trong hoa có bóng hình.
Lạy Phật hộ trì, giáng phúc cho
Chư Thầy thống nhất mỗi tâm tư,
Một lòng cứu Nước cùng dân tộc,
Giữ lấy Giang Sơn, dựng lại Cờ.*

Phật tử **VƯƠNG NGUYỄN**

NGƯỜI MỸ CÓ TU KHÔNG ?

THIỆN THANH



Dứt khoát trả lời rằng — có. Đôi khi tu nhiều hơn người Á Châu chúng ta. Nhưng chữ tu tôi vừa nêu trên phải hiểu nghĩa là sửa đổi, trau giồi tâm tánh và đi học. Nếu hiểu nghĩa chữ tu theo kiểu người Việt hiểu từ xưa đến nay, tu là “tu rì”, cạo đầu nhuộm áo, tu như Lan trong chuyện “Lan và Điệp” hay Quan Âm Thị Kính, người Mỹ cũng tu nhưng rất ít, người Á Châu tu theo kiểu này nhiều hơn.

Theo Phật Giáo có hai lối tu — một Tu Phước, hai Tu Huệ. Thế nào gọi Tu Phước? Nhiều cách để tu phước. Giúp đỡ người nghèo khó là tu phước. Thấy người đau khổ, mình an ủi là tu phước. Thấy người quá bận rộn, mình làm tiếp là tu phước. Làm volunteer là tu phước. Mua trái cây lên chùa cúng Phật là tu Phước. Làm bất cứ việc gì có tánh cách giúp đỡ là tu phước. Ngay cả việc tụng kinh cầu nguyện cho

người khác được mạnh giỏi, giàu sang là Tu Phước (nếu tụng kinh tự mình suy ngẫm để rõ lý của Phật dạy lại là Tu Huệ, Phật tử nên để ý chỗ này).

Theo định nghĩa trên, Phật tử chúng ta đa số là Tu Phước. Ngay cả các tu sĩ đa số cũng tu Phước. Người tu theo Pháp Môn Tịnh Độ, cầu sanh về cõi Phật cũng là Tu Phước. Người luyện thân chú để trị bệnh, để có thần thông bay lên trời cũng là Tu Phước. Tóm lại, làm bất cứ chuyện gì có mang lại lợi ích về vật chất hoặc trực tiếp hay gián tiếp mà trí tuệ của chúng ta vẫn ù lì, không thêm chút giác ngộ nào đều là gọi là Tu Phước cả. Quý vị đừng tưởng quý Thầy cất chùa cho thật to, sau khi chết, được lên cõi Phật ngay. Còn lâu. Đó chỉ là hành động “cực thiện” mà thôi là cái gương sáng cho những người quá ích kỷ mà thôi. Như thế thì người giàu bỏ ra hằng tỷ bạc để làm việc thiện, để xây chùa, đúc tượng; người đó, sau khi chết có thành Phật không? Trả lời ngay, chắc chắn không thành Phật được. Nếu thành Phật, các bá hộ thành Phật hết sao. Người nghèo không bao giờ thành Phật, vì không có tiền cất chùa hay làm việc thiện. Vậy, việc Tu Phước của chúng ta có công dụng gì? Là hành động đáng khen ngợi, là việc làm để san bằng và an ủi cho những người may mắn và những người thiếu may mắn trong xã hội đau khổ này, và cũng là để thỏa mãn tham vọng của chính mỗi cá nhân đó. Một trăm hay ngàn kiến chùa do đạo hữu X hay thầy Z tạo ra là để thỏa mãn nhu cầu cần thiết hiện tại mà thôi. Nếu không khéo trong khi làm, chỉ tăng thêm tham ái và sân si.

Phật dạy gây nhân nào chịu quả nấy. Bỏ của cải giúp cho người nghèo hay cúng Phật có nghĩa mình cho vay một cách gián tiếp với lời khẩn nguyện thiết tha “Nguyện cho con được khỏe mạnh, nguyện cho con làm ăn khá giả, nguyện cháu của con thi đậu, nguyện và nguyện...”, nghĩa là hy sinh cái gì của mình hiện có ; Nhưng quả trong tương lai sẽ về mình, hay những người dưới quyền của mình, đặt mình trong cương vị của người chủ nợ. Đã tham lam như thế, làm sao thành Phật được. Bó thí một cách không vay trả, hay làm việc thiện một cách không nghĩ đến thù lao (bó thí Ba La Mật.) Có lẽ tốt hơn. Gieo nhân tu phước bằng hành động thiện (charity). sẽ gặt hái được kết quả thiện vì mình đã đặt hy vọng vào hành động thiện mình đã gieo.

Còn Tu Huệ như thế nào? Chữ Huệ tác giả muốn đề cập ở đây là sự hiểu biết cho đúng đắn, sâu xa gần tương đương với chữ Wisdom của Anh (Prajñā). Cái hiểu biết thông thường (understand) thì ai cũng có. Tu Phước có nhiều cách, tu Huệ cũng có nhiều cách. Nhưng cách nào cũng phải khổ công tập luyện. Cha mẹ có thể bỏ tiền ra mua bằng kỹ sư cho con, nhưng chắc chắn không thể mua “cái hiểu biết kỹ sư” cho con. Con muốn “biết” phải bỏ công ra học tập. Cũng vậy, người tu Phật muốn có trí tuệ, muốn thành Phật phải bỏ công tu tập — ngồi thiền, quán tưởng, trau dồi tâm tánh, khổ công học tập, nghiên cứu giáo lý, mỗi ngày tăng thêm trí tuệ, sáng suốt, minh mẫn, đem chỗ hiểu biết chỉ dạy cho con cháu, cho bạn bè, cho mọi

người, làm như thế mới gọi rằng tu, tu như thế mới ích quốc lợi dân, mới tức trí biện thông, mới thành Phật tác Tổ ? Tu theo kiểu của mình từ trước đến giờ là ở nhà lo cho vợ con vay (cho con ăn học, khi con khôn lớn, con làm nuôi lại). Xách bình nước lèo vào chùa cho Phật và chư Tăng vay để Phật và chư Tăng phò hộ cho mình khỏi bệnh tật. Một tâm niệm còn đầy tham vọng như thế, thảo nào không thành Phật là phải.

Để kết luận, Phật tử chúng ta phải tu như thế nào ? Dĩ nhiên, ai tu cũng muốn có kết quả tốt. Muốn giàu có nên bố thí, muốn sống lâu, nên phóng sanh, muốn thành Phật phải tu thiền định để mở mang trí tuệ. Chả nhẽ ông Phật chẳng biết gì sao ! ? Vậy Phật tử đừng nhằm mang chuỗi cúng Phật để được thành Phật. Muốn thành Phật phải trau dồi trí tuệ, dẹp bỏ tham, sân, si... “tu thiền định đúng mức cho thật nhiều” mới thành Phật được.

Người Mỹ đa số thích tu thiền định, không thích cúng kiến vái van. Người Á đông thích cúng kiến và cầu nguyện. Lý do dễ hiểu — người Á đông đa số nghèo nên lúc nào cũng muốn giàu, người Mỹ đa số có ăn, nên họ muốn có trí tuệ. Người Mỹ có ăn vì họ hay làm việc bố thí (chánh phủ Hoa Kỳ viện trợ nhân đạo cho Châu Phi, Châu Á hàng tấn tấn lúa mì và thực phẩm. Của chính phủ là của dân đóng thuế). Để quân bình, Phật tử nên chăm lo tu tập Thiền Định, trau dồi trí tuệ, thông minh, sáng suốt, bằng không, xác thân béo phệ, kém thông minh trí tuệ hơi khó xem.

Tuy Bút

NGƯỜI ĐẠO LÀM HEO



ĐIỆU THỂ -

NGÔ THỊ THÂN

Quê hương tôi miền Trung, sớm hôm chuông chùa nhẹ ngân... "Từ Đàm quê hương tôi..." còn Từ Hiếu là tổ đình của nội tôi. Vì thế, mỗi khi vía Phật hay ngày tết, tôi thường hiện diện hai nơi theo chương trình định sẵn : Buổi sáng dự lễ ở Từ Đàm, buổi trưa vào cúng nọ và thọ trai tại Từ Hiếu. Sau đó là phần "công quả", tôi được chia việc rửa chén bát.

- Chị Thân miễn công tác rửa chén. Thầy nhờ chị "giữ an ninh cho Bà Lớn".

Tôi ngẩn tò te, không hiểu thầy sai biểu việc gì, thì Diệu Quảng Ngãi (xin lỗi phải chăng đây là pháp hiệu của thầy đặt, hay là tại nghe diệu nói tiếng Quảng Ngãi nên ai cũng thường gọi theo thói quen như tôi : diệu Quảng Ngãi) đã sẵn sàng trên tay một chậu cơm có trộn sẵn thức ăn, vừa đi chỉ hướng cho tôi ra phía sau chùa. Ở đây thấy mấy em nhỏ, trong

số đó có hai "tác phẩm" của tôi, tay cầm cây vôi đập, miệng thì bi bô : "Bắm bà, bấm bà"... Tôi vội cản ngăn :

- Ấy ! Ấy ! Các con đừng phá !

Diệu Quảng Ngãi xuất hiện như là một mệnh lệnh không lời, mấy cu cậu ngừng tay, đứng dặt ra hai bên nhường chỗ cho diệu đặt chậu cơm xuống :

- Mời bà xơi cơm.

"Bà lớn" ỏn ẻn trong bộ lông đen mượt như nhung, từng bước, từng bước ngập ngừng nhưng rồi cũng đã tới đúng chỗ thức ăn đã để sẵn : "Bà xơi" một hơi là hết sạch chậu cơm. Diệu Quảng Ngãi lại ân cần :

- Bà đợi tý tôi đem nước uống.

Vội vã mang xuống một chậu nước trong, Diệu không quên kèm theo một miếng cau trâu mà đi Dung mới tằm xong. Bà lớn uống hết nước, ý chừng đang muốn tráng miệng. Diệu Quảng Ngãi đem ngay cho bà miếng cau trâu, bà nhai ngấu nghiến, miệng đỏ lôm.

Tôi đứng nãy giờ, những ngạc nhiên không chờ đợi, thì ra công tác giữ an ninh cho bà lớn mà thầy tôi nhờ, chính là việc canh gác mấy lũ nhóc không cho chúng chọc phá một con heo kỳ lạ.

Thầy tôi kể : "Bà lớn là hiện thân của một bà mẹ mà một vị thí chủ đã để lại nhờ chùa nuôi, trước khi đi vượt biên.

Vào đêm mười bốn tháng giêng năm Tân Tỵ (1977), vị thí chủ ấy nằm chiêm bao thấy mẹ mình báo mộng rằng : "Ở thôn Thủy Tú, quận Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên, tại ấp nọ có bà Nguyễn Thị Lài nuôi heo nái. Hiện nay ở nhà bà có con heo đang

mang thai và sẽ sinh một đàn 11 con, vào ngày 22 tháng này. Mẹ là con heo thứ bảy, toàn thân màu đen, cổ có vòng nâu thẫm, hai chân sau có đốm vàng tươi, cái đuôi bị tật, mỏ ngắn, chân thấp và mình tròn. Ấy là giống tốt. Mẹ sẽ được nhiều người ưa thích chọn làm nái. Con thương mẹ, hãy đến nhà ấy hỏi mua mẹ đem về nuôi. Nếu chậm trễ thì mẹ sẽ lọt vào tay kẻ khác, ắt không tránh khỏi cái nghiệp bị thọc cổ, cạo lông, phanh thây, xẻ thịt".

Sau khi tỉnh mộng, vị thí chủ ấy bụng tin nhưng dạ vẫn còn ngờ, chờ đến ngày 23 tháng ấy, tìm đến nhà bà Lài. Hỏi ra thì mọi sự đều y như điềm mộng báo. Anh ta nhất định đòi mua con heo ấy. Người chủ nái biết ý, đòi giá cao. Nhưng anh quyết mua với bất cứ giá nào. Cuối cùng "mẹ" đã thuộc về "con". Từ đó, anh nuôi heo như nuôi mẹ. Heo được tắm rửa mỗi ngày, ăn nằm nơi mát mẻ và rất sạch sẽ. Heo ăn no, ngủ kỹ, nên chóng lớn, da đen bóng và lông lá mượt như mình được khoát bộ cánh của bà lớn.

Xưa, một thời Bà Lớn là mệnh phụ phu nhân, đã từng se sua nhưng gấm lụa là. Bà đứng đỉnh trên chiếc xe kéo có kẻ hầu người hạ. Bà hãnh diện với địa vị của chồng mình là "quan lớn" của Nam Triều. Nên bà thường nói với chị em bạn gái mà cũng chính là tự nhắc mình :

*"Lấy chồng cho đáng tấm chồng
Uống công trang điểm má hồng răng đen".*

Quả là thế ! Bà có nhan sắc mỹ miều và dáng người đầy đà, mặc dù bà không phải là con nhà danh giá dòng tộc, nhưng vẫn được "quan lớn" chiều cố,

nên bà hân hạnh mỗi khi nghe gọi mình là "Bà Lớn". Người ta biết bà không mấy bằng lòng với tên đó, nhất là sau khi các bà lớn kia lần lượt ra đi, thì bà chủ quyền các địa vị độc tôn của quan lớn cho đến ngày Nam Triều sụp đổ, quan ông hồi hưu. Bây giờ tuổi ông xấp xỉ lục tuần mà bà thì chỉ ngoài hai chục cái xuân xanh.

"Tinh anh như tuyết giăng đầu núi".

Suốt ngày ông thui thui một mình với tách trà độc ẩm, còn bà thì đam mê tứ sắc. Việc đã dẫn dắt bà vào con đường lầm lạc bến mê. Càng về sau bà càng xử tệ với ông chồng già, đến nỗi ông buồn bã ngã bệnh và ông đã tuyệt thực cho đến chết.

Như thế là ông lớn hết nợ trần, còn phần bà lớn thì sao ? Chẳng bao lâu sau, bà bị ma chướng đón đường. Số là ở cuối làng có một chàng trai bị bệnh cùi, hận đời, tủi phận, nên anh ta đã "nổi máu anh hùng". Đêm ấy, nhân lúc bà mãn sòng, trong ngổ vẳng, một bóng đen xuất hiện "đột kích". Bà hét thất thanh, cố vùng vẫy, nhưng không còn sức để kháng cự. Thế là bà đã phải trả với một giá rất đắt ! Bà thất sắc, bà kinh hồn mất vía. Nhưng than ôi muộn rồi ! Và cũng từ đó, bà bị ám ảnh bởi cảnh tượng hải hùng, nghĩ đến bệnh cùi sẽ lây và bào thai sẽ lớn. Bà như khùng như điên, biếng ăn nhác nói. Cuối cùng bà tự kết liễu cuộc đời bằng vòng dây ác nghiệp. Để lại hai gái lên 6 lên 8 và một trai lên 10.

Câu chuyện của 32 năm qua tưởng đã chôn vùi trong lớp bụi thời gian. Nào ai biết ai hay ngày ấy lại hiện thân "Bà Lớn" dưới hình hài của lột dạ thú "lợn nhà". Bà may mắn được đàn con hiếu thảo, sinh ra

và lớn lên trong cảnh vinh hoa phú quý, họ luôn luôn hướng thiện và biết quy ngưỡng hồi đầu, ngày đêm cầu nguyện ơn Phật độ cho linh hồn mẹ được siêu thoát.

Phước quả kết duyên nhờ tâm thành của con cháu. "Bà Lớn" đã được nương náu chốn thiên môn. Ngày đầu tiên thí chủ ấy đưa heo đến chùa có trình bày quý thầy : Vì phải ra đi tìm lý tưởng tự do, còn có số ít của cải để lại nhờ chùa nuôi heo. Theo sự thỉnh cầu của anh ta rằng : Heo đã quen với cung cách ăn ở của gia đình anh. Hằng ngày trước khi dùng bữa, vợ chồng anh thường trộn cơm và thức ăn trong một cái tô sành. Rồi dần dần heo lớn ăn tợn lắm. Anh thay thế bằng cái chậu men to hơn. Mỗi bữa cho ăn, tay đặt thức ăn, miệng anh mời dõn dã : "Bẩm mẹ xơi cơm". Lâu ngày những cử chỉ ấy thành phản xạ tự nhiên đối với heo. Hễ thấy cơm mà không mời thì "Bà Lớn" không ăn. Chỗ nằm của heo cũng khá đặc biệt, rất sạch sẽ, vì được quét dọn. Heo thì được tắm rửa hằng ngày. Các con của anh những lúc ở nhà, chúng thường âu yếm vuốt ve heo, và nói bẩm bà, mỗi khi đi học hay đi đâu về. Vì thế mà heo hiểu được tiếng người chằng, và rất vui mừng khi nghe hai tiếng "bẩm bà" quen thuộc ấy.

Thí chủ nói xong, Thầy hoan hỷ chỉ chỗ cho heo ở. Đó là cái mái che thêm ở phía sau nhà bếp mà trước đây thầy dùng để cất những dụng cụ canh tác. Đúng như lời thí chủ đã thưa với thầy, heo lạ chỗ không nằm mà chỉ đứng, vì nền đất chứ không phải lót gạch hoa như ở nhà con cháu. Mãi đến khi thầy bảo điếu Quảng Ngãi và các chú khệ nệ rình vào một tấm ván thật to để lót sàn nhà. "Bà Lớn" mới chịu

hạ mình cái ịch. Thí chủ yên tâm từ tạ mẹ ra đi. Heo nhìn theo mà nước mắt chảy dài. Bây giờ điếu Quảng Ngãi dùng cái chậu men của thí chủ để trộn cơm mang ra cho heo ăn. Đợi thật lâu nhưng heo vẫn nằm yên một chỗ. Sợ heo lơ ăn, điếu vào hậu liêu bạch với thầy và xin thỉnh ý. Thầy dạy điếu hãy dùng những ngôn từ và cử chỉ mà heo đã quen nghe thấy. Vâng lời thầy, điếu Quảng Ngãi trở lại làm hiệu như vị thí chủ kia. Tay đặt chậu cơm, mắt nhìn ân cần và miệng nói : "Mời bà xơi cơm". Heo ta từ từ đứng dậy, tiến bước vững vàng, càng ăn càng no, bụng to lưng dài, cái đuôi phe phẩy, cái mỏ dúi quanh. Một lát sau chậu cơm đã sạch nhẵn. Heo quen thói đứng chờ, điếu Quảng Ngãi hiểu ý, chạy vội múc một thau nước trong, đổ tiếp vào chậu. Heo uống một hơi đã đời rồi nằm dài ngủ khỏe. Từ đó điếu Quảng Ngãi được giữ chức "quản lý bà lớn". Ngày hai buổi, ngoài việc công phu sớm chiều và học nội điển, quét sân, quét chùa, điếu Quảng Ngãi còn lo tắm heo và phục vụ cơm nước cho "Bà Lớn". Điếu không cho đó là phiền hà mà vì "rộng độ chúng sanh", thương loài vật. Điếu chăm sóc bà lớn và thường đùa giỡn "bẩm Bà". Lũ trẻ nghe thấy thế cũng bắt chước, nhưng heo thấy trẻ là không đứng dậy, nên các cậu phải dùng que, phá "Bà Lớn" xem chơi.

Thời gian chừng nửa năm sau, Cố Trúc Lâm là Ngài đại lão Hoà Thượng, năm ấy thọ 103 tuổi, vào kỳ tổ ở Từ Hiếu, nghe chuyện của Bà Lớn, Ngài dạy thầy quy y cho heo, nên ngày vía Quán Âm 19 tháng 9 năm ấy, thầy chú nguyện và đặt pháp danh cho heo là "Quảng Hợi". Thầy dạy : "Này heo kia, kiếp trước vụng tu nên nay bị đọa làm thân hạ thú. Nhờ

có thiện duyên được ở chùa thì phải tu đi để sớm được chuyển nghiệp, kiếp sau sẽ được làm người. Nếu đã làm kiếp heo thì phải theo nghiệp thú, ăn ở phải như heo phải ăn cháo cám nấu với nước vo gạo và ở chuồng chứ không còn nằm trên tấm ván kia nữa đâu nhé". Từ đó điệu Quảng Ngãi không còn "mời bà xơi cơm" mà Quảng Hợi kia vâng lời thầy chẳng : ăn sạch máng. Thay vì cơm trộn trong chậu men mà bây giờ là cháo cám nấu với rau lang và bột khoai mì đổ vào cái máng, do điệu Quảng Ngãi đóng bằng những tấm ván gỗ chò, cũng không còn nằm trên tấm ván nữa mà nằm trong chuồng. Chuồng heo được tạo thành bằng những thanh gỗ tạp và vài chục khúc tre đóng khung, có mái tranh đưa ra xa để che mưa tránh nắng. Hằng ngày điệu Quảng Ngãi quét sân chùa, được bao nhiêu lá khô đều lùa thành đống, thay vì đốt như trước kia, nay điệu cho vào chuồng heo, nào là chuối, nào cỏ rác và các thứ linh tinh, tổng hợp tạo thành một khối phân chuồng chất lượng rất giá trị. Cứ thế mà mỗi năm về sau "Điệu Hợi" đã cung cấp cho chùa một nguồn lợi đáng kể. Nhờ công của Diệu Hợi mà những luống rau lang, khoai mì trên sườn đồi và hàng dãy dài cây chè cũng như mấy chục gốc tiêu sau vườn chùa đều được đậm màu xanh tươi hơn trước. Thầy tôi quả thật là sáng kiến.

Năm tháng trôi qua, tuổi thọ của Diệu Hợi so với đồng loại kể cũng khá cao, nhưng làm sao bì được với "hai điệu" ở chùa Tường Vân mà tôi đã hơn một lần được thấy. Hai con heo ấy được tiếng là sống lâu nhất ở Huế, trên dưới 15 tuổi. Răng dài như nanh heo rừng và lông gáy cao như bươm ngựa, với cái thân

to như bò mộng, hai con heo đứng chập chuồng. "Điệu Quảng Hợi" của tôi không dềnh dàng như thế, nhưng dị tướng lạ thường. Mắt híp lại, đôi má xệ xuống vì cái mỏ nhỏ và ngắn, lại thêm hai cái nanh trắng ngà, cong và chìa ra như hai "lưỡi hái". Đã thế điệu còn biết ăn cau trầu. Theo vị thí chủ ấy nói : Bà lớn trước kia nghiệm cau trầu. Anh nhớ ý thích của mẹ, sau bữa cơm thường dâng trầu hầu mẹ. Lần đầu tiên anh thử đem một miếng cau trầu đưa vào miệng Bà Lớn. Thật kỳ lạ thay, heo ta nhai ngấu nghiến rất tài tình như đã từng được ăn từ trước. Miệng đỏ lòm, nuốt nước trầu mà heo chẳng "say cau" mới là hay chứ ! Thế là từ đó heo "tráng miệng bằng cau trầu". Thêm một điều kỳ lạ nữa là heo thích nghe kinh. Bất kể là nắng hay mưa, hễ nghe chuông chùa thì Diệu Hợi nhảy chuồng, đi lên từng bậc tam cấp, rồi nằm cạnh nhà trống, bên ngoài sân chùa. Trong khi quý thầy và mấy điệu công phu sớm chiều thì Diệu Hợi nằm đợi lắng nghe. Chuông mõ vừa dứt thì điệu bắt đầu lên tiếng "ụt ịt". Thầy biết là Diệu Hợi xuất hiện bên ngoài. Thầy khen Diệu Hợi giỏi lắm, nghe kinh cũng được phước lắm đó, gắng mà tu để kiếp sau sẽ được làm người. Heo có hiểu được chẳng mà hằng ngày vẫn giữ lệ : "nghe kinh công phu sớm chiều". Đó là chuyện lạ bốn phương, khó tin, nhưng mà có thật.

Tháng chạp lập xuân năm Nhâm Tuất (1982), trời tiết đông gió rét. Đồi thông chùa Từ Hiếu im lìm trong màn đêm u tịch. Bỗng một tiếng rống kinh hoàng làm vang động cả ngôi chùa. Quý thầy và mấy điệu phải thức dậy, đốt đèn lên. Diệu Quảng Ngãi cầm trong tay cây đèn bảo, bước ra sau nhà bếp thấy

"Điền Hối" đang rung rẩy chuyển nghiệp. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, heo cổ mở to mắt để nhìn người như muốn nói lời từ biệt. Điền Quảng Ngãi ra hiệu "chờ thầy xuống" và không để chậm trễ, điền đã mời quý thầy kịp thời hộ niệm và đọc chú vãng sanh. Điền Hối từ từ nhắm mắt, bốn chân duỗi thẳng rồi trút hơi thở cuối cùng. Mong rằng linh hồn ấy được rước về cõi tịnh giới và nếu có tái sanh chăng thì sẽ đặng làm người thiện trí thức. Sáng hôm sau một nắm mồ mới được mọc lên bên cạnh mấy gốc chè và cây me già với tàng lá sum sê, một bia đá nhỏ đề tên : "Quảng Hối chi mộ".

DIỆU THẾ - NGÔ THỊ THÂN

(Chicago)



CHIẾN THẮNG MA VƯƠNG



ĐẶNG TẤN HẬU

Hằng năm, đại lễ Phật Đản được tổ chức vào ngày rằm tháng tư âm lịch. Đó cũng là ngày Bồ Tát Cồ Đàm đã chiến thắng Ma Vương tại Bồ Đề Đạo Tràng, là ngày Bồ Tát Cồ Đàm đã giác ngộ, trở thành Phật toàn giác. Bài này kể lại sự chiến đấu giữa Phật và Ma Vương. Sau cùng, ngài đã toàn thắng và đánh bại đạo quân Ma Vương. Bài chia ra làm ba phần :

- Phần đầu tìm hiểu về Ma Vương,
- Phần thứ hai kể lại sự chiến đấu giữa Phật và Ma Vương,
- Phần thứ ba ghi lại bài kệ "Mừng Phật Đã Toàn Thắng".

MA VƯƠNG

Ma phiên âm từ Bắc Phạn "Mara" hay Nam Phạn

“Maro” rút từ căn “Mr” (sự chết). Mara cũng có thể rút từ căn “Mala” (dơ dáy, không trong sạch) hay căn “Marici” (ảo giác). Danh từ Mara đồng nghĩa với “Yama” (Thần Chết) hay “Papma” (Hung Thần) hay “Namuci” (Thần A Tu La). Theo Phật Giáo, các danh từ “Mara”, “Namuci”, “Yama”, “Papma” đều đồng nghĩa. Nơi đây, “Ma Vương” là vua các loại “Ma” hay vua các vị thần hay gây chiến (A Tu La) hay vua các vị trời ở cõi dục giới đầy dục vọng, tham lam, không trong sạch nhưng có các phép thần thông.

Kinh sách kể lại Ma Vương thường hay biến thành voi dữ hay rắn độc để phá hoại Phật. Chúng thường đội lốt cư sĩ cản trở người tu thuyết pháp. Chúng thường gây ra 9 ách nạn cản trở người học đạo như mưa to, gió lớn, đá rơi, dao kiếm, bụi bay, đêm tối, than, cát bùn, voi dữ.

Ma có hai nghĩa đen và bóng. Nghĩa đen được hiểu là “Thiên Ma” (Devaputta). Nghĩa bóng được hiểu Phiền Não Ma (tham, sân, si) hay Ngũ Ấm Ma (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hay Tử Ma (sự chết). Mặc dù Ma Vương có năm đầu sáu tay, có thiên binh vạn mã, chúng vẫn bại trận trước hành giả nghiêm trì giới luật, thu thúc sáu căn.

Theo nghĩa đen, Ma Vương là vua các vị trời trong cõi dục giới (Marakayikas), Ma Vương là vua ái dục, tham ái, dục vọng. Một trong các đứa con của Ma Vương là Trsna (Thần Dục Vọng). Ma Vương thường hay mang đồ trang sức và dùng thủ đoạn đê hèn để dụ người tu vào con đường tà dâm. Hấn

thường biến thành ma quỷ cản trở không cho thí chủ cúng dường tu sĩ. Hấn thường giả danh Phật để gạt những người thành tâm cầu gặp Phật. Hấn hay giả danh tu sĩ để truyền bá “Tà Kiến” xa lìa chân lý. Hấn thường biểu diễn các phép thần thông để lường gạt người mê tín, để lung lay đức tin của Phật tử.

Tóm lại, Ma Vương là vua “dục vọng”, tham sắc và có nhiều pháp thuật. Hấn rất sợ “Pháp Phật” vì Pháp Phật chỉ rõ sự nguy hại của dục vọng, tham ái. Do đó, dân cư của chúng sẽ ý thức chân lý, sự nguy hại của dục vọng mà càng ngày càng xa lánh và không thần phục Ma Vương. Lực lượng của chúng không còn, ngai vàng của Ma Vương bị sụp đổ. Vì thế, Ma Vương tìm mọi cách quấy phá kẻ tu hành, người thuyết pháp. Ngược lại, chúng rất vui mừng khi thấy con người càng ngày càng sa đọa, càng mê tín, càng tin tưởng vào tà thuật.

Theo nghĩa bóng, Ma là “Phiền Não” (Kleca-mara), “Ngũ Ấm” (Sankha-mara) và “Tử Thần” (Mrtyu-mara). Tham dục, bất mãn, đói, khát, ái dục, hôn trầm đã dục, sợ hãi, hoài nghi, phỉ báng, cố chấp, lợi lộc, khen tặng, vinh dự, thanh danh bất chính, sự đánh cao quá mức giá trị của mình, khinh rẻ kẻ khác, thuộc về loại “ma” này. Chúng ta có 4 phép để đối trị với chúng. Đó là (1) nghiêm trì giới luật, (2) phát tâm bố thí nhất là bố thí Pháp, (3) thiền định quán chiếu “Các Hiện Tượng Duyên Hợp, Các Pháp Vô Ngã và Tánh Không”, (4) cầu xin chư Phật Mười Phương hộ trì. Nếu hành giả thực hành 4 pháp trên thì chắc chắn

hành giả khắc phục được đám Ma gây chướng ngại cho sự giác ngộ.

SỰ CHIẾN ĐẤU GIỮA PHẬT VÀ MA VƯƠNG TẠI BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG

Như đã trình bày, Ma Vương sợ Bồ Tát Cồ Đàm tìm ra đạo Giải Thoát, thấy rõ sự nguy hại của ái dục, ảnh hưởng đến sự tồn vong của chúng nên chúng tìm mọi cách để cản trở Bồ Tát Cồ Đàm trên đường tìm chân lý. Trước hết, chúng dùng phương pháp “tham ái, dục vọng” để dụ Bồ Tát từ bỏ con đường Giải Thoát nhưng chúng không thành công. Cuối cùng, Ma Vương cầm đầu đoàn quân quỷ sứ quyết tử chiến với Phật, nhưng chúng phải chịu thất bại thảm sâu. Phật Đã Toàn Thắng.

Khi Bồ Tát Cồ Đàm tu khổ hạnh bên bờ sông Ni Liên Thiên (Neranjara). Da bọc xương. Sự chết gần kề. Ma Vương Namuci đến gần Bồ Tát và khuyên Ngài từ bỏ con đường tu hành và trở về đời sống lợi dưỡng, hưởng các thú vui vật chất. Nhưng Bồ Tát đã trả lời “Ta tu hành với niềm tin vững chắc, với sự kiểm soát tâm một cách chặt chẽ, với sự tinh tấn tu hành và với trí tuệ. Ta đã quyết tâm như vậy”. Với lời lẽ quả quyết ấy, Bồ Tát Cồ Đàm cả thắng Ma Vương.

Một lần khác, khi Bồ Tát Cồ Đàm đến ngồi kiết già cạnh gốc bồ đề và tự bảo : “Dầu máu ta có khô, xương ta có mục, ta không rời khỏi chỗ này, nếu ta chưa tìm ra đạo Giải Thoát”. Từ đêm này sang đêm khác, Ngài ngồi tĩnh tọa trong bóng tối nhưng ánh hào quang của Ngài sáng rực dưới vòm cây. Ma Vương

đoán biết Ngài sắp tìm ra ánh đạo vàng. Chúng liền đem binh mã van xin, dọa nạt để làm xiêu lòng Bồ Tát. Chúng hiện ra ngàn đầu, ngàn tay, ngàn khí giới. Chúng hiện ra không đầu, không tay. Chúng ói mửa rần rít. Chúng ăn thịt người. Chúng phun ra khói độc. Chúng hiện ra nào là voi, báo, đầu trâu, mặt ngựa. Kinh sách kể lại quân số của chúng tổng cộng 36 kotis (360 triệu). Chúng mang gậy gộc, cung tên, khí giới để giết hại Bồ Tát Cồ Đàm nhưng tất cả cung tên, khí giới của chúng biến thành hoa khi chạm đến hào quang “Tứ Bi” bao bọc quanh Ngài. Bồ Tát Cồ Đàm không hề run sợ, Ngài mỉm miệng cười, tay mặt Ngài chầm đất. Trời đất rung chuyển. Đạo quân Ma Vương run sợ, cắt mất. Bồ Tát Cồ Đàm đã chiến thắng Ma Vương. Không phải bằng gậy gộc mà bằng tình thương. Không phải bằng bom đạn mà bằng trí tuệ. Không phải bằng súng ống mà bằng “Sáu Pháp Ba La Mật”.

Đến canh hai, trời đất yên tĩnh. Ngài nhập vào sơ thiền, tầng thiền mà Ngài đã đắc lúc buổi thiếu thời. Sau đó, Ngài nhập vào nhị thiền chứng quả “Túc Mạng Minh” (nhớ lại tiền kiếp). Đến nửa đêm Ngài chứng “Thiên Nhân Minh” (trí giác hiện tượng sinh diệt của chúng sanh). Ngài nhận thấy chúng sanh lăn trôi mãi trong biển khổ vì dục vọng, vô minh, vì hành vi tạo tác của chúng sanh. Đến canh ba, Ngài đắc “Lậu Tận Minh” (trí tuệ sự hiểu biết sự chấm dứt các pháp trầm luân). Ngài nhận thức đây là phiền não, đây là sự chấm dứt phiền não. Ngài nhận thức “Ta đã giải thoát. Tái sanh đã chấm dứt”. Mạn vô minh đã được

giải tỏa và trí tuệ phát sanh. Bồ Tát Cồ Đàm đã thành Phật, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Theo Túc Sanh Truyện, Ma Vương không chịu thua dễ dàng. Hấn phái ba người con của hấn sắc đẹp tuyệt trần tên là Tanha, Arati và Raga quyến rũ Phật lần chót nhưng chúng lại thất bại thêm một phen nữa.

Bây giờ, đức Thế Tôn là Thầy của Trời và Người, là bậc Toàn Giác. Ngài tuyên bố : “Xuyên qua nhiều kiếp sống trong vòng luân hồi. Như Lai đi tìm người thợ cắt nhà. Nay hỡi người thợ làm nhà, Như Lai đã tìm được người. Từ đây, người không còn cắt nhà cho Như Lai nữa. Tất cả sườn nhà đều gãy, cây đòn dông của người dựng lên cũng bị phá tan. Như Lai đã chứng quả Vô Sanh Bất Diệt và Như Lai đã tận diệt Ái Dục”.

Cái sườn của căn nhà là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, dã dượi, phóng dật, không hổ thẹn hành động bất thiện, không sợ hậu quả của hành động bất thiện. Cây đòn dông là vô minh, căn nguyên của dục vọng. Sườn nhà và cây đòn dông không còn thì anh thợ cắt nhà cũng không còn. Tâm ở trong trạng thái vô vi, vô sanh bất diệt. Tất cả các pháp hữu vi đều bỏ lại, tâm trở về trạng thái siêu thế, Niết Bàn.

Chư Thiên đồng reo mừng, chư Phật Mười Phương đồng đến chúc mừng Phật Thích Ca vì thế gian có thêm một vị Phật. Chúng sanh đồng đọc lên bài kệ mừng Phật đã chiến thắng :

KỆ CHIẾN THẮNG (Jayamangala Gatha)

1.- Đức Phật cao thượng hơn các bậc trí tuệ. Ngài đã cảm thắng Ma Vương. Ma Vương biến ngàn

tay cầm khí giới ; cỡi voi Ghi Ri Mê Kha La (Girimekhala) đủ cả binh mã, tiếng hét vang rền. Nhờ Pháp thập độ, nhưt là pháp bố thí mà Đức Phật cảm thắng Ma Vương. Do nhờ Phật lực này, xin cho hạnh phúc đến với chúng con.

2.- Đức Phật đã cảm thắng dạ xoa A La Quá Ca (Alavaka) rất ương ngạnh, không nhẫn nhục, khoe tài trọn đêm cùng Đức Phật. Dạ xoa rất hung ác, cảm đồng hơn Ma Vương, đã bị Đức Chánh Biến Tri dùng phép nhẫn nhục thu phục. Do nhờ Phật lực này, xin cho hạnh phúc đến với chúng con.

3.- Đức Phật cảm thắng voi Na La Ki Ri (Naligiri) dữ tợn như lửa rừng, như sấm sét, nhờ rải lòng từ bi mà Đức Chánh Biến Tri cảm thắng được voi này. Do nhờ Phật lực này, xin cho hạnh phúc đến với chúng con.

4.- Đức Phật dùng phép thần thông cảm thắng An Gu Li Ma La (Angulimala), kẻ cướp sát nhân cắt ngón tay người xỏ làm tràng hoa, kẻ hung bạo nhưng rất tinh nhuệ, cầm gươm rượt Đức Chánh Biến Tri xa ba do tuần. Do nhờ Phật lực này, xin cho hạnh phúc đến với chúng con.

5.- Đức Phật đã trừ khử lời dữ của nàng Chinh Cha (Cinca), nàng dùng cây tròn giống dạng đũa bé trong thai, giả làm phụ nữ mang thai. Nhờ dùng phép chánh định mà Đức Chánh Biến Tri cảm thắng nàng giữa chốn đông người. Do nhờ Phật lực này, xin cho hạnh phúc đến với chúng con.

6.- Đức Phật sáng suốt nhờ ngọn đèn trí tuệ, Ngài

đã cảm thán kẻ ngoại đạo Sách-Cha-Ca (Saccaka), là kẻ không ngay thật, chỉ ưa thích sự nâng cao lời nói mình như dựng cột phướng, kẻ si mê chẳng khác người mù. Do nhờ Phật lực này, xin cho hạnh phúc đến với chúng con.

7.- Đức Phật dạy đại đức Mục Kiền Liên làm Long Vương để thâm phục chúa rồng Nan-Đô-Bô-Nanh-Da (Nandopananda) là rồng tà kiến có nhiều thần thông. Nhờ dạy đại đức Mục Kiền Liên mà Đức Chánh Biến Tri thâm phục được chúa rồng. Do nhờ Phật lực này, xin cho hạnh phúc đến với chúng con.

8.- Đức Phật đã cảm thán Đại Phạm Thiên Ba-Ka (Baka), tự cho mình là cao thượng vì đức trong sạch, có thần thông và chấp hãn tà kiến. Đức Chánh Biến Tri đã cảm thán được Đại Phạm Thiên. Do nhờ Phật lực này, xin cho hạnh phúc đến với chúng con.

(Những người có trí tuệ, không biếng nhác thường ngày hằng tụng hoặc niệm tám kệ ngôn tán dương oai lực của Đức Chánh Biến Tri thì sẽ tránh được vô số tai nạn và sẽ chứng đạo quả Niết Bàn là nơi an vui độc nhất).

ĐẶNG TẤN HẬU



LÀM CON NÊN NHỚ



LỘC ĐÌNH

Hôm nay tôi đọc lại không biết là lần thứ mấy bức thư của Livingstone Larnod nhan đề là **Làm Cha Nên Nhớ** mà Dale Carnegie đã trích dẫn trong cuốn **Đắc Nhân Tâm**, bức thư mở đầu như vậy : "Con ơi, con ngủ, má đỏ kè bên tay, tóc mây dính trên trán ..."

Trong cái kho tàng văn học Đông, Tây tôi chỉ mới thấy được bốn năm bài cảm động như bức thư ấy. Lần nào đọc lại tôi cũng rung rung nước mắt mà hối hận rằng đã nhiều lần y, như ông Livingstone Larnod, tỏ ra gắt gỏng quá, nghiêm khắc quá với con tôi, bất công với nó nữa. Nhưng hôm nay đọc lại, tôi còn cảm động hơn tất cả các lần trước, tôi đã sụt sùi vì chẳng những tôi đã nghĩ đến con tôi mà còn nghĩ tới ba tôi nữa.

Lạ thật ! Bức thư đó chỉ là lời sám hối của một người cha mà sao hôm nay nó lại gợi cho tôi lòng sám hối của một người con, là tôi ?

Hồi đó tôi mới đúng năm tuổi, vừa thuộc văn quốc ngữ. Ba tôi chỉ bài cho tôi rồi đi thăm một người bạn ; trước khi đi dặn kỹ tôi ở nhà phải học bài cho thuộc đã rồi hãy chơi để khi người về thì trả bài. Nhưng ba tôi vừa mới ra khỏi cửa thì một đứa trẻ bên hàng xóm qua rủ tôi đánh bi và tôi đã quên lời dặn của ba tôi, vui vẻ đánh bi. Vài giờ sau ba tôi về, bài không thuộc và tôi bị nọc ra đánh. Tôi không còn nhớ trận đòn đó nữa ra sao, chỉ nhớ rằng bà ngoại tôi phải xin giùm cho tôi.

Tối hôm đó, ăn cơm xong tôi vẫn còn len lét, tính mở sách ra học thì ba tôi bảo : "Tối nay cho con nghỉ học ; thay quần áo rồi đi chơi với cậu." Tôi mừng quýnh. Ba tôi thuê xe lại đường Paul Bert, dắt tôi vào một tiệm rục rỡ ánh đèn, mua cho tôi một gói kẹo tây, rồi hai cha con nắm tay nhau thủng thẳng đi lại hồ Hoàn Kiếm, phía đối diện với Tháp Bút, ngồi hóng mát và thưởng sen bên bờ nước. Ba tôi giấu gói kẹo, bảo tôi kiếm, đùa giỡn với tôi trên bãi cỏ. Chỗ đó vắng người và ít ánh đèn. Bình thường ba tôi rất nghiêm khắc mà lúc đó thật âu yếm.

Chuyện đó có gì lạ đâu, mà sao gần nửa thế kỷ, hôm nay tôi vẫn còn nhớ rành mạch, nhớ từ nếp khăn ba tôi chít tới những đám sen trên mặt hồ. Hồi đó tôi chỉ cảm được lòng thương của ba tôi chứ nhất định là chưa phân tích được tâm lý của người, nhưng hôm nay tôi đã hiểu tâm lý đó.

Tâm lý đó cũng y như tâm lý của tôi cách đây mười sáu năm, hồi con tôi mười một tuổi. Một lần nó vô ý mắc nhiều lỗi nặng khi làm bài, tôi đánh nó mấy roi ; mười, mười lăm phút sau, qua cơn giận, tôi thấy tôi vô lý, tôi hối hận, vắt cho nó một ly nước

cam, đưa lên kề môi cho nó uống và trong khi nó uống thì nước mắt của chúng tôi rớt trên tập vở của nó, làm nhòe mất mấy chữ. Chiều đó tôi cho nó nghỉ học sớm, rủ nó ra sân đánh bi. Và tôi để cho nó thắng. Thắng được tôi, nó thích lắm. Hôm nay nó còn nhớ trận đòn đó không (tôi mong rằng không), nhưng tôi thì không quên.

Một nỗi thương tâm chung cho loài người là khi hiểu được tình của cha mẹ thì cha mẹ thường đã khuất bóng. Sau cái đêm trên bờ hồ Hoàn Kiếm, ba tôi chỉ sống thêm được khoảng hai năm. Bây giờ đây tôi biết đổi cái gì cho ba tôi sống lại được, dù chỉ trong mười phút, để nghe lời sám hối của tôi, đọc bức thư này của tôi !

Tôi biết rằng một đứa trẻ mới năm tuổi thì chưa thể tự chủ được, chưa hiểu được thế nào là bốn phận, việc nào là phải làm, vậy thì tuổi đó tôi ham chơi không học bài, đâu phải là có lỗi. Nhưng hôm nay tôi vẫn sám hối. Vì tôi đã gây khổ cho ba tôi, dù chỉ là vô tình. Đêm hôm đó chắc ba tôi đã bứt rứt, hối hận lắm, nên mới âu yếm với tôi như vậy. Xin vong linh cậu tha lỗi cho con. Hôm nay lòng con cũng nát như lòng cậu đêm đó vậy.

Phải có con rồi mới hiểu được nỗi lòng của cha. Trong một năm gia đình, dù giàu dù nghèo, dù sang dù hèn, tôi không chắc có được một gia đình nào mà cha mẹ không buồn khổ ít nhiều vì con cái. Chúng ngu dần thì nhất định là cha mẹ buồn rồi, mà chúng thông minh thì nhiều khi cha mẹ cũng bực mình ; chúng khó dạy thì nhất định là cha mẹ khổ rồi, mà chúng dễ dạy thì cha mẹ chưa chắc đã khỏi khổ. Hồi nhỏ tôi thường được khen là ngoan mà nay nhớ lại

đã bao lần làm cho cha mẹ tôi rầu rĩ ! Rồi còn biết bao gia đình trẻ măng lại cha mẹ, từ bỏ cha mẹ mới là đứt ruột cho chứ ! Nếu không vậy thì lại là những đứa chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến cha mẹ. Hai mươi lăm tuổi đầu, tư chất kém, thi hoài Tú tài I mà không đậu, mà vẫn không chịu kiếm một nghề để giúp nhà, vẫn bắt cha già bảy chục tuổi lợm còm kiếm từng đồng một để đóng tiền cơm, tiền học cả ngàn đồng mỗi tháng. Những cảnh thương tâm đó nhan nhản trong xã hội.

Thời nay nhà giáo dục nào cũng bênh vực quyền lợi của trẻ, điều đó rất chính đáng. Người lớn chúng ta nhiều khi bất công thật, có kẻ tàn nhẫn nữa, cho nên lời của Livingstone Larnod mới làm cảm động lòng ta như vậy, mới được dịch ra mười bốn thứ tiếng, đăng trên hàng trăm tờ báo, dọc trên hàng chục đài phát thanh. Nhưng có ai lưu tâm chỉ một chút thôi, tới nỗi lòng của cha mẹ không ? Trong mấy chục năm nay tôi chưa được đọc một cuốn nào, một bài nào kể những nỗi khổ tâm của người cha đấy. Không dạy trẻ thì có tội bỏ bê chúng, mà dạy chúng thì làm sao chẳng có lúc nghiêm khắc mà phải chước lấy lời trách oán của các nhà giáo dục kia ?

Má tôi ít học, nhưng có tình thương con thì là có lương tri, mà có lương tri thì còn hơn là có học : người đã để tôi tự ý định đoạt lấy cuộc đời của tôi, không can thiệp vào sự lựa nghề, sự lập gia đình của tôi. Hồi trẻ tôi cho vậy là tự nhiên ; phải đợi tới ngày nay, hai thứ tóc rồi, tôi mới hiểu rằng người đã hy sinh cho tôi. Không hy sinh mà tôi là con trưởng lại để tôi sống xa người tới hai ngàn cây số ! Không hy sinh, mà nhà tôi trước sau làm dâu không đầy một

tháng ! Không hy sinh, mà người phải đi về bốn ngàn cây số để bồng cháu nội của người trong có bảy ngày !

Nhưng giả sử hồi đó người có "can thiệp" vào đời sống của tôi thì bây giờ tôi cũng hiểu được rằng người không phải là ích kỷ. Người chỉ tìm hạnh phúc cho con người theo quan niệm, kinh nghiệm của người thế thôi. Người làm sao có thể hành động khác được vì con người chẳng phải là một phần của người, là tất cả hy vọng và lẽ sống của người ư ? Khi quan niệm của cha mẹ không hợp với nguyện vọng của ta thì ta bảo rằng cha mẹ không sáng suốt ! Thật !

Chỉ tại "nước chảy xuôi chứ không bao giờ chảy ngược" như tục ngữ đã nói.

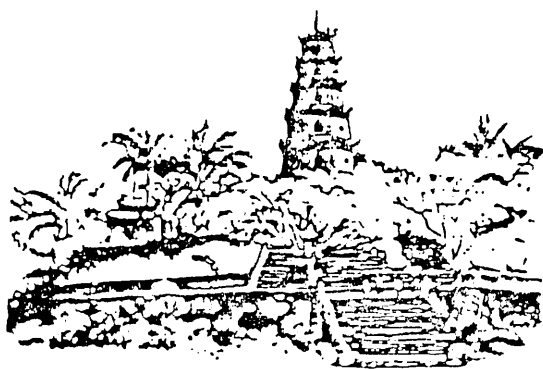
Tình thương của cha mẹ tự nhiên như nước chảy xuôi, mà lòng hiếu của con phải nhờ giáo dục, nhờ kinh nghiệm rồi mới có.

Không, tôi không tin cha mẹ mà lại ích kỷ bao giờ. Ích kỷ là chỉ nghĩ tới mình, phân biệt ta và người, mà cha mẹ thì không phân biệt mình và con. Không ai nuôi con để mong chúng sau này đền đáp mình cả. Má tôi về già vẫn làm lụng vất vả từ sáng tới khuya để tự túc mà khỏi trông cậy vào chúng tôi. Mà những cha mẹ nào bắt dặc dĩ phải trông cậy vào con cái thì luôn luôn ân hận rằng chẳng giúp chúng được gì cả. Ôi ! nuôi chúng cả một đời, về già chúng có đáp lại trong ít năm - mà đáp lại cách nào ? - thì vẫn ân hận rằng chẳng giúp được gì cả ! Nước chảy xuôi hoài cho tới khi cạn. Cha mẹ cứ muốn giúp con hoài cho tới khi chết. Vậy mà người ta còn bảo rằng cha mẹ ích kỷ !

Trong cái trào lưu sinh hoạt vĩnh viễn bất tuyệt của loài người, nước đã chảy đi thì không bao giờ trở lại về nguồn. Hỡi các bạn trẻ sắp lập gia đình, như dòng nước sắp bắt đầu rời suối, các bạn nên ngừng bước lại một chút, quay lại nhìn nguồn để hiểu nguồn thì trên đường đời các bạn sẽ đỡ phải ân hận, đỡ phải sám hối như hôm nay tôi sám hối trên bàn viết, trước mặt bàn thờ ba má tôi mà lư trầm đương lặng lẽ tỏa hương.

LỘC ĐÌNH

(Bách Khoa số 207 ngày 15-8-1965)



thơ



HOA SEN TRẮNG

*Thanh cao trắng một tòa sen
Đạo tâm một đóa hương Thiên nở hoa
Cuộc đời thảng lại ngày qua
Phù sinh một kiếp trắng già lặng yên
Hương sen bàng bạc trường miên
Pháp màu chiếu rạng cơ duyên trùng trùng
Con thuyền Bát Nhã rỗng không
Đài hoa sen nở tô hồng trần gian
Sương rơi mờ ánh trăng vàng
Mênh mang huyền diệu đạo tràng Thích Ca
Hương sen tỏa ngát Ta Bà
Xóa tan trần lụy dịu hòa khổ đau
Thiền môn thanh tịnh nhiệm màu
Thông reo hòa điệu suối cầu giác duyên
Diệt trừ vọng niệm ưu phiền
Tâm bình hạnh trực an nhiên độ đời.*

HUYỀN SIÊU — TRẦN DUY TỰ

PHẬT GIÁO TÂY TẠNG DƯỚI CHÍNH SÁCH CAI TRỊ TÀN ÁC CỦA BẠO QUYỀN TRUNG CỘNG

THÍCH TRÍ CHƠN

Tin tức Phật Giáo Thế Giới kỳ này chúng tôi muốn lược tóm trình bày, qua sự tường thuật của các báo chí Tây Phương gần đây để quý độc giả Phật tử xa gần biết rõ về các biến cố “Pháp Nạn” xảy ra tại nước Phật Giáo Tây Tạng hơn 30 năm qua dưới chế độ cai trị tàn bạo của chính quyền Cộng Sản Trung Quốc.

Vài nét về nền Phật Giáo Tây Tạng

Tây Tạng, danh từ Anh ngữ gọi là “Tibet”, tiếng Trung Hoa “Tufan”, Mông Cổ “Thubet”, Thái Lan “Thibet” và Ả Rập “Tubbat” v.v. Trong các thi phẩm cổ văn của Tây Tạng, quốc gia này thường có tên gọi “Khawachen”, có nghĩa là “Xứ Tuyết” (The Abode of Snow) hay “Sildanjong” nghĩa là “Vùng Đất Khí Hậu Lạnh” (The Cool Climate Land).

Từ lâu, Tây Tạng được thế giới xem như một quốc gia xa xôi ở Trung Á (Central Asia), ít người lui tới vì quanh năm xứ này được bao bọc bởi các núi tuyết. Tây Tạng có diện tích rộng khoảng 471,660 dặm vuông nằm ở vị trí cao nhất (16,000 feet) phía bắc núi Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya) mà người Tây Phương thường gọi là “The Roof or Top of the World” (Mái Nhà hoặc Đỉnh Cao của Thế Giới), phía tây giáp miền bắc Ấn Độ; đông và bắc giáp Trung Cộng; nam giáp các vương quốc Nepal, Bhutan, Sikkim, bắc Miến Điện và đông bắc Ấn Độ. Thủ đô: Lhasa với dân số 40,000 trên tổng số dân Tây Tạng là 6 triệu trong đó có khoảng 18 phần trăm là nhà Sư và 2 phần trăm Ni Cô (theo tài liệu của sử gia Tây Tạng T. W. D. Shakabpa). Ngoài ra, hiện có khoảng 1.5 triệu dân Tây Tạng đang sống tị nạn tại nhiều quốc gia khắp nơi trên thế giới.

Thời xa xưa, trước khi tiếp xúc với Phật giáo, dân chúng Tây Tạng phần đông theo đạo cổ truyền gọi là “Bon” tin vào ma quỷ, thần linh. Khi bị ma quỷ quấy phá, họ phải nhờ các thầy pháp, phù thủy cúng vái mới được yên. Sau đó, Phật giáo từ Ấn Độ bắt đầu du nhập Tây Tạng vào khoảng tiền bán thế kỷ thứ bảy dưới triều vua Songtsen Gampo (605-650). Theo truyền thuyết, người ta tin rằng nhà vua là hóa thân của đức Quán Thế Âm Bồ Tát và là vị vua ủng hộ Phật giáo đầu tiên ở Tây Tạng. Nhà vua đặt ra 16 điều răn đạo đức khuyên dân chúng thực hành theo, đã kiến lập thủ đô Lhasa và xây dựng nhiều chùa khắp nơi trong nước.

Phật giáo Tây Tạng có rất nhiều tông phái, nhưng chỉ có bốn phái sau đây là chính yếu : 1/ Nyingma ; 2/ Kagyu ; 3/ Sakya và 4/ Geluk. Các học giả Tây Phương thường gọi ba phái đầu là “Mũ đỏ” (Red Hat) và phái thứ tư Geluk là “Mũ Vàng” (Yellow Hat). Học giả Tây Tạng lại thích dùng từ ngữ “Cụu Phái” chỉ cho mũ đỏ và “Tân Phái” cho mũ vàng. Trong bốn phái trên, phái có ảnh hưởng mạnh nhất là Geluk hay “Đạo Đức Phái” (The Virtuous Order) nhờ vào sự cải cách, truyền bá và phát triển của Ngài Tsong Khapa (1357-1419). Xuất gia lúc 7 tuổi và sau khi học xong giáo lý căn bản tại quê nhà, năm 16 tuổi Ngài được gửi lên tiếp tục học chương trình cao học Phật giáo tại các Phật Học Viện ở miền trung Tây Tạng. Ngài chủ trương chư Tăng tuyệt đối không được lập gia đình (khác với phái Sakya, nhà sư có thể lấy vợ). Lúc ấy, được nhiều người ủng hộ, Ngài đứng ra lập chùa Ganden, cách 40 cây số về hướng đông thủ đô Lhasa để làm cơ sở truyền bá giáo lý của phái Geluk.

Ảnh hưởng của phái này về sau rất mạnh, không những chỉ trong đời sống tôn giáo, văn hóa, xã hội của dân chúng mà cả đến chính trị trong triều đình vua chúa Tây Tạng bấy giờ. Năm 1438, Gendun Drub là cháu và đệ tử chính của Ngài Tsong Khapa nhận giữ chức trụ trì chùa Ganden. Do lời tiên đoán của Lạt Ma Tsong Khapa, Ngài Gendun Drub (1391 -1474) được xác nhận như vị hóa thân của đức Bồ Tát Quán Thế Âm và do đó trở thành đức Đạt Lai Lạt Ma đầu tiên lãnh đạo giáo phái Geluk (Mũ Vàng) kiêm giữ chức vụ

nguyên thủ điều hành quốc gia. “Dalai” (Đạt Lai) là tiếng Mông Cổ dịch từ chữ “Gyatso” của Tây Tạng, có nghĩa là “Đại Dương” (Ocean) còn “Lama” (Lạt Ma) là “Trí Tuệ” (Wisdom). Vậy “Dalai Lama” có nghĩa là “Biển Trí Tuệ”.

Theo truyền thống kế thừa của dòng phái Đạt Lai Lạt Ma thì sau khi đức Đạt Lai Lạt Ma trước viên tịch, Giáo Hội không chọn lựa bổ nhiệm một vị Lạt Ma tài đức khác lên thay thế mà hàng Tăng đồ, đệ tử trong giáo phái và chính quyền phải lặn lội đi tìm khắp nơi trong nước một bé trai ở một gia đình nào mà qua nhiều lần thí nghiệm biết chắc rằng em đó đúng là vị đầu thai, tái sinh của đức Đạt Lai Lạt Ma đã mất thì em sẽ được Giáo Hội rước đưa về Lhasa chăm sóc dạy dỗ cả đời lẫn đạo để sau này tấn phong em lên nhận lãnh vai trò của đức Đạt Lai Lạt Ma kế tiếp. Truyền thống lãnh đạo của các vị Đạt Lai Lạt Ma và quyền lực chính trị của giáo phái Phật giáo Geluk (Mũ Vàng) này vẫn được duy trì tồn tại gần 500 năm qua tại xứ Tây Tạng cho đến năm 1959. Ngài Đạt Lai Lạt Ma hiện nay mà chúng ta gọi “Đức Phật Sống” (có đến Mỹ nhiều lần) là vị thứ 14. Tên Ngài là Tenzin Gyatso sinh ngày 6-6-1935 tại làng Taktser, quận Dokham, miền đông bắc Tây Tạng. Năm 1940 chưa đầy năm tuổi, Ngài chính thức được chính phủ Tây Tạng suy tôn lên ngôi vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và nắm quyền lãnh đạo quốc gia trong một buổi lễ vô cùng trang nghiêm tổ chức ở cung điện Potala tại thủ đô Lhasa

Trung Cộng xâm lăng đánh chiếm Tây Tạng

Trước kia, mặc dù Trung Quốc vẫn thường tuyên bố rằng Tây Tạng là một phần đất của họ, nhưng chưa thực sự xua quân đánh chiếm xứ này. Ngày 7-10-1950, quân đội Trung Quốc bắt đầu mở cuộc tấn công sáu mặt vào lãnh thổ Tây Tạng, lúc ấy đức Đạt Lai Lạt Ma mới có 15 tuổi. Ngày 7-11-1950, Ngài gửi văn thư nhờ Liên Hiệp Quốc can thiệp giúp đỡ, nhưng vì Tây Tạng bấy giờ không có chân trong tổ chức này nên lời yêu cầu của Ngài không được đáp ứng. Cùng lúc, đức Đạt Lai Lạt Ma cũng gửi công hàm cho chính quyền Trung Cộng nhắc lại tình hữu nghị xưa nay giữa hai nước và yêu cầu họ rút quân khỏi Tây Tạng cũng như giao trả các tù binh Tây Tạng bị bắt. Nhưng chính phủ Trung Quốc làm ngơ. Sau đó, vì nhận thấy không đủ sức đương đầu với Trung Cộng về mặt quân sự nên chính phủ Tây Tạng buộc lòng phải gửi phái đoàn sang Bắc Kinh nghị hòa ký hiệp ước gồm 17 điều vào ngày 23-5-1951. Tuy nhiên, nhà cầm quyền Trung Quốc vẫn không giữ đúng hoàn toàn tất cả những điều cam kết đã ký. Hè năm 1951, khoảng 6,000 quân Trung Cộng tiến vào chiếm thủ đô Lhasa. Cuối năm 1955, tình hình lại càng tồi tệ hơn. Hè năm 1956 đức Đạt Lai Lạt Ma được Hội Ma Ha Bồ Đề (Maha Bodhi Society) mời qua dự lễ Phật Đản năm 2500 tại Ấn Độ. Trong lúc Ngài vắng mặt, nhiều cuộc xung đột đã xảy ra giữa quân đội Trung Quốc và Tây Tạng. Cuối năm 1956, dân chúng Tây Tạng bắt đầu ồ ạt bỏ nước ra đi tị nạn. Đầu năm 1957, quân đội giải phóng Tây Tạng chiến đấu anh dũng đã lấy lại được một số cứ điểm do Trung Cộng chiếm đóng trước kia mặc dù lúc ấy quân

Trung Cộng có đến 40,000 so với Tây Tạng vào khoảng 6,000.

Sau khi từ Ấn Độ về đến Lhasa, đức Đạt Lai Lạt Ma đau buồn nghe tin quân đội Trung Cộng đã pháo kích, ném bom, phá hủy các làng mạc, chùa chiền khắp nơi. Nhiều dân lành Tây Tạng bị tra tấn, sát hại. Những nông dân nào tỏ ý chống đối chính quyền Trung Quốc, con gái của họ từ 13 đến 20 tuổi bị cưỡng bức lửa thể đi diễn hành ngoài đường phố, trong khi lính Trung Cộng đứng nhìn và có những hành động đồi bại vừa la hò thích thú. Nhiều Ni Cô Tây Tạng bị lính Trung Cộng hãm hiếp tập thể hoặc có trường hợp bộ đội Trung Quốc dùng súng, lưới lê cưỡng bức các nhà Sư và Ni Cô lấy nhau trước mặt họ. Nạn nhân đôi khi bị tra tấn bằng cách lột da sống. Chồng bị tàn sát trước mặt vợ, các phụ nữ và con gái bị cưỡng hiếp và bắn chết trước sự chứng kiến của thân nhân. Trẻ con Tây Tạng bị bắt buộc cầm súng bắn giết cha mẹ .v.v. Theo bản báo cáo của một Ủy Ban Điều Tra tại Quốc Hội Hoa Kỳ về các nạn nhân bị sát hại dưới chế độ Cộng sản tại Trung Quốc (gồm cả Tây Tạng) trong thời gian những năm 1949-1971 là vào khoảng từ 32 đến 63 triệu người.

Đức Đạt Lai Lạt Ma bỏ nước ra đi

Cuối năm 1958, dân chúng Tây Tạng nổi dậy chống Trung Quốc khắp nơi. Ngày 10-3-1959, ngay tại thủ đô Lhasa, quần chúng cũng vùng lên chống đối Trung Cộng. Giữa lúc tình hình khẩn trương, ngày 16-3-1959 đức Đạt Lai Lạt Ma được tin quân đội

Trung Cộng đang chuẩn bị pháo kích cung điện Potala ở Lhasa, Ngài khẩn cấp cho họp Hội Đồng Nội Các. Ngài không sợ chết nhưng nhận thức rằng chính phủ và nhân dân Tây Tạng muốn Ngài phải sống dù bất cứ ở đâu, để tiếp tục lãnh đạo cuộc tranh đấu giải phóng đất nước. Cuối cùng, vì tiền đồ của dân tộc và đạo pháp Ngài đã quyết định cùng với một số thân quyến và các vị bộ trưởng trong chính phủ rời khỏi Tây Tạng ngay trong đêm ấy. Sau bao ngày dùm ngựa và đi bộ cực nhọc, vượt suối băng đèo, đức Đạt Lai Lạt Ma đã an toàn tới được thị trấn Mussoorie dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn phía bắc New Delhi, thủ đô của Ấn Độ. Cố thủ tướng Ấn Độ, ông Nehru (1889-1964) lúc ấy hay tin liền đến thăm Ngài. Hiện nay đức Đạt Lai Lạt Ma đang sống với chính phủ lưu vong của Ngài tại thị trấn Dharamsala, quận Kangra, tiểu bang Himachal Pradesh, miền bắc Ấn Độ. Ngoài ra, tại các tiểu bang khác trên toàn Ấn Độ hiện có khoảng 50.000 dân tị nạn Tây Tạng đang sinh sống. Từ ngày đức Đạt Lai Lạt Ma bỏ nước ra đi, Tây Tạng hoàn toàn bị Trung Cộng chiếm đóng cai trị. Những năm gần đây, nhà cầm quyền Trung Quốc nhiều lần ngỏ ý mời đức Đạt Lai Lạt Ma trở về nước, nhưng Ngài đã từ chối vì tự thấy rất khó có thể tin tưởng vào thiện chí của những người Cộng Sản.

Chủ trương đàn áp tiêu diệt Phật giáo Tây Tạng của Trung Cộng

Theo tài liệu của ký giả John Avedon viết trong tờ Washington Post mà tạp chí Golden Drum (No. 8,

Feb.-Apr. 1988, London) trích đăng lại và bài viết "Tibet and Chinese : A Viewpoint" của John Mc.Clelian đăng ở tạp chí "The Vajradhatu Sun" (Vol. 9, No. 2, Dec. 87-Jan. 88) cho biết kể từ năm 1950 Trung Cộng xâm lăng Tây Tạng đến nay đã có 1,5 triệu — 1 phần 5 dân số — chư Tăng Ni và dân chúng Tây Tạng bị sát hại ; 6,500 ngôi chùa bị phá huỷ cùng nhiều kim loại quý và tác phẩm mỹ thuật Phật giáo trị giá khoảng 80 tỷ Mỹ kim đã bị nhà cầm quyền Trung Quốc tước đoạt. Trung Cộng hiện có 350,000 quân đóng ở Tây Tạng để kiểm soát 84 nhà tù đang còn giam giữ từ 20,000 đến 100,000 người, phần đông ở trại tập trung khổng lồ lớn nhất thế giới "Amdo Gulag", miền đông bắc Tây Tạng. Những người bị giam ở đây phần lớn vì tội chống chính phủ trong đó có Lạt Ma Geshe Lobsang Wangchuk, một triết gia và sử gia nổi tiếng Tây Tạng mà Hội Ân Xá Quốc Tế đã từng lên tiếng can thiệp (có tin Ngài đã chết trong tù ngày 4-11-87).

Ngoài việc chiếm đóng quân sự, hiện nay chính sách của Trung Cộng là muốn đồng hóa và làm suy yếu dân tộc Tây Tạng. Chính phủ đã khuyến khích 7,5 triệu dân Trung Quốc qua định cư sinh sống ở Tây Tạng. Mặc dù nhà cầm quyền Trung Cộng hứa hẹn giúp đỡ dân chúng Tây Tạng có công ăn việc làm và giáo dục cho trẻ em nhưng theo tài liệu của Quốc Hội Hoa Kỳ cho thấy chính quyền Trung Quốc muốn kiềm hãm người dân Tây Tạng trong tình trạng lạc hậu và dốt nát. Cũng có tin nói rằng hàng ngàn phụ nữ Tây Tạng đã bị cưỡng bức phá thai, chẳng hạn John

Avedon viết "Tại Lhasa nhiều phụ nữ Tây Tạng vừa sinh xong, nghe tiếng em bé khóc thì liền sau đó họ được báo cho biết là đứa trẻ đã chết".

Ký giả Jack Anderson trên báo Washington Post (ngày 28-3-88) đã viết: "Tây Tạng từ 38 năm qua dưới chính sách cai trị độc tài của Trung Cộng đã hoàn toàn bị cô lập, cắt đứt liên lạc với thế giới bên ngoài nhưng mấy năm gần đây, nhằm thu hoạch ngoại tệ của khách du lịch, nhà cầm quyền Trung Quốc đã cho phép nhiều du khách đến viếng xứ này. Tháng 10 năm 1987, sau biến cố dân chúng Tây Tạng nổi lên biểu tình chống chính phủ, Tây Tạng lại bị đóng cửa trở lại. Chính quyền Trung Cộng đã ngăn cấm không cho du khách và ký giả Tây phương đến viếng Lhasa. Nhiều dân tị nạn Tây Tạng trốn ra được nước ngoài cho biết nhà cầm quyền Trung Quốc vẫn tiếp tục bắt bớ, tra tấn, đàn áp, sát hại những phần tử chống đối ... Chỉ hai ngày sau khi đức Đạt Lai Lạt Ma đến viếng thăm Hoa Kỳ đưa ra kế hoạch hòa bình giữa dân chúng Tây Tạng ủng hộ ông và chính quyền Trung Quốc; ngày 24-9-87, quân đội và cảnh sát Trung Cộng đã tập trung bao vây 15,000 dân chúng Tây Tạng tại một sân vận động ở Lhasa để buộc họ chứng kiến lính Trung Cộng hành quyết hai người Tây Tạng theo Quốc Gia".

Theo bản báo cáo "Asia Watch" dày 74 trang được phổ biến tại Washington D.C. ngày 11-2-1988 của tổ chức Nhân Quyền (Human Rights) Watch cho biết các nhà chính trị tích cực bị chính quyền Trung Cộng bắt giam tại Tây Tạng phần đông họ là những

phần tử dám phát biểu công khai chống đối sự cai trị và chính sách của Trung Quốc hoặc ủng hộ đường lối chính trị của đức Đạt Lai Lạt Ma và nền độc lập của Tây Tạng. Những cuộc bắt bớ thường xảy ra ban đêm và thân nhân gia đình không được thông báo trước. Người bị bắt không được đưa ra tòa án xét xử mà thường trong khi lấy khẩu cung họ bị cưỡng bức ký vào những tờ giấy nhận tội đã làm sẵn. Lúc xét hỏi, họ thường bị tra tấn. Theo lời tường thuật của một người Tây Tạng tị nạn được Asia Watch phỏng vấn cho biết: Nếu ai can đảm dám phát biểu Tây Tạng là một quốc gia độc lập, chân tay họ liền bị xích lại và tra điện. Toàn thân nạn nhân run lên và không thể mở miệng nói gì hết.

Tháng 1 năm 1988, hai nhân viên của Quốc Hội Hoa Kỳ, ông Paul H. Berkowitz và Keith J. Pitts phỏng vấn nhiều dân tị nạn Tây Tạng ở Nepal được họ kể cho biết rằng sau cuộc biểu tình chống Trung Quốc của dân chúng xảy ra ngày 1-10-1987, hiện nay tại Lhasa nhà cầm quyền Trung Cộng vẫn tiếp tục đàn áp, bắt bớ, tra tấn, tù đầy, tẩy não, bắn giết nhân dân Tây Tạng. Tờ Washington Post số ra ngày 29-1-1988 tường thuật là: "Một phụ nữ Tây Tạng đã bị công an Trung Cộng dùng điện tra tấn nơi chỗ kín. Người Trung Quốc đối xử với dân Tây Tạng như loài chó. Đó là nguyên nhân xảy ra các cuộc nổi dậy bạo động chống đối Trung Cộng của dân chúng Tây Tạng. Các nhà Sư bị cảnh sát đánh bằng xẻng và cuốc".

Khi ở Nepal, ông Pitts cũng được dân Tây Tạng tị

nạn cho biết nhân viên chính quyền Trung Cộng hứa sẽ thưởng 100 Mỹ kim cho bất cứ lính biên phòng Nepal nào bắt được một người Tây Tạng vượt biên trốn đi giao lại cho họ. Hãng thông tấn Associated Press ngày 25-1-88 tường thuật hơn 5.000 dân chúng Tây Tạng đã bị bắt sau cuộc biểu tình chống chính phủ xảy ra ngày 1-10-1987, nửa trong số đó là phụ nữ và trẻ em. Họ bị giam trong các nhà tù với hoàn cảnh sinh sống thật hết sức tồi tệ chưa từng thấy, thường xuyên bị lấy khẩu cung, tra tấn và bỏ đói.

Mặc dù bạo quyền Trung Cộng tìm mọi cách đàn áp khủng bố tinh thần dân chúng, họ vẫn không ngăn chặn được các cuộc biểu tình chống đối tiếp tục nổ ra. Cuối tháng 11 năm 1987, chư Tăng chùa Ganden (cách thủ đô Lhasa 40 cây số về hướng đông) đã phản đối sự hiện diện của quân đội Trung Quốc tại chùa họ. Một xe cảnh sát bị các nhà Sư đốt cháy và 80 vị Lạt Ma đã bị bắt. Cuộc biểu tình thứ hai xảy ra vào ngày 19-2-1987 khi 20 Ni Cô Tây Tạng diễu hành quanh chùa Jokhang ở Lhasa và hô khẩu hiệu đả đảo quân đội Trung Cộng chiếm đóng Tây Tạng. Tất cả sau đó đều bị bắt.

Để chống lại những người biểu tình chính quyền Trung Cộng cho thành lập nhiều uỷ ban tuyên truyền mà mục đích chính của họ là tổ chức các buổi học tập. Tại các lớp học này, người dân Tây Tạng bị cưỡng bức lên án các cuộc biểu tình đã xảy ra, kết tội những ai có ý tưởng muốn Tây Tạng độc lập hoặc ủng hộ đức Đạt Lai Lạt Ma lưu vong. Họ cũng bị bắt buộc bày tỏ ý muốn thấy Tây Tạng được sát nhập và thống nhất vào

Trung Quốc v.v. Cũng theo bản báo cáo Asia Watch, hiện nay tại Tây Tạng nhà cầm quyền Trung Quốc giới hạn tối đa mọi công tác sửa chữa, trùng tu chùa chiền; kiểm soát tất cả những tài sản, tiền bạc của các tu viện và ngăn cấm sự thuyết giảng truyền bá Phật Pháp trong nước cũng như nỗ lực tách rời việc giáo dục Phật Giáo ra khỏi ảnh hưởng của các chùa v.v. Chính quyền Trung Cộng còn cấm đoán người dân không được lưu giữ lá cờ quốc gia của Tây Tạng trước kia cũng như bất cứ tài liệu, vật dụng gì có liên quan đến những người Tây Tạng hiện đang sống tị nạn ở Ấn Độ.

Đại Lễ cầu nguyện tại chùa Jokhang ở Lhasa biến thành biểu tình chống đối Trung Cộng xâm lăng Tây Tạng

Một tuần trước khi xảy ra biến cố này, tình hình thủ đô Lhasa thật khẩn trương. Đài BBC ngày 28-2-1988 loan tin: "*Hàng ngàn lực lượng an ninh và cảnh sát Trung Cộng được lệnh di chuyển vào Lhasa — các đường chính dẫn đến thủ đô đều bị phong tỏa. Nhiều đoàn xe bọc sắt đi tuần tiểu ngoài đường phố vào ban đêm và dân chúng được loan báo trên loa phóng thanh là nên ở trong nhà. Quân đội cũng cảnh cáo: Nếu ai bất tuân sẽ bị bắn ngay tại chỗ*". Hãng thông tấn Reuters đánh đi từ Bắc Kinh cho biết một tuần trước Đại Lễ Cầu Nguyện Monlam Chenmo, hàng ngàn cảnh sát Trung Cộng đội nón sắt, tay cầm dùi cui với 50 xe quân sự hướng dẫn cuộc tập dượt tuần hành xung quanh chùa Jokhang, nơi đại lễ nói trên sẽ được tổ chức. Các ký giả Tây Phương ở Bắc

Kính bị nhà cầm quyền Trung Quốc từ chối không cấp giấy phép đến thăm Lhasa. Ngoại trừ chỉ có thông tin viên đài BBC Tim Luard và ký giả hãng thông tấn Pháp Kathy Wilhelm được phép gia nhập cùng đi với một nhóm du khách đến Lhasa để dự xem lễ Monlam Chenmo.

Khoảng 30 du khách ngoại quốc ở Lhasa nói rằng tình hình tại thủ đô hết sức căng thẳng và cảnh sát đã xét hỏi giấy thông hành của họ. Du khách được chính quyền cảnh cáo là không nên đến viếng các chùa và đừng tham dự bất cứ cuộc biểu tình nào chống chính phủ của dân chúng. Mặc dù nhà cầm quyền Trung Cộng đã chuẩn bị đối phó ngăn chặn các cuộc biểu tình xảy ra nhưng vẫn thất bại. Theo tin tức đăng ở tờ New York Times số ra ngày 17-3-1988 cho biết hơn 5.000 dân chúng Tây Tạng đã tổ chức biểu tình tại Lhasa ngày 5-3-1988 và họ yêu cầu Trung Quốc trao trả độc lập cho Tây Tạng.

Nguyên do phát xuất cuộc biểu tình trên là nhân dịp lễ tế mạc 10 ngày Đại Hội Cầu Nguyện Monlam Chenmo tại chùa Jokhang ở Lhasa, một nhà Sư bị bắt vì đã đứng lên hô hào đòi quyền độc lập cho Tây Tạng. Bạo động đã xảy ra sau khi 2.000 cảnh sát võ trang và bán quân sự Trung Cộng tấn công chùa Jokhang. Cảnh sát dùng lựu đạn cay đàn áp và 100 vị Lạt Ma đã bị bắt. Một nhà Sư 15 tuổi và ba thường dân đã bị cảnh sát bắn chết. Về phía cảnh sát có ba tên bỏ mạng theo tin của hãng thông tấn Pháp. Sau đó, dân chúng tức giận tấn công một bót cảnh sát và một văn phòng

của Hội Phật Giáo Tây Tạng do nhân viên chính quyền Trung Cộng kiểm soát. Một du khách Hoa Kỳ, ông Benjamin Watson tường thuật rằng có 16 nhà Sư Tây Tạng đã bị sát hại trong cuộc xung đột. Vài vị đã do cảnh sát bắn chết, có người bị ném trên tầng lầu cao xuống đất. Theo tin của tờ Newsweek xuất bản ngày 21-3-1988 thuật rằng: "*Một du khách Nhật đã chứng kiến năm cảnh sát đánh vỡ đầu một nhà Sư bằng gậy*".

Báo The Wall Street ngày 11-3-1988 đã cho biết "*ít nhất có 600 người đã bị bắt sau khi xảy ra cuộc đụng độ hôm thứ bảy 5-3-1988 giữa cảnh sát và những người ủng hộ quyền độc lập của Tây Tạng*". Ngày 11-3-1988 nhà cầm quyền Trung Cộng đã cảnh cáo các phần tử Tây Tạng chống đối chính phủ phải ra trình diện vào ngày 20-3-1988, nếu không sẽ bị trừng phạt nặng. Chính quyền Trung Quốc đã đàn áp thẳng tay nhân dân Tây Tạng. Lực lượng an ninh võ trang đã bố ráp từng nhà để bắt những người bị tình nghi là theo chủ trương ly khai. Tuy nhiên tình hình bất ổn ở thủ đô Lhasa vẫn lan tràn đến các nơi khác. Báo Ottawa Citizen tường thuật cho biết ngày 11-3-1988 có nhiều vị Lạt Ma và các em học sinh trung học ở tỉnh Amdo phía đông bắc Tây Tạng đã nổi dậy đòi nhà cầm quyền Trung Cộng trao trả độc lập cho quốc gia họ. Họ cũng phản đối chương trình kế hoạch hóa gia đình và hành động cưỡng bức phụ nữ Tây Tạng phá thai của chính quyền.

Cuộc biểu tình lớn ngày 5-3-1988 tại thủ đô Lhasa xảy ra trùng hợp với chuyển sang thăm chính

thức Hoa Kỳ của ông Wu Xueqian, bộ trưởng ngoại giao Trung Cộng. Trước đó, ông ta tuyên bố muốn gặp thảo luận với các dân biểu Quốc Hội Hoa Kỳ bất cứ vấn đề gì, kể cả Tây Tạng. Tuy nhiên, sau biến cố ngày 5-3-1988, ông Wu đã huỷ bỏ cuộc gặp gỡ dự trù sẽ diễn ra vào ngày 8-3-1988 với các nhân vật trong Ủy Ban Ngoại Giao của chính phủ Mỹ. Tòa Đại sứ của Trung Cộng ở Hoa Thịnh Đốn cũng không đưa ra lời giải thích nào về việc huỷ bỏ đó. Ngày 7-3-1988, đức Đạt Lai Lạt Ma gửi một văn thư cho tổng thống Reagan và yêu cầu ông lên tiếng về tình hình ở Tây Tạng, nhưng không thấy tổng thống Reagan nói gì. Tuy nhiên, theo tin từ tòa Bạch Ốc, ông Schultz, bộ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ, trong cuộc gặp gỡ với ông Wu có đề cập đến vấn đề Tây Tạng.

Thái độ của chính phủ Hoa Kỳ trước hành động vi phạm nhân quyền của nhà cầm quyền Trung Cộng ở Tây Tạng

Ngày 18-6-1987, Hạ Viện Mỹ đã thông qua một nghị quyết lên án hành động vi phạm nhân quyền của chính quyền Trung Quốc ở Tây Tạng và một dự luật tương tự cũng được thông qua tại Thượng Viện ngày 9-10-1987.

Ngày 21-9-1987 đức Đạt Lai Lạt Ma, lãnh đạo chính phủ lưu vong Tây Tạng ở Dharamsala (Ấn Độ) đưa ra kế hoạch 5 điểm nhằm giải quyết vấn đề Tây Tạng :

1/ Biến Tây Tạng thành một khu vực hòa bình. Tây Tạng cần được duy trì như một quốc gia Phật

Giáo hòa bình và trung lập.

2/ Chấm dứt sự di dân Trung Quốc ồ ạt vào Tây Tạng.

3/ Tôn trọng quyền tự do dân chủ và nhân quyền căn bản của nhân dân Tây Tạng.

4/ Duy trì và bảo vệ môi trường sinh sống thiên nhiên ở Tây Tạng kể cả việc chấm dứt sản xuất vũ khí nguyên tử và vứt bỏ những cặn bã của vật dụng nguyên tử vào lãnh thổ Tây Tạng.

5/ Khởi đầu các cuộc thương thuyết về địa vị tương lai của Tây Tạng cùng sự quan hệ giữa nhân dân Trung Quốc và Tây Tạng.

Trong văn thư gửi cho thủ tướng Trung Cộng, các dân biểu của Thượng và Hạ Viện Quốc Hội Hoa Kỳ kể cả ông Claiborne Pell, chủ tịch Ủy Ban Liên Lạc Ngoại Giao Hạ Viện và Dante Fascell, chủ tịch Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện Hoa Kỳ đã ủng hộ đề nghị 5 điểm của đức Đạt Lai Lạt Ma, xem đó như là *"một bước tiến lịch sử nhằm giải quyết thỏa đáng vấn đề thiết yếu của Tây Tạng cùng làm giảm bớt sự đau khổ cho nhân dân Tây Tạng"*.

Về phía Trung Quốc, trong bài xả thuyết đăng ở tờ nhân dân nhật báo số ra ngày 7-10-1987, chính quyền Trung Cộng đã lên án đề nghị năm điểm của đức Đạt Lai Lạt Ma, xem đó như là mục đích nhằm phục hồi nền độc lập của Tây Tạng, chia cắt đất nước, phá hoại tinh thần đoàn kết giữa các chủng tộc và vi phạm đến sự toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc. Trung Cộng

cũng trách cứ nói rằng chính đức Đạt Lai Lạt Ma phải chịu trách nhiệm về những xáo trộn xảy ra gần đây ở Lhasa. Trong một thông cáo phổ biến ở Bắc Kinh, nhà cầm quyền Trung Cộng tuyên bố rằng vấn đề Tây Tạng là hoàn toàn thuộc nội bộ của Trung Quốc. Chính quyền đã từ chối việc cho phép một phái đoàn điều tra của Quốc Hội Hoa Kỳ sang Tây Tạng để quan sát về tình trạng vi phạm nhân quyền tại đây. Ngày 18-10-1987, Đặng Tiểu Bình, nhân vật lãnh đạo cao cấp của Trung Quốc ra thông cáo nói rằng “vấn đề liên quan đến Tây Tạng là công việc nội bộ của Trung Quốc, Quốc Hội Hoa Kỳ không có quyền can dự vào”.

Ngày 3-10-1987 tại Dharamsala (Ấn Độ) đức Đạt Lai Lạt Ma đã lên tiếng: “Tôi rất đau buồn và xót thương cho các Tăng Ni cũng như Phật tử đã bỏ mình và bị thương trong những cuộc biểu tình chống chính phủ Trung Cộng gần đây ở Tây Tạng. Tôi tin rằng bạo lực không phải là phương pháp để giải quyết vấn đề. Tôi kêu gọi các tổ chức nhân quyền cùng những người ủng hộ sự tự do và công bằng trên thế giới hãy thuyết phục nhà cầm quyền Trung Quốc nên chấm dứt hành động tàn sát những dân lành vô tội và phóng thích các tù nhân đang bị giam giữ ở Tây Tạng”. Ngày 8-10-1987 hãng thông tấn Associated Press trích dẫn lời đức Đạt Lai Lạt Ma phát biểu: “Tôi không thể làm nản lòng ý chí quyết định về nền độc lập của nhân dân Tây Tạng nhưng tôi cũng không muốn chấm dứt mối quan hệ trực tiếp giữa tôi với chính quyền Trung Cộng”.

Trên đây, chúng tôi xin lược tóm trình bày đại

cương qua sự tường thuật của các hãng thông tấn và báo chí Tây Phương về những diễn biến “Pháp Nạn” đã xảy ra tại quốc gia Tây Tạng từ hơn 30 năm qua cũng như thời gian gần đây, tháng 10 năm ngoái (1987) đến tháng 3 năm nay (1988) mà hàng triệu chư Tăng Ni, Phật tử và dân chúng Tây Tạng đã phải âm thầm hy sinh, chịu đựng dưới chế độ cai trị độc tài, tàn ác của bạo quyền Trung Cộng hầu giúp quý độc giả Phật tử xa gần nhận thức và chia xẻ phần nào nỗi khổ đau tủ nhục triền miên của những người con Phật nơi đất nước Tây Tạng.

Nhân mùa Vu Lan, chúng ta hãy thành tâm nguyện cầu chư Phật, Bồ Tát trong mười phương từ bi phóng quang tiếp độ cho giác linh, vong hồn của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Tây Tạng hơn một phần tư thế kỷ đã hy sinh vì đạo pháp và dân tộc của họ trong các nhà tù, trại tập trung ở Tây Tạng sớm được vãng sanh miền Lạc Quốc.

Chúng ta cũng cầu nguyện cho nhân dân Tây Tạng chóng đạt được thành quả trong mục tiêu tranh đấu giành lại chủ quyền độc lập cho quốc gia để ánh đạo vàng của đức Thế Tôn có dịp được phát triển và bành trướng mạnh mẽ như ngày nào hơn ba mươi năm trước dưới sự lãnh đạo tài đức của các vị Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng nơi vùng đất xa xôi quanh năm tuyết phủ này.

THÍCH TRÍ CHƠN

Tài liệu tham khảo :

1. Michael Buckley & Robert Strauss, *Tibet - A Travel*

Survival Kit, Lonely Planet Publications, Victoria, Australia, 1986

2. Dalai Lama, *My Land and My People*, Potala Publications, New York, 1985

3. L. Austine Waddell, *Tibetan Buddhism, With Its Mystic Cults, Symbolism and Mythology*, Dover Publications, New York, 1972

4. Roger Hicks & Ngakpa Chogyam, *Great Ocean - An Authorised Biography The Dalai Lama*, Elements Books Ltd., Longmead, England 1984

5. Các báo và tạp chí :

— *Golden Drum*, No.8 February - April 1988, Windhorse Publications, Glasgow, Scotland

— *Snow Lion Newsletter*, Snow Lion Publications, Vol. 3, No. 1, New York, Spring 1988

— *The Vajradharatu Sun*, December 1987 - January 1988, Vol. 9, No. 2 & April - May 1988, Vol. 10, No. 4

— *The Post Standard*, 7-3-1988, Hongkong

— *The Wall Street Journal*, 11-3-1988

— *The New York Times*, 7 & 17-3-1988

The Washington Post, 28-3-1988

CHUYẾN ĐI BẢY TUẦN LỄ CHIẾU PHIM, THUYẾT GIẢNG VỀ PHẬT TÍCH ẤN ĐỘ TẠI ÚC CHÂU VÀ TÂN TÂY LAN

THÍCH TRÍ CHƠN

(Tiếp theo Tập San Phật Giáo Thống Nhất số 1)

Sau một tuần lễ từ 13-11 đến 20-11-1987 lưu lại hoàng pháp tại Sydney thuộc tiểu bang New South Wales (miền đông nam nước Úc), sáng thứ bảy 21-11-87 tôi rời chùa Pháp Bảo của T.T. Thích Bảo Lạc để đi Canberra, thủ đô Úc Đại Lợi. Sydney và Canberra cách nhau không xa lắm, mất độ 4 giờ đi xe buýt (vé xe 20 đồng tiền Úc). Các hãng xe bus nổi tiếng

tại Úc là Deluxe và Ansett Pioneer giống như Greyhound ở Mỹ, bên trong chỗ ngồi sạch sẽ, thoải mái, đầy đủ tiện nghi, có gắn máy lạnh v.v....

Sáng hôm đó, đạo hữu Huyền Phương, nữ thủ quỹ chùa Pháp Bảo đưa tôi ra trạm bus ở khu phố Bankstown rất gần, đi mất 15 phút xe. Khoảng 8 giờ 5 xe đến, 8 giờ 15 xe chạy và 12 giờ 10 phút trưa tôi tới Canberra. Vì đã liên lạc trước, nên vừa xuống xe, tôi đã gặp Đ.Đ. Thích Như Định và các đạo hữu trong chùa Vạn Hạnh ra đón. Sáng lập, trụ trì chùa Vạn Hạnh là Đ.Đ. Thích Quảng Ba lúc ấy đang còn ở Bangkok (Thái Lan), bận lo việc đặt đúc tượng Phật cho chùa, không về kịp. Đại đức Như Định sang Úc tị nạn từ Phi Luật Tân vào tháng 2-86, còn trẻ, nhanh nhẹn, rất vui vẻ, tuy mới gặp đầu tiên, tôi đã cảm mến ngay. Sau khi cùng tôi chụp tại chỗ vài tấm hình lưu niệm, đại đức mời tôi lên xe lái thẳng về chùa mất độ 15 phút.

Chùa Vạn Hạnh, thời gian tôi đến viếng thăm là một ngôi nhà do Đ.Đ. Quảng Ba tạm thuê. Chùa nằm trên đường Bokhara Circuit, ở khu vực Kaleen, gồm có 3 phòng ngủ, nhà bếp, một phòng khách lớn dùng làm chánh điện, vừa đủ cho khoảng 70 Phật tử hành lễ.

Hiện nay chùa đã dời về địa điểm mới số 4 đường Phillip Ave., vùng Downer, Canberra. Tôi được biết Ban Trị Sự Hội Phật Giáo Việt Nam Canberra được thành lập đầu tiên vào tháng 2 năm 1983 dưới sự chỉ giáo của Hòa Thượng Thích Phước Huệ, nhân chuyến viếng thăm của ngài tại Canberra. Lúc bấy giờ hòa

thượng là Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Úc. Đến tháng 11 năm 1983, sau cuộc họp khoáng đại (có sự tham dự của Đ.Đ. Quảng Ba), Hội và chùa được chính thức thành lập. Tháng 2 năm 1984, nhân buổi lễ cầu an đầu năm, do lời thỉnh cầu của toàn thể Phật tử hiện diện, Hòa Thượng Hội Chủ Phước Huệ bổ nhiệm Đ.Đ. Quảng Ba làm Hội Trưởng. Ngày 01-07-1984, Đ.Đ. Quảng Ba chính thức thuê nhà lập chùa Vạn Hạnh. Đến tháng 2-1985, Hội mua nhà làm chùa, nhưng lại bán vào tháng 2-1987 vì lãi suất lên quá cao, trên 20 phần trăm.

Trước đó, tháng 5-1985, Hội đệ đơn lên chính quyền Úc xin đất xây Trung Tâm Phật Giáo, tháng 6-1986 được chính phủ chấp thuận trên nguyên tắc, đến tháng 2-1988 Hội chính thức nhận đất. Lô đất số 56 này rộng hơn 16,500 thước vuông tọa lạc trên đường Archibald Street, vùng Lyneham, phía bắc thủ đô Canberra do bộ "Các Lãnh Thổ" hiến tặng Hội Phật Giáo Việt Nam Canberra để xây cất trung tâm Phật Giáo Thích Ca Mâu Ni. Chương trình kiến thiết trung tâm được chia làm nhiều giai đoạn dự trù từ nay cho đến cuối thế kỷ 20 này. Ngày 12-6-1988 vừa qua, nhân đại lễ Phật Đản năm 2532, Hội đã tổ chức lễ đặt đá xây dựng hai cơ sở trong đợt đầu tiên tại trung tâm là Tu Viện Vạn Hạnh và Phật Đài Lộ Thiên cao hơn 6 mét với tổng phí dự trù không quá 150,000 Úc kim. Hội cũng đã đặt đúc bằng đồng tại Bangkok (Thái Lan) một đại hồng chung cao 1,25 mét, hai pho tượng Phật Thích Ca đứng (kiểu Thái) cao 3,60 mét và ngòai trên tòa sen (kiểu Thích Ca Phật Đài ở Vũng Tàu) cao

2,20 mét để tôn trí thờ tại Tu Viện Vạn Hạnh và Phật Đài Lộ Thiên.

Canberra là thủ đô hành chính của Úc Đại Lợi, ít hăng xướng kỹ nghệ nên dân Việt tị nạn cư ngụ tại đây rất ít so với những thành phố lớn khác như Sydney, Melbourne v.v... Theo tài liệu của Viện Thống Kê Úc cho biết tính đến giữa năm 1986 có khoảng 1,355 người Việt (gồm các tôn giáo : Tin Lành, Thiên Chúa, Phật Giáo) sinh sống tại Canberra. Trong số này có bao nhiêu Phật tử, tôi không thể nói chính xác, nhưng chắc là không đông lắm. Theo quý Thầy ở Úc cho biết thì Canberra là nơi có ít Phật tử Việt Nam nhất. Cũng theo thống kê trên, tổng số Phật tử (gồm nhiều sắc tộc : Úc, Lào, Cam-pu-chia, Nhật, Thái, Việt Nam, Trung Hoa, Đại Hàn, Tích Lan, Ấn Độ v.v...) tại Canberra chỉ có 1,890 người.

Thời gian tôi ghé thăm chùa Vạn Hạnh chỉ có năm ngày từ 21-11 đến 25-11-1987. Ngoài Đ.Đ. Quảng Ba đi vắng, chùa lúc ấy tôi nhớ chỉ có quý đại đức Như Định, Đ.Đ. Quảng Trừ (Tỳ Tâm) và Ni Cô Huệ Hạnh. Theo chương trình đã loan báo trước, buổi chiếu phim (color slides) thuyết giảng về "Các Phật Tích Ấn Độ" của tôi được tổ chức vào lúc 8 giờ tối thứ bảy 21-11-1987 ngay tại chánh điện của chùa với khoảng hơn 100 Phật tử xa gần về tham dự, một vài vị trong đó là giáo sư đại học và nhân viên cao cấp làm việc tại các bộ của chính phủ Úc ở Canberra. Mở đầu buổi chiếu phim, Đ.Đ. Như Định, đại diện Đ.Đ. Thích Quảng Ba, hội trưởng kiêm trụ trì chùa Vạn Hạnh giới

thiệu chúng tôi với bà con Phật tử. Sau đó, hơn hai tiếng đồng hồ, lần đầu tiên quý Phật tử tại đây được tôi hướng dẫn sang hành hương đất Ấn, chiêm bái các Phật tích.

Trong sự im lặng tuyệt đối, hàng trăm con mắt dồn hướng lên màn ảnh, các Phật tử với lòng hết sức thành kính đã theo dõi xem từ đầu đến cuối những thánh tích thiêng liêng gắn liền với cuộc đời cao siêu của đức Bổn Sư Từ Phụ hơn 25 thế kỷ trước tại Ấn Độ như thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu), vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini), quê hương và nơi đản sanh của đức Phật ; Bồ Đề Đạo Tràng (Bodh Gaya), nơi đức Phật thành Đạo ; vườn Lộc Uyển (Sarnath), nơi đức Phật thuyết pháp đầu tiên và Câu Thi Na (Kusinara), nơi đức Phật nhập Niết Bàn tại rừng Sa la. Buổi chiếu phim kết thúc lúc gần 11 giờ khuya. Một số Phật tử dù ở xa nhưng hôm sau là chủ nhật không đi làm nên đã nấn ná ở lại hỏi thăm tôi đủ chuyện từ cuộc sống của tôi khi còn tu học bên Ấn Độ hơn mười năm trước đến sinh hoạt (chùa chiền, hội hè) Phật giáo của Việt Nam cũng như các sắc tộc khác tại Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Đài Loan, Nhật Bản, Thái Lan, Đại Hàn, Tích Lan, Mã Lai và Châu Âu là những nơi mà tôi đã có dịp đến hoằng pháp, thuyết giảng cũng như nghiên cứu các tổ chức sinh hoạt Phật Giáo trong nhiều năm qua. Càng nghe quý Phật tử càng thích thú say sưa, học hỏi đủ thứ, chuyện tu học của mình, của người, của Phật tử khắp nơi năm châu bốn biển, hay có, dở có, giải thoát, phiền não đều có đủ. Những câu chuyện như thế tưởng không biết bao giờ mới chấm dứt, nói mãi tới sáng

cũng chưa hết. Dù có mệt vì thức khuya nhưng tôi vẫn cảm thấy vui, cái vui được nhìn thấy Canberra, số Phật tử tuy không đông nhưng rất có lòng. Suốt mấy ngày ở đây, ngày nào quý bác trong Hội cũng lên thăm viếng, đưa tôi đi thăm nơi này chỗ nọ hoặc nấu thức ăn cúng dường, mặc dầu mỗi ngày đã có Ni Cô Huệ Hạnh mới xuất gia vài năm lo việc cơm nước cho chùa. Tôi nghiệp Ni Cô Huệ Hạnh, trước giờ tôi sắp ra bến xe từ giả Canberra để đi Melbourne vào sáng ngày 25-11-1987, cô đã lặng lẽ bỏ vào cái túi vải "ta bà" cúng tôi 10 Úc kim lúc nào không biết, đến khi xe chạy lâu rồi, lục bị ra tôi mới thấy cái bao thơ của Ni Cô viết mấy chữ "Con xin cúng dường Thầy". Thật cảm động!

Tại Canberra, cơ sở Phật Giáo Việt Nam duy nhất chỉ có chùa Vạn Hạnh. Về tổ chức Phật giáo của người Úc và các sắc tộc khác cũng không có nhiều, chẳng rõ lúc này ra sao, chứ thời gian đến hoàng pháp tháng 11 năm 1987, tôi biết chỉ có hai Hội dưới đây :

1. CANBERRA BUDDHIST SOCIETY (Hội Phật Giáo Canberra), trụ sở đặt tại Garran Hall, Canberra City.

2. BUDDHIST SOCIETY OF AUSTRALIAN CAPITAL TERRITORY (viết tắt ACT.): Hội Phật giáo tại Khu Vực thủ đô Úc Đại Lợi, địa chỉ GPO. Box 1149, Canberra, Act. 2601. Hội thành lập năm 1980. Chủ trương của Hội nhằm thuần túy truyền bá chánh pháp tại Canberra, không có khuynh hướng chính trị hay theo đảng phái nào cả. Hội thường bảo trợ, cung thỉnh những vị danh Tăng đủ các quốc tịch thuộc nhiều

tông phái Phật giáo (Đại, Tiểu Thừa, Mật Tông v.v...) đến thuyết pháp và tổ chức các khóa tu thiền. Hội luôn mở rộng vòng tay tiếp đón tập thể cũng như cá nhân, không phân biệt tín ngưỡng, màu da hay chủng tộc, cùng đến đây để học hỏi, nghiên cứu, trao đổi về kiến thức Phật giáo. Năm 1986, Hội được chính phủ cấp đất để thành lập một trung tâm Phật giáo làm nơi lưu trú cho chư Tăng các nơi thường lui tới hoằng pháp tại Canberra.

Thời gian ở thủ đô Úc tuy không lâu, nhưng tôi cũng được các đạo hữu trong ban quản trị của Hội và Đ.Đ. Như Định lái xe đưa đi xem nhiều thắng cảnh và di tích lịch sử nổi tiếng.

Theo tài liệu của Viện Thống Kê tại Úc cho biết nhà cầm quyền tiểu bang New South Wales đã cắt nhượng cho chính phủ Liên Bang Úc (Commonwealth of Australia) vào năm 1911 một vùng đất rộng 2,359 cây số vuông và năm 1915 thêm một vùng đất nữa ở vịnh Jervis (Bay) 73 cây số vuông để thành lập "Khu Vực thủ đô Úc Đại Lợi" (Australian Capital Territory) ngày nay. Danh từ "Canberra" tiếng thổ âm có nghĩa là "nơi gặp gỡ" (meeting place). Thành phố Canberra, thủ đô Úc Châu hiện nay nằm về phía bắc của khu vực này, cách xa đường bộ 300 cây số hướng tây nam thị trấn Sydney (thủ phủ tiểu bang New South Wales). Người vẽ đồ án thiết kế thủ đô Canberra được chấm giải nhất là một kiến trúc sư người Mỹ, ông Walter Burley Griffin. Dân số tại Canberra (thống kê tháng 6/1986) có khoảng 264,400

người trên tổng số dân toàn nước Úc là 15,973,900.

Vì là thủ đô hành chính như Sacramento của California, cho nên tại Canberra hãng xưởng kỹ nghệ điện tử, chế tạo vật dụng, phòng thương mại, dịch vụ ngân hàng không có nhiều so với các thành phố đông dân khác như Sydney, Melbourne, Brisbane v.v...

Những cơ sở ở đây phần lớn là cơ quan của chính phủ :

Tòa nhà Quốc Hội, văn phòng thủ tướng, các bộ trưởng và 70 tòa đại sứ được xây cất theo kiểu mẫu riêng biệt, phản ảnh nền văn hóa, nghệ thuật của từng quốc gia rất đẹp. Vì có ít thì giờ nên quý Thầy và Phật tử chỉ đưa tôi đi xem một số thắng cảnh quan trọng mà thôi. Chiều ngày 22-11-1987, cùng với Đ.Đ. Như Định, tôi đã đến viếng các nơi dưới đây :

1. PARLIAMENT HOUSE (Tòa nhà Quốc Hội)

: Nằm trên đường King George Terrace gần Commonwealth Ave., được thành lập từ năm 1927. Lúc tôi đến thăm, chính phủ đang xây cất một tòa Quốc Hội mới ở trên đồi ngay phía sau tòa nhà Quốc Hội cũ này với kinh phí hơn 1 tỷ Mỹ kim. Tòa Quốc Hội mới đã làm lễ khánh thành ngày 9-5-1988 vừa qua để kịp cử hành lễ kỷ niệm 200 năm ngày lập quốc Úc Đại Lợi sắp tới trong năm nay. Tại đây có nhiều tòa nhà lớn dành cho Thượng Viện, Hạ Viện và văn phòng của Hoàng Gia. Du khách có thể đến thăm mỗi ngày từ 9 5 giờ chiều. Đóng cửa vào dịp lễ Chúa Giáng Sinh.

2. TELECOM TOWER (Đài Viễn Thông) : Đài xây cao 195 mét trên chóp Black Mountain (Núi Đen),

khánh thành năm 1980 để kiểm soát, điều khiển toàn bộ hệ thống truyền hình, phát thanh, và thông tin vô tuyến điện v.v... tại Canberra. Bên trong đài có ba nơi công cộng dành cho du khách đứng từ đây, có thể nhìn xuống thấy hết toàn cảnh trí thủ đô Canberra rất đẹp, một phòng triển lãm, quán giải khát, và tiệm ăn v.v... Mở cửa mỗi ngày từ 9-10 giờ tối.

3. COTTER DAM (Đập nước Cotter) : Đập nước này cách 22 cây số phía tây thành phố Canberra. Cảnh trí thiên nhiên rất đẹp. Dân chúng thường tổ chức đến đây chơi (picnic) hoặc cắm trại, nhất là vào dịp hè trời nóng bức. Mở cửa mỗi ngày, vào tự do.

Qua ngày 23 và 24-11-1987, Đ.Đ. Như Định và quý đạo hữu Thực Quý, Đồng Tiến đã đưa tôi viếng thăm các nơi khác :

4. TIDBINBILLA NATURE RESERVE : Vùng đất thiên nhiên này rộng chiếm 5.000 mẫu tây ở thung lũng Tidbinbilla cách xa 40 cây số (25 miles) hướng tây nam thành phố Canberra. Đây là nơi chính phủ duy trì nhằm phát triển, bảo vệ và nuôi dưỡng các loài thảo mộc và động vật của quốc gia. Du khách thích tới đây để được gặp, chơi giỡn với mấy con Kangaroo mà đặc biệt chỉ nước Úc mới có. Danh từ "Kangaroo" được thấy dùng sớm nhất trong sách du ký của thuyền trưởng James Cook, (1728-1779), nhà thám hiểm người Anh đầu tiên đã khám phá tìm ra bờ biển phía đông nam nước Úc vào ngày 20-4-1770. Tại Úc, theo các nhà động vật học, có đến 45 loại Kangaroos, nhưng hai loại phổ thông nhất là Kangaroo có da màu xám và

đỏ. Miền Đông nước Úc, Kangaroo xám có hai thứ xám lợt và xám đậm, còn vùng tây nam Úc nó lại có màu hơi nâu. Kangaroo đỏ là loại có thân hình lớn nhất và thường sống ở vùng đồng bằng, miền trung nước Úc.

Về thức ăn, Kangaroo xám thích ăn cỏ, lá non và cây nhỏ hơn loại màu đỏ. Tuy vậy, đôi khi du khách tới cho bánh mì và khoai tây rán (chip) nó cũng ăn. Hôm đến đây, tôi nhớ có mang theo một gói khoai tây rán và tôi đã ngoắc chúng lại gần cho ăn để chụp hình. Chúng ăn rất ngon lành, sau đó chúng cứ đi theo tôi đòi ăn hoài. Nhưng có con cũng rất nhát, mới thấy du khách ở đằng xa, chúng đã bỏ chạy. Khi di chuyển, Kangaroo thường dùng cái đuôi dài làm chân thứ năm để giúp nó dễ dàng bước đi tới trước. Muốn chạy, nó lại đứng thẳng giờ hai chân trước lên và chỉ dùng hai chân sau mà thôi. Các chuyên viên nghiên cứu cho biết một giờ nó có thể chạy nhanh từ 50-60 cây số nhưng vẫn còn tùy theo sức lực của từng con và điều kiện thời tiết xung quanh. Về nhảy, Kangaroo đỏ có thể nhảy qua hàng rào cao 1,8 mét và có con đến 2,4 mét.

Kangaroo mẹ có một cái túi nhỏ ngay dưới bụng. Con của nó chỉ sống 33 ngày trong bào thai còn 190 ngày sau khi sanh ra, nó được mẹ cho bú và nuôi dưỡng ngay trong cái túi an toàn đó. Kẻ thù chính của Kangaroo là chó rừng. Tuy nhiên, nhiều người đã chứng kiến con Kangaroo lớn mạnh vẫn đủ sức chống trả không thua một con chó. Khi bị tấn công, lợi khí là những móng chân nhọn bén của nó có thể gây thương

tích nguy hiểm cho đối phương, kể cả con người.

5. AUSTRALIAN WAR MEMORIAL (Đài Kỷ Niệm Chiến Sĩ Trận Vong Úc Đại Lợi) : Tọa lạc trên đại lộ Limestone và Fairbairn. Đây là một lâu đài lớn nhiều tầng xây cất bằng đá, chiếm một tổng số diện tích bằng 12,959 thước vuông. Trên vách tường, tôi thấy có khắc tên hơn 100,000 chiến sĩ Úc đã tử trận trong các cuộc chiến tranh từ trước đến nay. Ngoài ra tại đây người ta còn lưu giữ triển lãm nhiều pho tượng kỷ niệm các anh hùng liệt sĩ Úc Đại Lợi ; những bức họa khảm nơi vách tường, bản đồ quân sự và nhiều khí giới dùng trong thời đệ nhất, đệ nhị thế chiến cũng như các loại vũ khí, xe tăng Mỹ đã dùng trong cuộc chiến Việt Nam trước đây. Mở cửa mỗi ngày, từ 9-5 giờ chiều.

Ngoài các thắng cảnh trên, tại Canberra còn có một số nơi khác nếu có thời giờ quý vị có thể đến xem như :

6. AUSTRALIAN NATIONAL GALLERY (Viện Mỹ Thuật Quốc Gia Úc Đại Lợi) : Viện gồm ba tầng lầu nằm trên đường Parkes Place và Parkes, được thiết lập từ năm 1982 có bảy phòng lớn, chiếm tổng số diện tích hơn 7,000 thước vuông. Viện sưu tập tàng trữ một số lớn tác phẩm nghệ thuật giá trị của quốc gia và trong vườn bên ngoài trưng bày nhiều công trình điêu khắc rất đẹp. Du khách đến có thể dự nghe các buổi thuyết trình, xem chiếu phim về các tác phẩm nghệ thuật hiện triển lãm tại Viện này. Mỗi ngày vào cửa từ 10-5 giờ chiều.

7. NATIONAL MUSEUM OF AUSTRALIA (Viện Bảo Tàng Quốc Gia Úc Đại Lợi) : Tọa lạc trên đường Yarramundi Reach gần Lady Denman Drive. Là một trung tâm du lịch, nơi triển lãm vô số cổ vật lịch sử, sản phẩm thủ công nghệ, phản ảnh mọi sinh hoạt văn hóa, đời sống gia đình, xã hội với nhiều hình thức và màu sắc của các chủng tộc Úc Châu từ thời quá khứ đến hiện tại. Vào cửa, thứ hai đến thứ sáu : từ 10-4 giờ chiều. Thứ bảy, chủ nhật : từ 1-4 giờ chiều.

8. NATIONAL LIBRARY OF AUSTRALIA (Thư Viện Quốc Gia Úc Đại Lợi) : Thư viện gồm 5 tầng lầu chứa đựng hơn 3 triệu cuốn sách đủ loại với nhiều đồ án, bản đồ, tạp chí, tranh ảnh và phim tài liệu lịch sử, văn hóa của Úc Châu. Mở cửa, thứ hai đến thứ năm : từ 9-10 giờ tối. Thứ sáu đến chủ nhật và các ngày lễ, từ 9-5 giờ chiều.

9. AUSTRALIAN NATIONAL BOTANIC GARDENS (Vườn Bách Thảo Quốc Gia Úc Đại Lợi) : Tọa lạc gần đường Clunics Ross chạy dài theo dọc sườn phía đông của Black Mountain (Núi Đen). Tại đây du khách có thể xem đủ loại cây thảo mộc được trồng trên khắp các miền khác biệt khí hậu tại Úc Châu. Vườn cũng giúp đỡ, cung cấp tài liệu, chỉ dẫn cho các sinh viên, giáo sư trong công tác nghiên cứu về ngành thực vật học v.v... Vào cửa mỗi ngày, từ 10-5 giờ chiều.

10. REHWINKEL'S ANIMAL PARK (Sở thú Rehwinkel) : Đây là sở thú lớn nhất chiếm 50 mẫu

Anh, nằm trên đường Macks Reef gần Federal Highway, cách xa 24 cây số phía bắc thành phố Canberra. Sở thú nuôi hàng trăm loại thú vật và chim muông sinh sống tại Úc Đại Lợi và nhiều quốc gia khác trên thế giới. Mở cửa mỗi ngày, từ 10-5 giờ chiều.

(còn tiếp) **THÍCH TRÍ CHƠN**



PHẬT GIÁO YẾU LƯỢC

Buddhism In A Nutshell

Tác giả: NARADA THERA (Tích Lan)

Người dịch: THÍCH TRÍ CHƠN

CHƯƠNG 11

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN NIẾT BÀN (THE PATH TO NIBBANA)

Làm thế nào để đạt tới cảnh giới Niết Bàn (Nibbana) ?

Bằng cách thực hành Bát Chánh Đạo gồm có Chánh Kiến (Sammà-Diṭṭhi), Chánh Tư Duy (Sammà-Sankappa), Chánh Ngữ (Sammà-Vaca), Chánh Mạng (Sammà-Kammanta), Chánh Nghiệp (Sammà-Ajiva), Chánh Tinh Tấn (Sammà-Vàyàma), Chánh Niệm (Sammà-Sati) và Chánh Định (Sammà-Samàdhi). Con đường duy nhất này tạo nên Giới (Sila), Định (Samàdhi) và Huệ (Pañña). Đức Phật lược tóm con đường Trung Đạo của Ngài trong bài kệ dưới đây :

*“Chớ làm những điều ác,
Nên làm việc lành*

*Giữ tâm ý trong sạch
Ấy, lời chư Phật dạy”.*

Giới là bước đầu tiên dẫn tới Niết Bàn. Không sát hại và gây thương tổn đến bất cứ chúng sanh nào, chúng ta nên có lòng từ bi thương xót tất cả, ngay đối với những sinh vật bé nhỏ nhất đang bò dưới chân mình. Không trộm cắp, hành giả nên chánh trực và thành thực trong mọi việc cư xử. Giữ gìn không tà hạnh, điều làm con người mất phẩm giá, hành giả nên trong sạch. Không nói dối, hành giả nên chân thực. Ngăn ngừa sự uống rượu nguy hại khiến tâm trí xao lãng, hành giả nên tiết độ và chuyên tâm.

Những nguyên tắc sơ đẳng của sự tu hành đạo đức trên là điều thiết yếu cho người đang đi trên con đường dẫn đến Niết Bàn. Vi phạm các điều ấy có nghĩa là tạo ra các chướng duyên trên đường đạo mà chúng sẽ gây trở ngại cho sự tiến tu của hành giả. Thọ trì các giới điều này là tạo sự vững chắc và tiến bộ thuận lợi trên bước đường tu tập.

Hành giả, khi giữ gìn lời nói và hành động có thể tiến xa hơn trong việc cố gắng kiểm soát lục căn của mình.

Khi hành giả tiến bộ từ từ và vững chắc trong việc kiềm chế được lời nói, hành động và lục căn, nghiệp lực của hành giả tinh tấn này thúc đẩy đấng sự từ bỏ những dục lạc của thế gian và chấp nhận đời sống tu hành. Rồi hành giả sẽ nghĩ như thế này :

*“Đời sống tại gia là sào huyệt của tranh chấp,
Đầy đầy những công việc vất vả và nhu cầu.*

*Nhưng cuộc sống của người xuất gia,
Là giải thoát và cao cả như bầu trời mênh
mông”*

Chúng ta không nên nghĩ rằng phải hướng cuộc đời mình trở thành một tu sĩ (Tỳ Kheo) hoặc sống ẩn dật mới có thể chứng đắc Niết Bàn. Đời sống của Tỳ Kheo hẳn nhiên giúp nhiều cho sự tiến bộ tinh thần, nhưng người cư sĩ vẫn có thể trở thành một vị A La Hán (Arahat). Sau khi đạt tới tầng Thánh thứ ba, hành giả cư sĩ sẽ sống độc thân.

Nhờ đứng vững chắc trên nền tảng của giới luật, hành giả bắt đầu thực hành trình độ cao hơn gọi là Định (Samàdhi) nhằm kiểm soát và tu sửa tâm mình, giai đoạn thứ nhì của con đường Thánh đạo.

Định (Samàdhi) là giữ tâm an trụ vào một điểm. Đó là sự hướng cho tâm tập trung vào một đề mục, hoàn toàn không suy nghĩ đến việc gì khác.

Có nhiều đề mục tham thiền khác nhau tùy theo tâm tánh của mỗi cá nhân. Số tức quán (đếm hơi thở) là pháp môn dễ nhất để giúp cho tâm định. Từ bi quán rất lợi ích vì nó tạo cho tâm hành giả có an lạc và hạnh phúc.

Quán tứ vô lượng tâm — Từ (Metta), Bi (Karuna), Hỷ (Mudita) và Xả (Upekkha) là phương pháp rất đáng thực hành.

Sau khi đã quan sát thận trọng đề mục tham thiền, hành giả nên chọn một nơi thích hợp nhất với tâm tánh của mình. Khi nơi chốn đã được thỏa đáng chọn lựa, hành giả nỗ lực kiên nhẫn tập trung tư tưởng cho

đến khi đương sự hoàn toàn say mê và thích thú vào điều ấy, nghĩa là tâm trí của hành giả không còn giữ lại bất cứ một ý tưởng nào khác. Lúc ấy tâm của hành giả có thể tạm thời bị quấy phá bởi các thứ phiền não (ngũ cái) như tham dục, sân nhuế (giận hờn), thùy miên (biếng nhác, mê ngủ), trạo hối (xao động nơi tâm) và nghi ngờ (chánh pháp). Nhưng cuối cùng, khi hành giả đạt đến tâm nhập định, sẽ cảm thấy niềm hỷ lạc vô biên trong Thiền định (Jhana), thọ hưởng sự vắng lặng và thanh tịnh của tâm an trụ.

Hành giả khi đạt đến tâm hoàn toàn an trụ, đương sự có thể chứng đắc năm phép Thần Thông (Abhiñña) : Thiên nhãn thông (Dibbacakkhu), Thiên nhĩ thông (Dibbasota), Túc mạng thông (Pubbenivàsànuvatti-Nàna), Tha tâm thông (Paracitta Vijànana) và Thần túc thông (Iddhividha). Và cũng đừng nên tưởng nghĩ cho rằng các thần thông đó là điều thiết yếu cho việc thành tựu Thánh quả.

Mặc dầu tâm hành giả lúc ấy đã thanh tịnh, nhưng vẫn còn tiềm ẩn nơi đương sự khuynh hướng ham thích lạc thú, vì nhờ thiền định, những dục vọng tạm thời lắng dịu, vào lúc bất ngờ nào đó, chúng có thể hiện khởi trở lại nơi tâm của hành giả.

Cả hai Giới và Định đều hữu ích trong sự đoạn diệt những chướng duyên trên đường Thánh Đạo, nhưng duy nhất chỉ có Tuệ Minh Sát (Vipassanà Pañña) mới giúp hành giả nhìn sự vật đúng như thật và sau cùng đạt đến mục đích tối thượng bằng cách hoàn toàn diệt trừ hết mọi ái dục nhờ vào Định

(Samàdhi). Đây là tầng Thánh thứ ba và cuối cùng của con đường dẫn đến Niết Bàn.

Với tâm an trụ vào một điểm, bây giờ giống như một tấm gương đã lau chùi, hành giả có thể quan sát thế giới để nhận thấy chân tướng của vạn vật. Bất luận hướng nhìn vào nơi nào, hành giả đều thấy ba đặc tánh (pháp ấn) - Vô thường (Anicca), Khổ (Dukkha) và Vô ngã (Anatta) hiện lên nổi bật và rõ ràng. Hành giả nhận thức rằng kiếp sống là luôn luôn biến đổi và mọi sự vật đều vô thường. Dù là ở cõi trời hay thế gian, hành giả không tìm thấy được hạnh phúc thực sự, vì mỗi hình thức của dục lạc là khởi đầu cho sự khổ đau. Do đó, cái gì vô thường là phải chịu đau khổ và nơi nào sự biến đổi và khổ đau chiếm ưu thế thì không thể có linh hồn vĩnh viễn trường tồn.

Trong ba đặc tánh này, hành giả chọn cái nào thích hợp nhất và chuyên tâm khai triển Tuệ Giác theo chiều hướng đặc biệt ấy cho đến một ngày rực rỡ huy hoàng, ngày mà hành giả chứng đắc Niết Bàn và lần đầu tiên trong cuộc sống của mình đã đoạn diệt được ba Phiền Não : Thân kiến (Sakkàya-ditthi), Nghi (Vicikicchà) và Giới cấm thủ kiến (Silabbataparàmàsa).

Khi đạt tới trình độ này, hành giả đã chứng đắc quả Tu Đà Hoàn (Sotàpanna : Nhập Lưu) — là người mới bước vào dòng suối dẫn đến Niết Bàn. Nếu chưa đoạn diệt được hết các Phiền Não, hành giả sẽ còn phải tái sanh ít nhất là bảy lần nữa.

Do thành quả mới thoáng nhìn thấy Niết Bàn,

hành giả tận lực cố gắng, thực hiện tiến bộ nhanh chóng và tu luyện Tuệ Giác sâu xa hơn để thành tựu quả vị Tu Đà Hoàn (Sakadàgàmi : Nhất Lai) — bằng cách làm suy giảm thêm hai Phiền Não (Fetters) nữa là Tham Dục (Kàmaràga) và Sân Nhuế (Paṭigha). Hành giả được gọi đã chứng đắc quả Tu Đà Hoàn vì Ngài chỉ còn tái sanh làm người một kiếp nữa, trường hợp nếu hành giả chưa đắc quả A La Hán (Arahatship).

Đến khi thành đạt tầng Thánh thứ ba — (Anàgàmi : Bất Lai), hành giả mới tận diệt hoàn toàn hai Phiền Não nói trên. Kể từ đó, hành giả không phải tái sanh vào cảnh giới người hay các cõi trời dục giới nữa vì Ngài không còn ham muốn các thú vui dục lạc. Sau khi diệt độ, hành giả sẽ tái sanh vào cõi Tịnh Cư Thiên (Suddhàvāsa), một cảnh trời Phạm Thiên (Brahma) thích hợp cho đến khi Ngài chứng đắc quả A La Hán.

Bậc thánh như bây giờ được khuyến khích bởi thành quả phi thường của những cố gắng, quyết tâm thực hiện bước tiến cuối cùng và tận diệt hết những Phiền Não còn lại như Tham Sắc Giới (Rùparàga), Tham vô sắc giới (Arùparàga), Mạn (Mana), Kiến thủ kiến (Uddhacca) và Vô minh (Avijjà) để trở thành một bậc Thánh hoàn toàn — đắc quả A La Hán (Arahat).

Vị A La Hán nhận thức rằng những điều gì phải làm đã làm xong, gánh nặng phiền não đã từ bỏ, tất cả những hình thức ái dục đều hoàn toàn tiêu diệt và đạo

quả Niết Bàn đã viên mãn thành tựu. Bây giờ Ngài đạt tới mức tột đỉnh cao hơn các cảnh trời, dứt bỏ mọi tham dục phiền não và ô nhiễm của thế gian để chứng nghiệm hạnh phúc vô thượng của Niết Bàn (Nibbāna) và như các vị A La Hán thời quá khứ đã biểu lộ nguồn vui qua những dòng sau đây :

*“Thiện ý và trí tuệ phát sinh do cái tâm tu luyện,
Phạm hạnh cao quý nhất được xây dựng trên
những giới điều tốt đẹp,*

*Điều này giúp con người trở nên thanh tịnh,
chứ không phải chức vị hay giàu sang”*

Và nhà khoa học T.H. Huxley đã bày tỏ : —
“Phật giáo là một hệ thống không chấp nhận Thượng Đế theo ý nghĩa tây phương, nó phủ nhận có linh hồn nơi con người và coi niềm tin vào sự bất biến như là điều sai lầm. Phật giáo chối bỏ hiệu quả của sự cầu nguyện và tế lễ và khuyên con người đừng nương tựa vào điều gì khác ngoài sự tinh tấn nỗ lực của chính mình để giải thoát. Phật giáo, trong sự tinh khiết nguyên thủy của nó, không nhắc đến lời phát nguyện của sự phục tòng ; và không bao giờ mong cầu sự cứu giúp từ bàn tay của những người thế gian, nhưng nó đã bành trướng nhanh chóng kỳ diệu đến cùng khắp thế giới và đang còn là một tôn giáo có ưu thế đối với phần lớn nhân loại”.

HẾT

Trích tập “BUDDHISM IN A NUTSHELL” (Phật Giáo Yếu Lược)

THÍCH TRÍ CHƠN

Buddhism In A Nutshell

By NARADA THERA

Chapter II

THE PATH TO NIBBĀNA

How is Nibbāna to be attained ?

It is by following the Noble Eight-fold Path which consists of Right Understanding (*Sammā-Diṭṭhi*), Right Thoughts (*Sammā-Sankappa*), Right Speech (*Sammā-Vācā*), Right Actions (*Sammā-Kammanta*), Right Livelihood (*Sammā-Ājiva*), Right Effort (*Sammā-Vāyāma*), Right Mindfulness (*Sammā-Sati*) and Right Concentration (*Sammā-Samādhi*).

This unique Path constitutes Morality (*Sīla*), Concentration (*Samādhi*), and Wisdom (*Paññā*).

The Buddha summarises His Middle Way in the following beautiful little verse :—

*Sabba pāpassa akaranam
Kusalassa upasampadā
Sacitta pariyodapanam
Etaṃ Buddhāna sāsanaṃ*

To refrain from all evil,
To do what is good,
To cleanse one's mind,
This is the advice of all Buddhas.

Morality (Sila) is the first stage on this path to Nibbāna.

Without killing or causing injury to any living creature, he should be kind and compassionate towards all, even to the tiniest creature that crawls at his feet. Refraining from stealing, he should be upright and honest in all his dealings. Abstaining from sexual misconduct which debases the exalted nature of man, he should be pure. Shunning false speech, he should be truthful. Avoiding pernicious drinks that promote heedlessness, he should be sober and diligent.

These elementary principles of regulated behaviour are essential to one who treads the path to Nibbāna. Violation of them means the introduction of obstacles on the path which will obstruct his moral progress. Observance of them means steady and smooth progress along the path.

The spiritual pilgrim, disciplining thus his words and deeds, may advance a step further and try to control his senses.

While he progresses slowly and steadily with regulated word and deed and restrained senses, the Kammic force of this striving aspirant may compel him to renounce worldly pleasures and adopt the ascetic life. To him then comes the idea that

“A den of strife is household life,
And filled with toil and need ;
But free and high as the open sky
Is the life the homeless lead”.

It should not be understood that everyone is expected to lead the life of a Bhikkhu or a celibate life to achieve one's goal. One's spiritual progress is expedited by being a Bhikkhu although as a lay follower one can become an Arahāt. After attaining the third stage of Sainthood, one leads a life of celibacy.

Securing a firm footing on the ground of morality, the progressing pilgrim then embarks upon the higher practice

of Samādhi, the control and culture of the mind—the second stage on this Path.

Samādhi—is the “one-pointedness of the mind”. It is the concentration of the mind on one object to the entire exclusion of all irrelevant matter.

There are different subjects for meditation according to the temperaments of the individuals. Concentration on respiration is the easiest to gain the one-pointedness of the mind. Meditation on loving-kindness is very beneficial as it is conducive to mental peace and happiness.

Cultivation of the four sublime states — loving-kindness (*Mettā*), compassion (*Karunā*), sympathetic joy (*Muditā*), and equanimity (*Upekkhā*)-is highly commendable.

After giving careful consideration to the subject for contemplation, he should choose the one most suited to his temperament. This being satisfactorily settled, he makes a persistent effort to focus his mind until he becomes so wholly absorbed and interested in it, that all other thoughts get ipso facto excluded from the mind. The five hindrances to progress—namely, sense-desire, hatred, sloth and torpor, restlessness and brooding and doubts are then temporarily inhibited. Eventually he gains ecstatic concentration and, to his indescribable joy, becomes enwrapped in Jhana, enjoying the calmness and serenity of a one-pointed-mind.

When one gains this perfect one-pointedness of the mind it is possible for one to develop the five Supernormal Powers (*Abhiññā*)—Divine Eye, (*Dibbacakkhu*), Divine Ear (*Dibbasota*), Reminiscence of past births (*Pubbenivāsānussati Nāna*), Thought Reading (*Paracitta Vijānana*), and different Psychic Powers (*Iddhividha*). It must not be understood that those supernatural powers are essential for Sainthood.

Though the mind is now purified there still lies dormant in him the tendency to give vent to his passions, for, by concentration, passions are lulled to sleep temporarily. They may rise to the surface at unexpected moments.

Both Discipline and Concentration are helpful to clear the Path of its obstacles but it is Insight (*Vipassanā Paññā*) alone which enables one to see things as they truly are, and consequently reach the ultimate goal by completely annihilating the passions inhibited by *Samādhi*. This is the third and the final stage on the Path to *Nibbāna*.

With his one-pointed mind which now resembles a polished mirror he looks at the world to get a correct view of life. Wherever he turns his eyes he sees nought but the Three Characteristics—*Anicca* (transiency), *Dukkha* (sorrow) and *Anatta* (soul-lessness) standing out in bold relief. He comprehends that life is constantly changing and all conditioned things are transient. Neither in heaven nor on earth does he find any genuine happiness, for every form of pleasure is a prelude to pain. What is transient is therefore painful, and where change and sorrow prevail, there cannot be a permanent immortal soul.

Whereupon, of these three characteristics, he chooses one that appeals to him most and intently keeps on developing Insight in that particular direction until that glorious day comes to him when he would realize *Nibbāna* for the first time in his life, having destroyed the three Fetters—self-illusion (*Sakkāya-diṭṭhi*), doubts (*Vicikicchā*), indulgence in (wrongful) rites and ceremonies (*Silabbataparāmāsa*).

At this stage he is called a *Sotāpanna* (Stream-Winner)—one who has entered the stream that leads to *Nibbāna*. As he has not eradicated all Fetters he is reborn seven times at the most.

Summoning up fresh courage, as a result of this glimpse of *Nibbāna*, the Aryan Pilgrim makes rapid progress and cultivating deeper Insight becomes a *Sakadāgāmi*—(Once Returner)—by weakening two more Fetters—namely, Sense-desire (*Kāmarāga*) and ill-will (*Paṭigha*). He is called a *Sakadagami* because he is reborn on earth only once in case he does not attain *Arahatship*.

It is in the third stage of Sainthood—*Anāgāmi* (Never-Returner) that he completely discards the aforesaid two Fetters. Thereafter, he neither returns to this world nor does he seek birth in the celestial realms, since he has no more desire for sensual pleasures. After death he is reborn in the “Pure Abodes” (*Suddhāvāsa*), a congenial Brahma plane, till he attains *Arahatship*.

Now the saintly pilgrim, encouraged by the unprecedented success of his endeavours, makes his final advance and destroying the remaining Fetters, namely, lust after life in Realms of Forms (*Rūparāga*) and Formless Realms (*Arūparāga*), conceit (*Māna*), restlessness (*Uddhacca*), and ignorance (*Avijjā*) becomes a perfect Saint—an *Arahat*, a Worthy One.

Instantly he realizes that what was to be accomplished has been done, that a heavy burden of sorrow has been relinquished, that all forms of attachment have been totally annihilated, and that the Path to *Nibbāna* has been trodden. The Worthy-One now stands on heights more than celestial, far removed from the rebellious passions and defilements of the world, realizing the unutterable bliss of *Nibbāna* and like many an *Arahat* of old, uttering that paean of joy :—

“Goodwill and wisdom, mind by method trained,
The highest conduct on good morals based,
This maketh mortals pure, not rank or wealth”.

As T. H. Huxley states—“Buddhism is a system which knows no God in the western sense, which denies a soul to man, which counts the belief in immortality a blunder, which refuses any efficacy to prayer and sacrifice, which bids men look to nothing but their own efforts for salvation, which in its original purity knew nothing of vows of obedience and never sought the aid of the secular arm : yet spread over a considerable moiety of the world with marvellous rapidity—and is still the dominant creed of a large fraction of mankind.”

KHÚC-HỒ GIÁC-NGỘ

(Songs For Awakening)

Tác-giả: Tỳ-Kheo Heng Sure

Dịch: M.-Thành, D.-Nghiem

Trong bài sau đây, tác-giả nhắc-nhở chúng-ta rằng mọi việc, mọi tác-động có năng-lực làm xáo động tâm-hồn đều là vọng, phải rời bỏ. Mà các việc, các sự-kiện này có thể tinh-vi như một hình ảnh, một kỷ niệm xa xưa, hoặc một vũ-khúc hay một bài ca...Phật giáo.

(người dịch)

1) Tôi bước vào phòng-ăn công-cộng của Tu-Viện Như-Lai, một trưa thứ bảy, nhân ngày lễ Phật Đản. Một ông-loa đang phóng-thanh các nhịp kèn trống và hợp-cầm dây tiếng "leng keng" của một điệu hát Rock N' Roll tôi chưa từng nghe trước đây.

Tâm tôi trở nên quay cuồng, cả thân tôi tự-nhiên muốn cử-động, múa nhày theo điệu nhạc. Tôi cảm thấy bị xâm phạm, bị ô-úê. Các nhịp ca chạm vào tâm hồn tôi, như các giọt mực đen trên

một tờ giấy trắng. Đó là lần đầu tiên, và cũng là lần chót, tôi nghe bài "khúc hồ giác ngộ"(1). Tuy các lời trong bài ca có ý nghĩa Phật pháp, các nhịp điệu quanh-co, đầy gọi-cảm của kèn và trống đã, trong một khoảng thời-gian ngắn, biến cảnh thiền-môn thanh-tĩnh nầy thành một buổi dạ-vũ vào chiều thứ bảy tại một hội-quán YMCA.

Khúc ca vang dội trong tâm hồn tôi cả mấy tuần sau đó. Trong lúc niệm-Phật tọa-thiền, khi gần nhập định tịch tịnh, khúc ca làm bùng cháy trở lại các than nóng hồng sắp tàn trong còi lòng tôi. Định-lực đối với phàm tãng rất khó đạt được và rất dễ đánh mất. Đây là một bài học đảo ngược cho tôi. Tôi thấy rõ tôi còn quá cố-chấp, còn có một sự quyến-luyến sâu-sắc và nán-ná với các bụi trần...âm-thanh. Vì chưa thật sự có định-lực, lỗi tai tôi còn lắng nghe các tiếng trống, tiếng đàn, tiếng ống sáo và giọng hò du dương của ca-sĩ mỹ-nhân.

Khi chưa xuất-gia tôi thường nghe các khúc-ca tương-tự trong cả mấy tiếng đồng hồ liên-tiếp mà không biết chán...Cảnh thiền-môn là một bệnh viện, một nơi ăn-nấu cho các lỗ tai bị các âm thanh trần-thế xúc-phạm và gây thương-tích. Chánh-pháp có khả-năng tinh-lọc tai chúng-sanh với giọng cam lộ của đức Phật. Nghe các bài Rock 'N Roll trong cảnh thiền-môn đã đánh bật tôi trở lại các đường mòn tạt cù tôi vẫn ao-ước quên bỏ...

2) Lần đầu-tiên trong sáu năm trời, tôi liếc xem một bài báo đã được cắt từ trong tập-chí Time. Tôi có cảm tưởng đã xé-toạc các cành lá của một bông hoang đồng núi trong tâm hồn. Các ảnh tương còn để-lại trong thâm-tâm tôi sau khi đọc bài báo và xem lướt qua các mục quảng-cáo và hình ảnh làm ô-uế và gây cản-trở cho sự tu tập của tôi liên tiếp trong mấy tuần. Tại sao vậy? Định-lực chân-chánh cần đến nhiều thì giờ để trường-duyên và thành- thực. Một bụi trần, dầu nhỏ như một vi-trần, trong khi chúng ta chưa chứng định-lực cũng đủ làm ô-uế đài gương nội tâm.

Bài báo nói về một tà-giáo thanh-hành trước đây tại Hoa-kỳ tên là Scientology. Tôi chợt nhớ lại các bạn thuở xưa đã bị vướng-mắc vào lưới nhện của tà-giáo kỳ-quái này. Sự cảm-động tràn ngập tâm hồn tôi.

Tôi nhìn đến các gương-mặt trong các hình-ảnh bên cạnh các lời văn, và tự nhiên khỏi tâm phân-biệt, muốn "xem tướng" các diện-mạo trong ảnh, một "trò chơi phòng khách" sau các bữa cơm thân-mật tại Đại Học UCLA -- một việc mà tôi đã quên hẳn cả mấy năm nay. Khi chưa vào đạo, tôi thường xem tướng, bói quẻ để giải trí cùng bạn bè, nhưng chính đây là một nghề bất chánh trong giới tỷ-kheo. Dầu vậy các thói quen rất khó bỏ, và bột phát trở lại trong một liếc mắt.

Tôi chia-xẻ cùng vị sư theo hầu các ý-nghĩ trên. Ông liền cảnh cáo và lưu-ý tôi về sự lầm-lẫn trong tư-tưởng. Tuy-nhiên các lời nói đã ra khỏi miệng, đã bay lên hư-không -- Không thể lấy trở lại được. Thửa lưới cũ đông rất nhanh như một con rặng và nghĩ nói chuyện tầm-phào là phạm giới, phạm "Khinh cầu tội"(2).

Ghi Chú

(1) "Khúc-ca giác-ngộ" là một bài hát bằng anh-văn tương-tự như các bài trong "Tiếng chuông chùa."

(2) Danh-từ này được sử-dụng liên-tiếp trong Kinh Phạm-Võng, Bồ-Tát Giới, một bộ kinh căn-bản của người tu Bồ-Tát hạnh, tại-gia hoặc xuất gia.



SONGS FOR AWAKENING

(Khúc-Hò Giác-Ngộ)

BHIKSHU HENG - SURE

I walked into Tathagata Monastery cafeteria one Saturday noon during a Buddha's birthday celebration. A loudspeaker blared the drumbeat and jingling chords of some rock'n roll tune I'd never heard before. My ears reeled, my body unconsciously responded in an organic "first thought" reflex. I felt invaded, defiled. The pulsing music hit my mind like drops of ink on a white sheet. It was the first and only time I heard "Songs for Awakening." The words may have been Dharma-inspired, but the back-alley rhythm of the bass and drums turned the pure Way-place briefly into a Saturday afternoon sock hop at the YMCA. The song echoed in my mind for weeks. It would rise just at the gate of stillness and set the warm embers on fire once more. Samadhi power for beginners is hard-earned and easily lost. The experience was a good advisor in reverse: I saw clearly that I have a deep, lingering attachment to the dust of sounds. Having no genuine samadhi, my ears are still cocked for the sounds of drums, guitars, flutes, and female voices. I used to listen to these for hours on end. The Way-place is a hospital, a refuge for ears scared by worldly sounds. Proper Dharma purifies the ear with

the Buddha's voice of sweet dew. To meet rock'n roll in the monastery dining hall shocked me back into old grooves I want very much to forget ...

Looked at a TIME magazine clipping last month for the first time in six years. Felt like I'd ripped the petals off a delicate wildflower in my mind. The reverberations from reading the articles, and scanning the ads and photos trashed my concentration for weeks after. Why? Real samadhi takes time to mature and to gain strength. The slightest mote of worldly dust, before one's samadhi power is solid is all it takes to mar the mirror of the mind.

*With one thought unproduced,
the entire substance manifests.
When the six organs suddenly move,
you're covered by clouds.*

Read a piece on Scientology in the TIME clipping and recalled old friends who'd gotten tangled in the web of that curious religion. Emotions flooded my mind.

Looked at the faces in the photos next to the text and began reflexively to analyze them in terms of physiognomy, a parlor trick I haven't played for years. Fortune-telling used to amuse friends but it's a deviant livelihood for a Bhikshu. All the same, the old habit energy responded at a glance. Pointed out my observations to Heng Ch'au. He warned me of my error but the words were already in the air. The tongue moves quick as a snake and gossip is an offense !

THE TEACHING OF BUDDHA

(Con két của núi tuyết)

BUDDHIST PROMOTION FOUNDATION

In a thicket at the foot of the Himalayan Mountains there one lived a parrot together with many other animals and birds. One day a fire started in the thicket from the friction of bamboos in a strong wind and the birds and animals were in frightened confusion. The parrot, feeling compassion for their fright and suffering, and wishing to repay the kindness he had received in the bamboo thicket where he could shelter himself, tried to do all he could to save them. He dipped himself in a pond nearby and flew over the fire and shook off the drops of water to extinguish the fire. He repeated this diligently with a heart of compassion out of gratitude to the thicket.

This spirit of kindness and self-sacrifice was noticed by a heavenly god who came down from the sky and said to the parrot : - "You have a gallant mind, but what good do you expect to accomplish by a few drops of water against this great fire ?" The parrot answered : - "There is nothing that can not be

accomplished by the spirit of gratitude and self-sacrifice. I will try over and over again and then over in the next life." The great god was impressed by the parrot's spirit and they together extinguished the fire.

CON KẾT CỦA NÚI TUYẾT :

HẠNH NGUYỄN BỒ TÁT

(The Teaching of Buddha)

Nguyên tác : "The Teaching Of Buddha"
Tác giả : Buddhist Promotion Foundation, Japan

Dịch : DIỆU PHỤNG - MINH THÀNH

"Như Vương Tử đầu tuổi còn nhỏ bé, nhưng các quan đều kính lễ. Cũng vậy, đại Bồ Tát đầu mới phát tâm tu Bồ Tát hạnh, nhưng được các bậc đại Thanh Văn kính lễ"

*Kinh Hoa Nghiêm
Phẩm 39, trang 450*

Thuở xưa, trong một lùm cây dưới chân núi tuyết

Hy-Mã, có một con kết sống chung cùng nhiều loại chim và các thú vật khác.

Một ngày nọ, thỉnh linh, một đám lửa rừng bộc phát, do sự cọ xát của các bụi tre bị gió mạnh đưa đẩy. Các chim chóc và thú vật đều hoảng sợ chạy hỗn loạn.

Trước cảnh khủng khiếp này, kết liền phát tâm Đại Bi thương xót các đồng bạn chung sống trong lùm cây. Kết cũng muốn đền đáp lòng tốt của đồng bạn đã giúp đỡ nó có chỗ nương náu bấy lâu nay. Nó liền ra sức tìm đủ mọi cách để cứu hộ tất cả.

Kết liền bay đến một ao gần lùm cây, tự nhúng thân vào nước hồ tanh hôi đầy cặn nhơ và bùn lầy, rồi bay lên trên đám lửa rừng và rừng mình để cho những giọt nước còn bám vào bộ lông xanh rớt xuống ngọn lửa. Kết liền tiếp làm như vậy không hề mỗi nhàm, với một lòng Từ Bi hướng về lùm cây và đồng bạn.

Tâm hồn cao thượng của kết khiến một thần linh chú ý. Ngài liền giáng xuống trần gian và nói với kết : "Nhà ngươi có một tâm hồn đại trượng phu, nhưng làm sao một vài giọt nước kia mà có thể dập tắt được đám lửa to lớn đang bùng cháy ?

Kết liền đáp : "Không có một việc gì không thành công, nếu có tâm Từ Bi, biết ơn và lòng hy sinh. Tôi sẽ tiếp tục làm mãi và làm mãi, trong đời này và cả đến đời sau nữa".

Rất cảm kích trước tâm hồn vị tha cao thượng của kết, Thần linh chung sức với kết, cùng dập tắt đám lửa rừng.

DIỆU PHỤNG - MINH THÀNH

HUA-YEN BUDDHISM

(Lưới Để Châu Trong Kinh Hoa Nghiêm)

FRANCIS H. COOK

We may begin with an image which has always been the favorite Hua-yen method of exemplifying the manner in which things exist. Far away in the heavenly abode of the great god Indra, there is a wonderful net which has been hung by some cunning artificer in such a manner that it stretches out infinitely in all directions. In accordance with the extravagant tastes of deities, the artificer has hung a single glittering jewel in each "eye" of the net, and since the net itself is infinite in dimension, the jewels are infinite in number. There hang the jewels, glittering like stars of the first magnitude, a wonderful sight to behold. If we now arbitrarily select one of these jewels for inspection and look closely at it, we will discover that in its polished surface there are reflected all the other jewwels in the net, infinite in number. Not only that, but each of the jewels reflected in this one jewel is also

reflecting all the other jewels, so that there is an infinite reflecting process occurring. The Hua-yen School has been fond of this image, mentioned many times in its literature, because it symbolizes a cosmos in which there is an infinitely repeated interrelationship among all the members of the cosmos. This relationship is said to be one of simultaneous *mutual identity* and *mutual inter-causality*.

LƯỚI ĐẾ CHÂU TRONG KINH HOA NGHIÊM

(Hua Yen Buddhism)

Tác giả : FRANCIS H. COOK

Người dịch : DIỆU NGHIÊM - MINH THÀNH

Chúng ta hãy bắt đầu với một hình ảnh được Kinh Hoa Nghiêm luôn luôn nhắc đến để diễn tả vũ trụ vạn hữu.

Mãi tận xa xôi kia trên cung điện của trời Đế Thích có một lưới tuyệt diệu đã được một nhà thủ công tinh xảo khéo treo giăng mọi phía đến vô cùng vô tận. Theo đúng thị hiếu "quá quắc" của các vị thần tiên, thủ công gia này đã gắn một hạt châu sáng

ngời trong mỗi mắc của lưới Đế Châu (1) này. Vì lưới rộng lớn vô biên vô tận, các hạt châu cũng nhiều vô lượng vô số. Các viên ngọc được treo như vậy lấp lánh rực rỡ, tựa như các tinh tú khổng lồ - thật là một cảnh phi thường tuyệt diệu vậy.

Nếu bây giờ chúng ta tự ý lựa chọn một hạt châu và quan sát xem xét tỉ mỉ, chúng ta sẽ khám phá ra rằng, trên mỗi khía cạnh bóng bẩy của viên ngọc, có ảnh hiện tất cả các hạt châu khác trong toàn lưới - nhiều vô biên vô cùng tận.

Không những như vậy, mà mỗi một viên ngọc được ảnh hiện trong hạt châu chúng ta đang xem, lại ảnh hiện tất cả các viên ngọc khác trong lưới và như vậy có một sự phản chiếu vô biên vô tận.

Tông phái Hoa Nghiêm rất "mến chuộng" và luôn luôn đề cập đến hình ảnh này, vì nó tượng trưng cho một vũ trụ trong đó có một sự liên hệ chằng chịt và không ngừng giữa tất cả các thành phần. Kinh Hoa Nghiêm diễn tả sự kiện này như một mối tương ứng, tương hoà hỗ tương, một liên hệ trùng trùng duyên khởi.

DIỆU NGHIÊM - MINH THÀNH

Ghi Chú :

(1) Phạm Võng hay là lưới Đế Châu, có nghĩa là "lưới trời" và tiêu biểu cho một khái niệm căn bản trong Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới. Khái niệm này diễn đạt lý "Nhứt đa viên dung", một là tất cả, tất cả là một của mọi Pháp.

TIN TỨC PHẬT SỰ

HỒNG LIÊN ghi

TRẠI HÈ LIỄU QUÁN 1988

Nhằm đáp ứng nhu cầu tu học Phật Pháp và hiểu biết văn hóa Phật Giáo Việt Nam cho số đông Phật tử, nhất là giới trẻ thanh, thiếu niên nam nữ học sinh, sinh viên tại miền Nam Cali, một trại hè mang tên Liễu Quán do Đại Đức Thích Nguyên Trí và các đạo hữu giàu kinh nghiệm về sinh hoạt tuổi trẻ đã tổ chức tại Tu Viện Liễu Quán ở thành phố Aguanga, CA trong ba ngày từ thứ sáu 1-7 đến chủ nhật 3-7-88 vừa qua với sự tham dự có khoảng 60 trại sinh và 300 quan khách đến thăm trại trong đó có một số người Mỹ.

Lễ khai mạc trại hè được tổ chức vào chiều thứ sáu 1-7-88 dưới sự chứng minh của T.T. Thích Nguyên Đạt, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoàng Pháp; Đ.Đ. Thích Pháp Châu, Tổng Thư Ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ và Đ.Đ. Thích Nguyên Trí, trụ trì Tu Viện Liễu Quán với sự hiện diện

của hàng trăm trại sinh và đồng bào Phật tử. Mở đầu chương trình là bài diễn văn của Ban Tổ Chức, nói lên mục đích của trại hè là nhằm tạo cơ hội cho giới trẻ Phật tử gặp gỡ, cùng nhau học hỏi giáo lý đức Phật, tu tập thiền quán, cùng tìm hiểu những nét đặc thù của nền văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa Phật Giáo Việt Nam nói riêng. Sau lễ khai mạc là phần bầu cử Ban Điều Hành trại gồm có một Liên Đoàn Trưởng, một Liên Đoàn Phó Nam và một Liên Đoàn Phó Nữ. Các trại sinh được chia làm hai đội : Phúc Hộ và Khánh Anh.

Suốt trong ba ngày, các anh chị em trai sinh đã được học hỏi về thiền, giáo lý và nhiều bộ môn khác với Ban Giảng Huấn gồm có quý T.T. Nguyên Đạt, Đ.Đ. Pháp Châu, Đ.Đ. Nguyên Trí và các đạo hữu Trần Quang Thuận, Lê Khắc Lý v.v. Ngoài giờ học giáo lý, các em còn dự vào các trò chơi và những cuộc thi khác : thể thao, văn nghệ, dựng lều, trang trí trại, đua thuyền v.v. Hào hứng nhất là các trại sinh đã dự cuộc thi diễn xuất văn nghệ trong đêm lửa trại tối thứ bảy 2-7-88 ; thi giáo lý vào sáng chủ nhật 3-7-88 và đua thuyền vào buổi chiều tại hồ Vail cách Tu Viện Liễu Quán độ 30 miles.

Đặc biệt cũng trong trại hè này, sau phần lửa trại tối 2-7-88, các anh chị em học sinh, sinh viên đã tổ chức hội thảo và thành lập đầu tiên "Hội Sinh Viên, Học Sinh Phật Tử Việt Nam" với Ban Chấp Hành gồm có Chủ Tịch : Anh Nguyễn Hữu Hòa, pháp danh Quảng Nhơn ; Phó Chủ Tịch : Anh Nguyễn Tú Nhân,

pháp danh Quảng Hạnh ; Tổng Thư Ký : chị Đoàn Thị Thanh Bình và Tổng Thủ Quỹ : Chị Lê Trần Quế Linh.

Trại hè Liễu Quán đã kết thúc vào chiều chủ nhật 3-7-88 với lễ bế mạc và phát phần thưởng cho những trại sinh đứng đầu về hạnh kiểm, diễn xuất văn nghệ và cho các đội đã đoạt giải xuất sắc những cuộc thi đua trong ba ngày trại. Cũng trong dịp này, Ban Chấp Hành Hội Sinh Viên, Học Sinh Phật Tử và Ban Bảo Trợ của Hội đã được trình làng với bà con.

Nói tóm, trại hè Liễu Quán được tổ chức đầu tiên tại Tu Viện Liễu Quán vào đầu tháng 7 năm 1988 vừa qua mặc dù gặp nhiều khó khăn về nhân sự, tài chánh, phương tiện v.v. nhưng đã thành đạt được nhiều kết quả tốt đẹp rất đáng khích lệ. Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ hy vọng tương lai Tu Viện Liễu Quán sẽ tổ chức các trại hè khác hầu giúp các anh chị em trẻ sinh viên, học sinh Phật tử có dịp sống đời sống tập thể, học hỏi Phật Pháp và các bộ môn khác : Địa lý, lịch sử dân tộc, văn chương Việt Nam v.v.

CHÙA BẢO TỊNH, GARDENA, CA

Vào hạ tuần tháng 6 vừa qua nhân dịp từ Đài Loan sang Mỹ hoằng pháp, T.T. Thích Tịnh Hạnh, Chủ Tịch Nội Vụ Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ đã được T.T. Nguyên Đạt, Viện Chủ chùa Bảo Tịnh mời giảng dạy về Thiền và tập khí công tại chùa trong ba ngày, vào tối 28, 29 và 30-6-88. Đây là khóa giảng thiền khí công được tổ chức đầu tiên tại miền Nam

Cali, nên đã thu hút được hàng trăm bà con Phật tử trong vùng đủ lứa tuổi, thành phần đến tham dự với kết quả vô cùng tốt đẹp.

Đại lễ Vu Lan vừa qua đã được tổ chức tại khuôn viên Bảo Tịnh vào sáng chủ nhật 28-8-88 dưới sự chứng minh của chư tôn đức Tăng Già và T.T. Viện Chủ Thích Nguyên Đạt với sự tham dự của hàng trăm đồng bào Phật tử địa phương. Đặc biệt sau buổi lễ, nhà văn Nguyễn Vạn Hùng đã được mời lên thuyết trình về "Tình trạng các tu sĩ Phật Giáo ở những trại học tập cải tạo của Công Sản Việt Nam" tại quê nhà trong nhiều năm qua

PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ, SEPULVEDA

Vì bận đi chứng minh, thuyết giảng lễ Vu Lan tại nhiều chùa ở các tiểu bang xa nên T.T. Thích Đức Niệm, Giám Đốc Phật Học Viện Quốc Tế năm nay đã tổ chức lễ Đại Lễ Vu Lan vào 11 giờ sáng chủ nhật ngày 4-9-88 vừa qua tại Hội Trường Trung Học Sepulveda, số 15330 đường Plummer. Hiện diện trong buổi lễ chúng tôi nhận thấy có đầy đủ chư tôn đức trong Hội Đồng Chỉ Đạo Trung ương Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ cùng quý Thượng Tọa, Đại Đức, viện chủ nhiều chùa khác tại miền Nam Cali với sự tham dự của gần 1,000 Phật tử tại vùng Sepulveda và phụ cận. Sau lễ Vu Lan, một lễ cúng dường trai Tăng cũng đã được tổ chức vô cùng trang nghiêm tại Phật Học Viện Quốc Tế.

Trong chương trình phát triển cơ sở, để có thêm

chỗ rộng rãi cho Tăng Ni sinh và quý Thượng Tọa
vãng lai hoằng pháp lưu trú, một tin mừng từ văn
phòng Phật Học Viện cho biết Thượng Tọa Giám
Đốc, với sự tiếp tay đóng góp của nhiều Phật tử xa
gần, đã mua được căn nhà bốn phòng bên cạnh số 9242
đường Columbus Ave., trị giá 235,000 Mỹ kim. Cuối
tháng 8/88 chủ nhà đã chính thức giao nhà và Phật
Học Viện bắt đầu xử dụng cơ sở trên từ đầu tháng
9/88 vừa qua.

CHÙA PHẬT TỔ, LONG BEACH

Được biết lễ Vu Lan 2532 đã được cử hành trọng
thể tại chùa Phật Tổ, Long Beach vào ngày 28-8-88
dưới sự chứng minh thuyết giảng của T.T. Viện Chủ
Thích Thiện Thanh với sự tham dự của quý Thượng
Tọa Đại Đức Tăng và đông đảo Phật tử trong vùng.

CHÙA PHẬT GIÁO VIỆT NAM ORANGE COUNTY, GARDEN GROVE

Chủ nhật 28-8-88 vào lúc 12 giờ trưa đại lễ Vu
Lan đã được tổ chức tại chùa Phật Giáo Việt Nam
Orange County, đường Magnolia, Garden Grove dưới
sự chứng minh của chư Thượng Tọa, Đại Đức Trụ Trì
Thích Pháp Châu kiêm Tổng Thư Ký Giáo Hội
PGVNTN tại Hoa Kỳ v.v. với sự tham dự của hàng
trăm Phật tử xa gần. Chương trình suốt ngày từ 10 giờ
30 sáng đến 5 giờ chiều gồm có hành lễ, thuyết pháp,
thụ trai, tuyên số cầu an, cầu siêu; lễ quy y Tam Bảo và
cúng thí thực cô hồn v.v.

CHÙA PHƯỚC SƠN, RIVERSIDE

Năm nay, chùa Phước Sơn đã tổ chức lễ Vu Lan
vào ngày thứ bảy 27-8-88 dưới sự chứng minh của
T.T. Thích Nguyên Đạt, quý Đại Đức, Thích Pháp
Châu, Đ.Đ. Trụ Trì Thích Minh Đạo và Đ.Đ. Thích
Nguyên Trí v.v. với sự tham dự của một số đồng đồng
bào Phật tử địa phương.

TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO QUẢNG ĐỨC, SAN JOSE

Nhằm mục đích duy trì, phát triển văn hóa Phật
Giáo Việt Nam và góp phần vào công tác hoằng pháp
hướng dẫn tu học, nâng đỡ đời sống tinh thần cho
đồng bào Phật tử miền Bắc Cali, Trung Tâm Thiền
Định và Văn Hóa Phật Giáo Quảng Đức thuộc Giáo
Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ đã được thành lập tại địa
điểm 2314 Brushglen, San Jose, điện thoại : (408)
259-8392 từ nhiều tháng qua. Lễ an vị Phật và khánh
thành Trung Tâm đã được cử hành trọng thể vào sáng
chủ nhật 19-6-1988 dưới sự chứng minh của chư tôn
đức trong Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương Giáo Hội
PGVNTN tại Hoa Kỳ : Quý Thượng Tọa Thích Đức
Niệm, Thích Tịnh Hạnh, Thích Trí Chơn, Thích
Nguyên Đạt, Đại Đức Thích Pháp Châu và Đ.Đ Thích
Khế Đạo với sự tham dự của gần 100 đồng bào Phật tử
địa phương.

Được biết từ ngày thành lập đến nay, dưới sự
Giám Đốc của Đ.Đ. Thích Pháp Châu, dù bước đầu
khó khăn, Trung Tâm đã duy trì đều đặn mọi sinh

hoạt cuối tuần vào thứ bảy chủ nhật, có rất đông Phật tử tại San Jose và phụ cận về tham dự các khóa lễ sám hối, tụng kinh Pháp Hoa, nghe thuyết pháp v.v. Với đà phát triển hiện nay, hy vọng hoạt động của Trung Tâm có thể còn tiến xa hơn nữa trong tương lai với sự đóng góp xây dựng nhiệt tình của bà con Phật tử miền Bắc Cali.

Đặc biệt lễ Vu Lan năm nay đã được tổ chức lần đầu tiên vô cùng trang nghiêm trọng thể tại Trung Tâm vào sáng chủ nhật 11-9-88 vừa qua dưới sự chứng minh của chư Thượng Tọa, Đại Đức trong Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ.

Buổi lễ quy tụ hàng trăm đồng bào Phật tử tại San Jose, phụ cận đến tham dự và nghe thuyết pháp về “Ý nghĩa báo Hiếu trong ngày Vu Lan”

CHÙA TAM BẢO, FRESNO

Hội Phật Giáo vùng Central Valley tại Fresno đã thực hiện được nhiều công tác Phật sự đáng kể trong những tháng qua :

Ngày 12-6-88 : Đại lễ Phật Đản 2532 tổ chức tại chùa Tam Bảo dưới sự chứng minh và thuyết pháp của T.T. Thích Đức Niệm, Chủ Tịch Điều Hành và T.T. Thích Trí Chơn, Phó Chủ Tịch kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa và Giáo Dục Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ với sự tham dự của hàng trăm đồng bào Phật tử địa phương và phụ cận. Cũng trong dịp này, Đ.Đ. Thích Tâm Quang đã được nhậm vị Thượng Tọa nói trên tấn phong chức vụ Trụ Trì chùa Tam Bảo.

Tiếp đến ngày 24-7-88 : Vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát và ngày 3-9-88 : Đại lễ Vu Lan 2532. Cả hai buổi lễ đã được tổ chức tại Chùa Tam Bảo do T.T. Thích Đức-Niệm chủ lễ và thuyết pháp với sự tham dự của Đ.Đ. Trụ Trì Thích Tâm Quang và rất đông bà con Phật tử địa phương. Trong dịp lễ Vu-Lan này, T.T. Đức-Niệm cũng đã làm lễ truyền trao Bồ Tát Giới cho một số Phật tử tại Fresno.

Sau cùng, chiều ngày 11-9-88, chùa Tam Bảo, dưới sự hướng dẫn của Đ.Đ. Thích Tâm Quang, đã tổ chức ngày Đại Hội Phật Giáo Việt Nam tại Fresno Metropolitan Museum (Bảo Tàng Viện). Trong dịp này, chùa đã triển lãm nhiều Pháp khí, Phật cụ như tượng hình, tranh ảnh Phật, chuông mõ, y áo Tăng Già, kinh sách Phật Giáo tiếng Việt và Anh Văn. Ngoài ra, Đ.Đ. Tâm Quang cũng đã thuyết trình, chiếu phim cho đông đảo người Mỹ xem về hoạt động của Hội Phật Giáo Fresno cũng như sự đóng góp của Phật Giáo Việt Nam trong nhiều năm qua cho nền văn hóa đa dạng của Hoa Kỳ.

TỔ ĐÌNH TỪ ĐÀM, IRVING, TEXAS

Sau khi đến chứng minh, chủ lễ Phật Đản 2532 và chiếu phim (Color Slides) về “Các Phật Tích Ấn Độ” tại chùa Từ Bi ở Baton Rouge (tiểu bang Louisiana) vào ngày 29-5-88, T.T. Thích Trí Chơn, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ đáp lời mời của T.T. Thích Tín Nghĩa, Viện Chủ Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại, Irving (Texas), đã đến viếng thăm và thuyết giảng cho lớp Thiền tại Tổ

Đình trong hai ngày tối 30 và 31-5-88 với rất đông Phật tử tham dự.

Lễ Vu Lan năm nay được biết chùa Từ Đàm đã tổ chức trọng thể lễ chính thức vào lúc 7 giờ 30 tối thứ bảy 27-8-88 tại khuôn viên chùa ở thành phố Irving và “Đại Nhạc Hội Hiếu : Một Bông Hồng Cho Mẹ” lúc 2 giờ chiều chủ nhật 28-8-88 tại hội trường Đại Học Đường U.T.A. ở Arlington (Texas). Cả hai buổi lễ và Đại Nhạc Hội được đặt dưới sự chứng minh của T.T. Thích Đức Niệm và T.T. Thích Tín Nghĩa với sự tham dự của một số Đại Đức Tăng và hàng ngàn đồng bào Phật tử địa phương. Trước khi trình diễn văn nghệ T.T. Đức Niệm đã thuyết giảng đề tài : “Chữ Hiếu qua thi ca Việt Nam và Phật Giáo”.

CHÙA LINH SƠN, HOUSTON

Sau khi rời Tổ Đình Từ Đàm, T.T. Thích Trí Chơn đã đến viếng thăm và chiếu phim thuyết giảng về “Các Phật Tích Ấn Độ” do Đ.Đ. Trụ Trì Thích Trí Huệ tổ chức tại chùa Linh Sơn lúc 8 giờ tối thứ tư ngày 1-6-88. Đây là lần đầu tiên bộ phim đặc biệt này được trình chiếu tại Houston (Texas) nên đã thu hút hàng trăm Phật tử địa phương đến dự xem thật hào hứng. Buổi chiếu phim kết thúc lúc gần 11 giờ khuya, sau đó T.T. Trí Chơn được Đ.Đ. Thích Huyền Việt, trụ trì chùa Bửu Môn ở Port Arthur đưa xe lên đón về thăm chùa tại vùng hải cảng này. Hơn 2 giờ lái xe, Thượng Tọa đã đến chùa Bửu Môn lúc hơn 1 giờ sáng ngày 2-6-88. Lưu lại khoảng 8 tiếng đồng hồ đàm đạo, bàn thảo Phật sự tương lai với Đ.Đ. Huyền Việt và thăm

viếng các Phật tử tại đây ; T.T. Trí Chơn đã trở về Houston lúc 10 giờ sáng cùng ngày để hôm sau 3-6-88, T.T. về Los Angeles, chấm dứt chuyến đi hoằng pháp hơn tuần lễ từ 26/5 đến 3/6/88 nhân mùa Phật Đản 2532 vừa qua tại các thành phố Baton Rouge (Louisiana) và Irving, Houston, Port Arthur (Texas).

CHÙA GIÁC HOA, AMARILLO

Đáp lời mời của Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam tại Amarillo, T.T. Thích-Tín-Nghĩa, Phó Chủ Tịch Đặc Trách Gia Đình Phật Tử Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ đã đến chứng minh và thuyết giảng vào dịp lễ Vu-Lan được tổ chức tại chùa Giác Hoa, Amarillo (Texas) vào hai ngày 20 và 21-8-88 vừa qua với sự tham dự của sự đông đảo bà con Phật tử trong vùng.

CHÙA TỪ BI, BATON ROUGE

Lần thứ hai, T.T. Thích Trí Chơn đã được Hội Thân Hữu Phật Tử tại Baton Rouge cung thỉnh đến chứng minh lễ truyền Tam Quy Ngũ Giới cho gần 20 Phật tử được tổ chức tại chùa Từ Bi vào lúc 2 giờ chiều thứ bảy 20/8 và đại lễ Vu Lan cử hành lúc 11 giờ sáng chủ nhật 21-8-88. Sau khóa lễ, Thượng Tọa đã thuyết giảng về : “Ý Nghĩa Ngày Lễ Vu Lan”. Buổi lễ đã quy tụ hàng trăm Phật tử địa phương và phụ cận về tham dự.

CHÙA GIÁC LÂM, PHILADELPHIA

Đáp lời mời của số đông Phật tử do đạo hữu Ngọc Hà đại diện trong Cộng Đồng Phật Giáo ở

Philadelphia (tiểu bang Pennsylvania), T.T. Thích Trí Chơn đã đến viếng thăm, thuyết giảng và chiếu phim về “Cuộc đời Đức Phật qua các Thánh Tích Phật Giáo tại Ấn Độ” được tổ chức lúc 12 giờ trưa thứ bảy 13/8 tại hội trường số 1800 So. đường 16 và Moore St. ở Philadelphia và hôm sau lúc 1 giờ chiều chủ nhật 14-8-88 tại chùa Giác Lâm đường Nyack Ave. ở Lansdowne (Pennsylvania). Đây là lần đầu tiên bộ phim đặc biệt này được trình chiếu tại Philadelphia nên đã có hàng trăm Phật tử địa phương và phụ cận các vùng Lancaster, New Jersey và New York nô nức kéo về tham dự. Trong hơn 2 tiếng đồng hồ bà con Phật tử tại hai nơi trên đã được T.T. Trí Chơn hướng dẫn qua chiêm bái các Phật tích Ấn Độ mà không tốn tiền vé máy bay, nên mọi người ai cũng vô cùng thích thú và phấn khởi. Nhân dịp này, Thượng Tọa đã hỏi thăm, góp ý xây dựng và bàn thảo Phật sự với một số quý vị trong Ban Trị Sự Cộng Đồng Phật Giáo Philadelphia.

CHÙA PHƯỚC HẬU, MILWAUKEE

Được biết năm nay chùa Phước Hậu đã cung thỉnh T.T. Thích Thiện Thanh, Chủ tịch Ngoại Vụ Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ đến chứng minh chủ lễ thuyết giảng về Vu Lan được tổ chức tại Đại Sân Washington Park, Milwaukee (tiểu bang Wisconsin) vào sáng chủ nhật 21-8-88 với sự tham dự của đông đảo bà con Phật tử địa phương. Trong dịp này Thượng tọa cũng đã làm lễ quy y Tam Bảo cho một số Phật tử vào tối thứ bảy 20-8-88

CHÙA PHẬT ÂN, ROSEVILLE

Đáp lời cung thỉnh của Hội Phật Giáo Việt Nam tại Minnesota, T.T. Thích Trí Chơn đã đến Roseville (tiểu bang Minnesota) trong thời gian từ 26 đến 30-8-88 để chứng minh thuyết giảng Vu Lan và chiếu phim “Phật Tích Ấn Độ” tại chùa Phật Ân vào ngày chủ nhật 28-8-88 vừa qua. Hàng trăm đồng bào Phật tử khắp nơi tại Roseville, và phụ cận đã về dự lễ, xem chiếu phim vô cùng phấn khởi.

CHÙA CỔ LÂM, SEATTLE

Được tin từ văn phòng Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam tại Seattle dưới sự Lãnh Đạo Tinh Thần của Đ.Đ. Thích Nguyên An, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ cho biết trong nhiều tháng qua, với sự tiếp tay của đồng bào Phật tử, Ban Đại Diện chùa Cổ Lâm, Seattle (tiểu bang Washington) đã chỉnh trang toàn diện khu đất khuôn viên chùa để chuẩn bị xây cất ngôi chùa mới. Đặc biệt Trung Tâm Văn Hóa Lạc Hồng, một cơ sở văn hóa, giáo dục trực thuộc chùa Cổ Lâm trong những tháng qua đã thực hiện được nhiều công tác Phật sự đáng kể như mở các lớp học Việt ngữ dạy cho các em; tổ chức những buổi lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng, Vua Quang Trung Nguyễn Huệ v.v. Phối hợp với chùa Cổ Lâm Trung Tâm đã mở hội chợ Hè 88 tại Seattle từ ngày 2 đến 4-7-88 với 40 gian hàng đủ loại và một đại nhạc hội với sự đóng góp của các sắc tộc bạn khiến cho ba ngày hội chợ thêm khởi sắc được giới chức chính

quyền và báo chí địa phương đã hết lời ca ngợi. Ngoài ra, Trung Tâm cũng đã khai giảng võ đường Lạc Hồng vào ngày 5-8-88 dưới sự hướng dẫn của Giáo Sư Nguyễn Duy Chất, Đệ Lục Đẳng Huyền Đại Thái Cực Đạo, để dạy võ cho các thanh niên, sinh viên học sinh.

Riêng về Gia Đình Phật Tử Liễu Quán của chùa Cổ Lâm trong thời gian qua vẫn tiếp tục phát triển, đóng góp vào việc giáo dục, đào tạo các em tương lai trở thành những Phật tử chân chính. Gia Đình đã tổ chức một trại họp bạn tại thành phố Kent từ thứ sáu 12/8 đến chủ nhật 14-8-88 vừa qua với sự tham dự của Trung Tâm Văn Hóa Lạc Việt, Tacoma và Trung Tâm Văn Hóa Lạc Hồng, Seattle.

TIN XIN GIA NHẬP GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI HOA KỲ

Nhận thấy rõ chủ trương, đường lối chân chính hết lòng phục vụ chánh pháp và chúng sanh của Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ kể từ ngày Giáo Hội được thành lập đầu tháng 4 năm 1988, đến nay đã có thêm nhiều Chùa, Hội Đoàn Phật Giáo chính thức gửi đơn xin gia nhập Giáo Hội như Hội Thân Hữu Phật Tử (chùa Từ Bi) ở Baton Rouge (Louisiana); chùa Phật Giáo Việt Nam do Bác Sĩ Tạ Kim Điền làm Hội Trưởng tại Denver (Colorado); Niệm Phật Đường Quan Thế Âm tại Gardiner (tiểu bang New York) và Niệm Phật Đường Phổ Hiền tại Middlesex (New Jersey) v.v.

Chúng tôi tha thiết kêu gọi quý Chùa, Hội Phật

Giáo, vì tiền đồ của đạo pháp, sự tồn vong của Phật Giáo Việt Nam nơi hải ngoại nên dũng mãnh phát tâm gia nhập Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ để chúng ta cùng nhau đoàn kết, chia xẻ những khó khăn, chung lo Phật sự. Mọi đơn xin gia nhập, liên lạc xin gửi về trụ sở của Giáo Hội tại chùa Phật Giáo Việt Nam Orange County, Garden Grove hoặc Văn Phòng Chủ Tịch Điều Hành tại Phật Học Viện Quốc Tế, 9250 Columbus Ave., Sepulveda, CA. 91343. Giáo Hội đang mong chờ thiện tâm hưởng ứng tích cực của quý vị.

TIN ĐẶC BIỆT VỀ CHUYẾN ĐI HOẰNG PHÁP CỦA T.T. THÍCH TRÍ CHƠN.

Đáp lời mời của T.T. Thích Thiện Nghị, Chủ Tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Canada và Đ.Đ. Thích Nguyên An, Viện Chủ Chùa Cổ Lâm, Seattle; T.T. Thích Trí Chơn, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa và Giáo Dục Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ sẽ lên đường đi hoằng pháp, chiếu phim, thuyết giảng về "Các Phật Tích Tại Ấn Độ" trong thời gian gần 6 tuần lễ từ 21-9 đến 1-11-88. Sau đây là lịch trình những nơi Thượng Tọa sẽ đến thuyết giảng và chiếu phim: Chùa Cổ Lâm ở Seattle (Hoa Kỳ) tối thứ sáu 23-9-88 và 8 chùa tại Canada: Chùa Thiên Tôn (thành phố Vancouver); chùa Vạn Hạnh (Victoria); chùa Phật Quang (Edmonton); chùa Chánh Tâm (Saskatoon); chùa Hải Hội (Manitoba); chùa Chánh Trí (London); chùa Hoa Nghiêm (Toronto) và chùa Tam Bảo (Montreal).

Trên đường từ Montreal (Canada) trở về Los Angeles, theo chương trình dự tính và nếu không có gì thay đổi vào phút chót, Thượng Tọa sẽ đến viếng thăm, chiếu phim và thuyết giảng tại chùa Phước Hậu ở Milwaukee (Wisconsin) vào ngày thứ bảy 29-10-88 và chùa Quang Minh (Chicago) chủ nhật 30-10-88 nhân dịp vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát Nhập Diệt. Được biết mọi phí khoản vé máy bay đều hoàn toàn do các nơi trên cúng dường đài thọ. Ban Chủ Trương Tập San Phật Giáo Thống Nhất nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo gia hộ Thượng Tọa hôm nào sẽ lên đường bình an và đạt được nhiều thành quả tốt đẹp trong chuyến viễn du hoằng pháp sắp đến của Thượng Tọa.

TIN TỨC VỀ CÁC VỊ TĂNG NI Ở PULAU BIDONG (MÃ LAI) VÀ NGÔI TAM BẢO TẠI TRẠI DONGREK (THÁI LAN)

Theo tin từ văn phòng của Bác Sĩ Tôn Thất Niệm, Phó Chủ Tịch Đặc Trách Từ Thiện Xã Hội của Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ cho biết hiện có 18 Tăng Ni đang ở Pulau Bidong và các vị này đã yêu cầu Bác sĩ chuyển lời đến Giáo Hội nhờ giúp đỡ. Ngay khi nhận được tin trên, chúng tôi được biết T.T. Thích Đức Niệm, Chủ Tịch Điều Hành Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ đã gửi một số kinh sách trị giá hơn 200 Mỹ kim qua cho các Tăng Ni ở đảo có phương tiện giảng dạy Phật Pháp cho Phật tử.

Gần đây, Bác sĩ Tôn Thất Niệm đã nhận được thư

của Đại Đức Thích Nguyên Lạc trong thư Đại Đức cho biết : *"... Vì Tăng Ni ở đây quá đông, 12 Tăng, 6 Ni, tất cả đều đang chờ định cư ở Mỹ, một số khác mới vừa ở Việt Nam sang ... Sinh hoạt hàng ngày gặp nhiều khó khăn ..."* Và Đại Đức yêu cầu Giáo Hội giúp đỡ mọi thứ như : Kinh sách dạy giáo lý cho Phật tử ; sách Anh văn dạy cho đồng bào ; vật dụng và hiện kim để giúp đỡ đồng bào và 50 em cô nhi v.v... Đại Đức cũng cho biết các sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam hiện nay tại Pulau Bidong : Hàng tuần dạy giáo lý cho đồng bào Phật tử và hai Gia Đình Phật Tử Long Hoa, Khuông Việt ; Tu Bát Quan Trai mỗi tháng hai kỳ ; mở ba lớp dạy Anh Văn cho đồng bào do ba Thầy đảm nhận và tổ chức an cư kiết hạ cho Tăng Ni v.v.

Riêng tại trại Dongrek (Thái Lan) Đại Đức Thích Nguyên Thông đã gửi thư cho Bác sĩ Tôn Thất Niệm cho biết : *"... Tính đến nay số tị nạn đã 5,000 người thêm 4,000 vượt biên đường bộ sẽ dồn về, tương lai, sẽ hơn 10 ngàn ; do đó sự giúp đỡ về tinh thần rất quan trọng, phải cất lại ngôi chùa cho trại mới gọi là trại VN New Camp v.v."* Đại Đức Nguyên Thông đã phát tâm ở lại trại để chăm sóc cho đồng bào và yêu cầu Giáo Hội PGVNTN giúp đỡ.

Giáo Hội khẩn thiết kêu gọi quý vị Phật tử đóng góp tinh thần và vật chất bằng cách gửi quà tặng, tiền bạc, kinh sách để Giáo Hội chúng tôi có thể giúp đỡ cho các Tăng Ni, đồng bào Phật tử tại Pulau Bidong (Mã Lai) và ở trại cấm Dongrek (Thái Lan) một cách hiệu quả hơn. Địa chỉ liên lạc :

Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ
(Tổng Vụ Cứu Trợ và Tị Nạn)
12292 Magnolia St.
Garden Grove, CA.92641
U.S.A.

Tel : (714) 534-7263.

Riêng về Đại Đức Thích Nguyên Thông (trại Dongrek) được biết là quý Thượng Tọa trong Giáo Hội PGVNTN tại Hoa Kỳ hứa sẽ gửi giúp hàng tháng cho Đại Đức Nguyên Thông: T.T. Thích Tịnh Hạnh (100 Mỹ kim); T.T. Thích Nguyên Đạt (20 Mỹ kim) và nhiều vị khác cũng hứa sẽ giúp đỡ. Đồng bào Phật tử muốn gửi tiền cho Đ.Đ. Nguyên Thông để giúp đỡ bà con ở trại Dongrek xin gửi Money Order đề tên:

VO THIEN DINH

P.O. Box 11

Ratchaburi 70000

Thái Lan



ÔN CỐ TRI TÂN



HOÀNG NGUYỄN

KỶ BỐN

LỜI GIỚI THIỆU : Bài đố vui kỳ ba (Ngày Xuân Đố Bạn) đã được quý thiện hữu tri thức xa gần hưởng ứng, khích lệ. Hôm nay Tập San xin gửi đến quý vị bài thứ tư. Bài gồm 20 câu hỏi. Đạo hữu chỉ cần ghi đơn giản lên giấy câu đáp mà mình cho là đúng, thí dụ : 1/b, 2/a, v.v.... với tên họ hoặc pháp danh, địa chỉ rõ ràng để Thượng Tọa Chủ Nhiệm gửi quà biểu tinh thần có giá trị đến 5 vị có bài giải đạt số điểm cao nhất. Hạn chót nhận bài là 8/10/88.

Bài giải cùng phương danh quý vị trúng giải sẽ đăng trên Tập San Phật Giáo Thống Nhất số kế tiếp. Mong quý vị hăng hái nhập cuộc cũng như cổ động bạn bè tham dự để chúng ta cùng tiến.

1/ Khi thấy mẹ bị dọa vào cõi nạ quý,

Mục-Kiền-Liên xót thương vô hạn, bèn vận thần thông, đem cơm dâng bà, bà ăn được nên đỡ đói một chút.

a/ Đúng. b/ Sai.

2/ Chữ "Tự Tử" đồng nghĩa với chữ "Vu Lan".

a/ Đúng. b/ Sai.

3/ Trong thập đại đệ tử của đức Bổn Sư, Mục Kiền Liên là vị đầu đà số một, chuyên tu khổ hạnh cho đến hơi thở cuối cùng.

a/ Đúng. b/ Sai.

4/ Ngày thành Ca Tỳ La Vệ bị Tỳ Lưu Ly đem quân vây khốn, Mục Kiền Liên bèn hóa phép đưa 500 người dòng họ Thích về một chỗ an toàn, nên khi thành vỡ, họ không bị chết.

a/ Đúng. b/ Sai.

5/ Người Phật tử hoặc kẻ tu tiên, luyện yoga (du già) có thể đạt được thần thông. Hàng Nhị thừa hay tiên nhơn có thể đạt tới đa bao nhiêu thần thông? Bạch Phật, Bồ Tát, La Hán có bao nhiêu thần thông?

6/ Tỳ Lưu Ly (Virùdhaka) là con đầu lòng của vua Ba Tư Nặc (Prasenajit) và hoàng hậu tên

7/ Vì sao khi cúng thí thực, cô hồn, ta phải niệm chú biến thực, biến thủy?

8/ Xin cho biết "luân hồi" tiếng Anh là gì? (Một hoặc hai chữ). Còn "tái sinh" tiếng Anh là gì? (Một

hoặc hai chữ).

9/ Luận về sự khổ của thế gian, Phật bảo có ba thứ khổ (tam khổ) và tám thứ khổ (bát khổ). Xin kể tên Tam Khổ.

10/ "Giới, Định, Huệ" thuộc :

a/ Tam an cư. b/ Tam bảo.

c/ Tam bát nhã. d/ Tam bồ đề.

e/ Tam đạo. f/ Tam niệm xứ.

g/ Tam giới. h/ Các câu trên đều sai.

11/ "Cửu tướng quán" là quán tưởng về :

a/ Chín bộ kinh quý trong Tam tạng Kinh điển.

b/ Chín bộ tu hành, chín hàng tu học của Phật Giáo.

c/ Chín thứ vô thường mà người đời lại cho là chân thật.

d/ Chín cảnh giới mà ta có thể đạt được trong ba cõi, cao nhất là Phi tướng, phi phi tướng, xứ địa.

e/ Chín tật xấu bó buộc tâm ta.

f/ Các câu trên đều sai.

12/ Vô Lượng Quan Phật là danh hiệu của :

a/ Đại Nhật Như Lai. b/ Di Lạc Tôn Phật.

c/ Chuẩn Đề Vương Bồ Tát. d/ A Di Đà Phật.

e/ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

f/ Các câu trên đều sai.

13/ Khi có một đệ tử hỏi : "Bạch Phật, Niết Bàn ở đâu?", Phật đáp : "Niết bàn ở nơi nào giới luật được hành trì." Tên vị đệ tử đó là

14/ Bồ đề đạt ma là vị tổ thứ mấy của Phật giáo Ấn Độ và là vị tổ thứ mấy của Thiên Tông Trung Hoa ?

15/ Phái thiên tông đầu tiên ở nước ta là phái :

- a/ Mậu Bác. b/ Khương Tăng Hội.
- c/ Chi Khương Lương. d/ Maha Kỳ Vực.
- e/ Thảo Đường. f/ Tỳ Ni Đa Lưu Chi.
- g/ Vô Ngôn Thông. h/ Các câu trên đều sai.

16/ Thảo Đường là một vị sư Trung Hoa sang Chiêm Thành truyền đạo, bị vua Lý Thánh Tông bắt đem về nước ta làm tù binh năm 1069.

- a/ Đúng. b/ Sai.

17/ "Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã,
Ai ai phụ mẫu sanh ngã cù lao,
Dục báo thâm ân, hiệu thiên vãng cực."

Ba câu trên trích ở :

- a/ Kinh Thi. b/ Đạo Đức Kinh.
- c/ Nam Hoa Kinh. d/ Vu Lan Bồn Kinh.

18/ Ai đã than thở khi thấy cha mẹ khuất núi mà mình chưa thỏa lòng báo hiếu :

"Mộc dục tịnh nhi phong bất đình,
Tử dục dưỡng nhi thân bất tại !"

(Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, con muốn báo hiếu mà cha mẹ nay không còn nữa !)

- a/ Thầy Mẫn Tử. b/ Trang Tử. c/ Khổng Tử.
- d/ Lão Tử. e/ Thầy Tử Lộ.
- f/ Các câu trên đều sai.

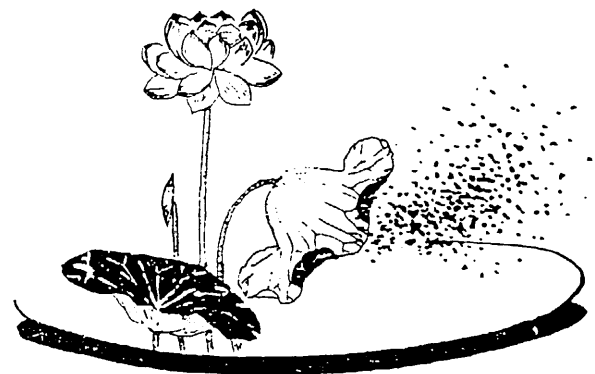
19/ "Mẹ là một món quà lớn nhất mà cuộc đời tặng

cho ta, những kẻ đã và đang có mẹ. Đừng đợi đến khi mẹ chết rồi mới nói : Trời ơi, tôi sống bên mẹ suốt mấy mươi năm trời mà chưa có lúc nào nhìn kỹ được mặt mẹ ! Lúc nào cũng chỉ nhìn thoáng qua. Trao đổi vài câu ngắn ngủi..."

Những dòng trên đây trích từ tác phẩm nào của Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh ?

20/ Xin cho biết tên của vị Phật tử Hoa Kỳ đã cùng Thượng Tọa H. Sumangala (người Tích Lan) phát họa lá cờ Phật Giáo, cờ này được công nhận là cờ Phật Giáo Thế Giới từ năm 1950 ?

HOÀNG NGUYỄN



TRÌ AN

Chúng tôi chân thành tri ân những vị ân nhân hảo tâm ủng hộ Tập San :

Đại Đức Thích Nguyên Trí	\$20.00
Chùa Từ Bi	\$20.00
Phật tử Bốn Nhon & Bốn Thiện	\$100.00
Pt. Nguyễn Chiêu Tường Pd. Quảng Huệ .	\$100.00
Pt. Tuy Lai Trần Thị Pd. Quảng Huệ	\$100.00
Pt. Vũ Thị Phú	\$50.00
Pt. Chơn Quán	\$20.00
Pt. Bé Yên Pd. Diệu Hoà	\$5.00
Pt. Nguyễn Văn Tinh Tấn	\$40.00
Pt. Hồng Loan Quang Phúc	\$50.00
Pt. Hoàng Thị Khuê	\$50.00
Pt. Lê Tấn Lực & Nguyễn Đức Phong & Phan Văn Ba	\$30.00
Pt. Lan H. Harribey	\$10.00
Pt. Đặng Sanh & Trung Thu	\$20.00
Pt. Nguyễn Văn Tam	\$10.00
Pt. Bùi Thị Khanh Pd. Diệu Lộc	\$20.00
Pt. Diệu Thanh	\$20.00
Pt. Diệu Hạnh	\$20.00

HÌNH ẢNH SINH HOẠT



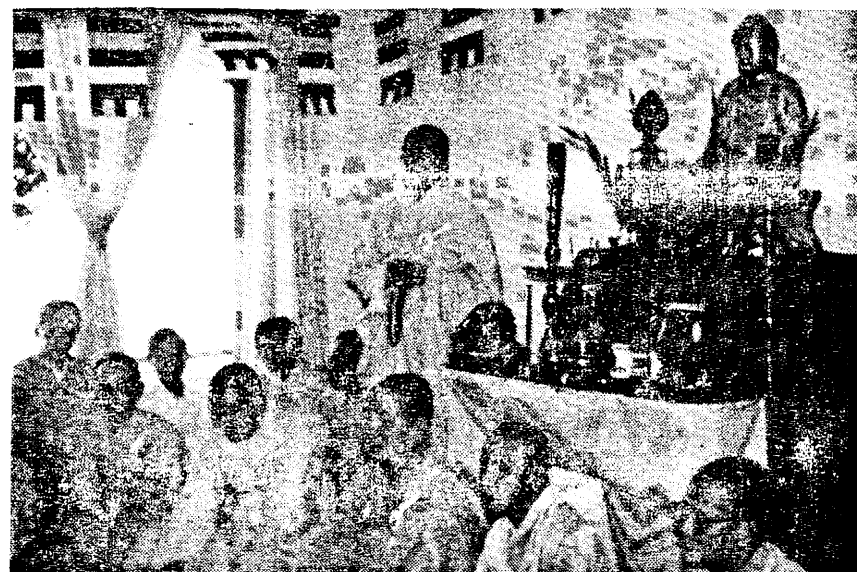
Nhân Vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật tử Diệu Linh và Charles Edwin Slezak. xin làm lễ Thành Hôn tại Phật Học Viện Quốc Tế dưới sự chứng minh của T.T. Đức Niệm và T.T. Trí Chơn.



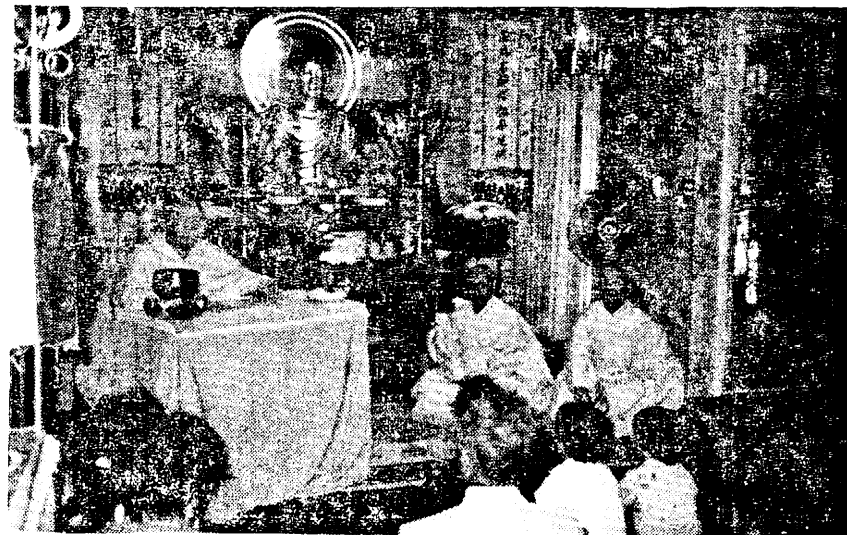
2. Đáp lời mời của Đại Đức Thích Nguyên An Viện Chủ Chùa Cổ Lâm kiêm Chủ tịch Cộng Đồng Phật Giáo tiểu bang Washington, Thượng Tọa Thích Đức Niệm đến chứng minh và thuyết pháp Lễ Phật Đản 1988.



Ngày 19-6-88, Chu Thượng Tọa Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo V.N Thống Nhất chứng minh Lễ An Vị Phật và khai trương trung tâm văn hóa Quảng Đức thuộc Giáo Hội tại San José.



Đại diện Hội Đồng Chỉ Đạo Trung Ương, Thượng Tọa Thích Đức Niệm tuyên bố ý nghĩa ra đời của trung tâm, đồng thời bổ nhậm Đại Đức Thích Pháp Châu Tổng Thư Ký Giáo Hội chánh thức kiêm nhiên chức vụ Giám Đốc trung tâm.



Nhân ngày Lễ Phật Đản 2532-1988, tại Phật-Học-Viện đông đảo Phật tử ngồi lắng nghe Thượng Tọa Đức Niệm giảng về ý nghĩa Quy-Y Tam-Bảo.



Sau khi nghe hiểu ý nghĩa lợi ích của sự Quy-Y Tam-Bảo, các Phật tử hoan hỷ phát tâm cầu xin quy y để trở thành chánh thức Phật tử và nhận lãnh phái quy y.



Sau khi chứng minh và thuyết pháp về ý nghĩa Phật Đản 2532 tại Chùa Tam Bảo Fresno, Thượng Tọa Đức Niệm, T.T. Trí Chơn, Đại Đức Tâm Quang cùng Cụ Nguyễn Văn Lượng Chủ tịch Cộng Đồng Phật Giáo Fresno chụp chung với đồng bào Phật tử.



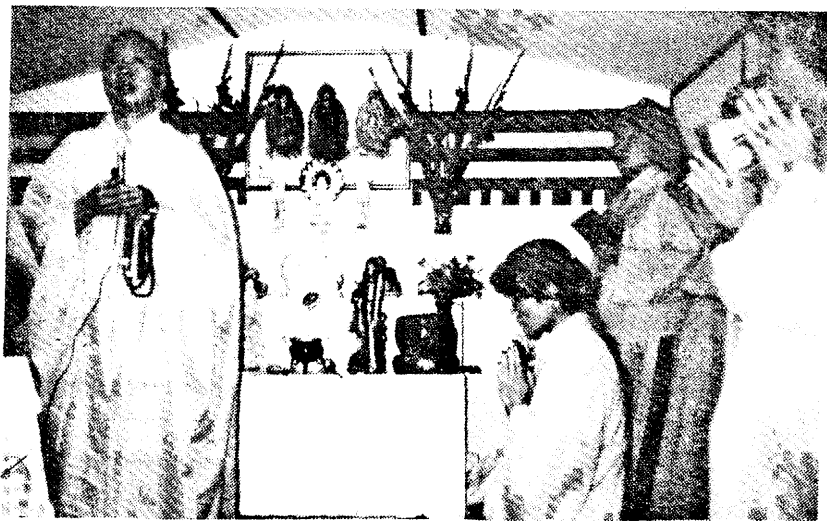
Phật tử đang theo dõi T.T. Trí Chơn chiếu phim, giảng giải về Phật Tích Ấn Độ vào tối 1-6-88 tại Chùa Linh Sơn, Houston (Texas).



Ngày 29-5-88, T.T. Trí Chơn đến chứng minh, thuyết giảng nhân dịp Lễ Phật Đản 2532 tại Chùa Từ Bi, Baton Rouge (Louisiana).



10. Phật tử Chùa Giác Lâm tại Philadelphia chụp hình lưu niệm sau khi xem T.T. Trí Chơn chiếu phim Phật tích Ấn Độ chiều 14-8-88.



Ngày 25-6-88, Thượng Tọa Thích Đức Niệm đã đến New York chứng minh Lễ An Vị Phật Niệm Phật Niệm Phật Đường Quán Âm và đông đảo Phật tử nghe Thượng Tọa thuyết pháp.

PGTN -186



Ngày 30-7-88, T.T. Thích Tín Nghĩa đã đến Chùa Long Vân cộng đồng Phật Giáo Florida thuyết pháp chứng minh Lễ Vía Quán Thế Âm đồng thời chứng minh Lễ Thành Hôn cho hai Phật tử Diệu Bảo và Greg.

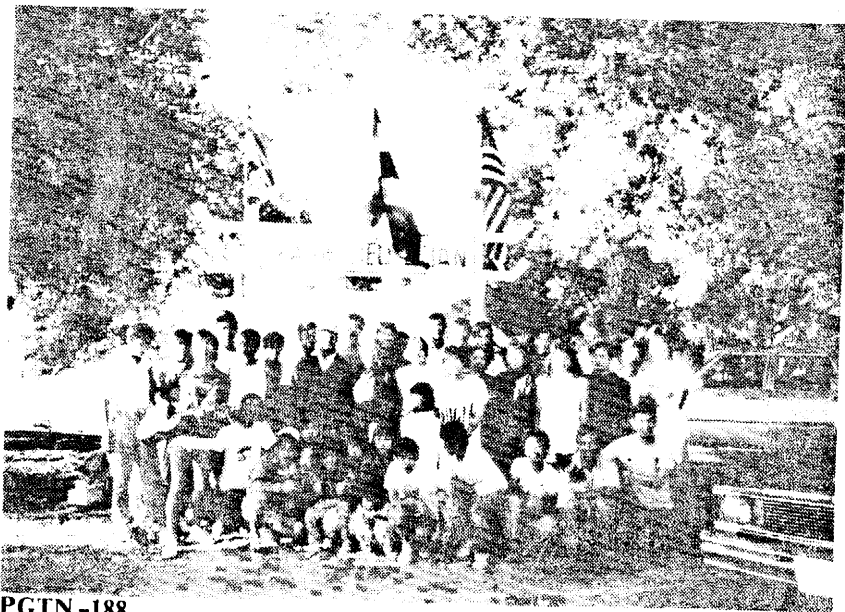


Ngày 21-11-87, Đ.Đ. Như Định và Phật tử đã tiếp đón, chào mừng khi T.T. Trí Chơn đến thăm Chùa Vạn Hạnh, Canberra (Úc Châu).

PGTN -187



T.T. Trí Chơn đang chiếu phim, giải thích Phật Tích Ấn Độ tại Chùa Vạn Hạnh, Canberra (Úc Châu) tối 21-11-1987.



PGTN-188

Đại Đức Nguyên Trí và các trại sinh tại trại hè Liễu Quán, tổ chức ở Tu Viện Liễu Quán từ 1 đến 3-7-88.



Ngày 30-5-88, đồng bào Phật tử tham dự Lễ Phật Đản 2532 tại Chùa Vạn Hạnh, trại Dongrek (Thái Lan).

PGTN-189

THE BODHI GARDEN
VEGETARIAN RESTAURANT

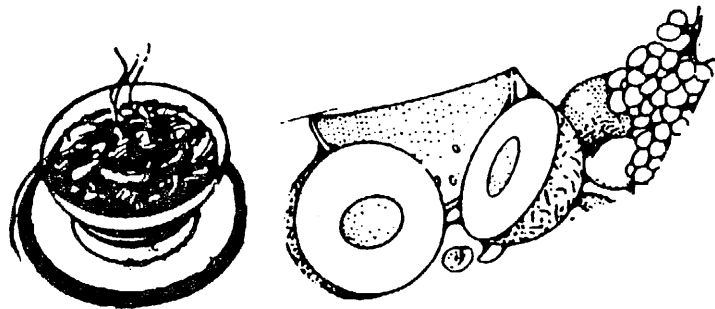
菩提緣素菜館

QUÁN CƠM CHAY

BỒ ĐỀ DUYÊN

1498 SUNSET BLVD #2 LOS ANGELES, CA 90028

TEL: (213) 250-9023



*Dây đủ các món ăn tinh khiết bổ dưỡng cho
Cơm trưa, Cơm chiều do đầu bếp chuyên nghiệp
về món ăn chay đảm trách.*

- NHẬN ĐẶC TIỆC
- CƠM PHẦN

MON ĐẶC BIỆT THAY ĐỔI HÀNG TUẦN VÀ NGÀY RẪM
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN

協和行 HIP WOO HONG

733 A NEW HIGH ST. (CHINATOWN)
LOS ANGELES, CA 90012
PHONE: Bus (213) 628-0041



ĐẠI HẠ GIÁ CÁC MÓN HÀNG:
NHÂN SÂM, CAO LY SÂM
VÀ CÁC THỰC ẨM Á ĐÔNG.

(Trước cửa chợ MAN WAH và VIỆT HOA)

– ĐẶC BIỆT: Đông Y Sĩ Hứa Tư Thất tốt nghiệp Quốc Y Chuyên Khoa Trung Quốc, Trên 30 năm kinh nghiệm, đã có phông mạch THỌ KHANG ĐƯỢC PHÒNG dưỡng Hồng Bàng chợ An Đông.
– Phục vụ thương trực, xem mạch miễn phí cho quý đồng hương.

– CHUYỀN TRI: Thân kinh suy nhược mất ngủ thận suy, bệnh tâm trí, bệnh đại đường, bần kinh đau, bệnh bạch đới, Gan, bao tử và những chứng bệnh nội khoa khác.

– TẬP HOA: Thực phẩm Đông Phương nhiều loại đặc biệt – Sâm và Nhung đủ loại.

TIỆM THUỐC BẮC VÀ TẬP HOA
HIP WOO HONG

Kính Mời

天生參茸藥材公司

HAN SAN COMPANY

841 N. BROADWAY
LOS ANGELES, CA 90012
TEL: (213) 689-4738



BÁC SĨ CHÂU VĂN KIỆT

9411 BOLSA AVE., SUITE B • WESTMINSTER, CA 92683
ĐIỆN THOẠI: (714) 531-4591
Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ CHUYÊN CHÂM CỨU

CHUYÊN TRỊ: Nội và ngoại thương người lớn, trẻ em

- Các bệnh đau nhức mỏi, nhức đầu, đau lưng, lạnh hai chân, tê thấp, bại liệt, cơ thể bạc nhược, sổ mũi kinh niên, thận suy
- Thâm thai, bệnh phụ nữ
- Khám sức khỏe tổng quát, chích ngừa, khám sức khỏe nhập học
- Khám và cấp bằng sữa cho trẻ em và sản phụ (chương trình WIC)

ĐẶC BIỆT: LO CÁC TAI NẠN LƯU THÔNG, LAO ĐỘNG NHẬN LÂM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

Giờ khám bệnh: Thứ Hai — Thứ Bảy: 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều

**XIN GỌI ĐIỆN THOẠI ĐỂ LẤY HẸN
NHẬN MEDICAL — MEDICARE — BẢO HIỂM**

**DANH'S
PHARMACY**

9182 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 892-4407 • 891-2218

**LINH'S
PHARMACY**

9191 BOLSA AVENUE, SUITE 102
WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714) 891-3644

- Nhà thuốc tây Việt Nam đầu tiên tại Hoa Kỳ
- Trung tâm nhận gửi quà về Việt Nam
- Trung tâm nhận gửi thuốc tây từ Pháp và Mỹ về Việt Nam
- Thuốc tây với phẩm chất tinh vi, giá khó ai bì.



Thuốc trị RỤNG TÓC - ANABION -

- * Tóc bị gãy, chẻ ngọn * Làm sợi tóc phát triển mạnh
- * Nuôi dưỡng nền tóc đẹp óng ánh * Nam nữ đều dùng

Bác Sĩ Nha Khoa

Huỳnh Thị Hạnh

14571 Magnolia Ave., #202,
Westminster, CA 92603,

ĐT: (714) 897-9985

Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM-6PM



Nhà Khoa Thẩm Mỹ và Phòng Ngừa

Làm răng giả đủ loại

Máy móc tối tân

Đã hành nghề lâu năm tại Tân Định & Minnesota

Nguyên giảng viên Đại học Nha Khoa Minnesota,

bộ môn trám răng và làm răng giả

NHA KHOA TỔNG QUÁT

Phòng mạch tại:

MAGNOLIA CLINIC

(góc Magnolia và Hazard)

★ CHUYỀN KHOA:
 ■ CÂY VÀ TRỒNG TỘC DỂ TRỊ BỆNH HỎI ĐẦU

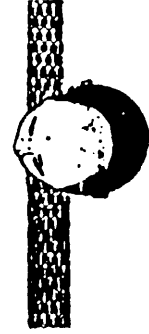
★ GIỜ LÀM VIỆC:

— Thứ Tư: 10AM—6PM
 — Thứ Ba-Thứ Sáu: 12AM—8PM
 — Thứ Bảy: 10AM—4PM

- Mọi bệnh ngoài da, mụn, vết nám, tàn nhang
- Phá nốt ruồi, chữa rỗ, vết sẹo
- Chẩn đoán và trị mọi bệnh dị ứng (Allergy), số mũi (hay fever), phong, mề dại (Urticaria)
- Các bệnh rụng tóc, da đầu gầu, ngứa
- Trị bệnh móng tay, móng chân (mũi móng, mọc bất bình thường, ngứa, lở)
- Giải phẫu móng tay, móng chân đau ngứa (ingrown toenail)
- Giải phẫu ung thư da bằng Flap + Graft

MAGNOLIA CLINIC
 14571 MAGNOLIA AVE., STE 208
 WESTMINSTER, CA. 92683
 (714) 895-1360

- ★ THÂM MỸ:
- LỖT DA MẶT VỚI NHIỀU PHƯƠNG PHÁP BẠC NHẠU,
- CHÍCH THUỐC LÀM TÀN ĐƯỜNG CÁN CHÂN & MẶT
- CHÍCH "COLLAGEN" DỂ CHỮA CÁC VẾT NHĂN
- VỆ VIÊN MẶT VÀNH VÉN



ACNE & HAIR CLINIC

NGUYỄN QUANG TIẾN, M.D

BỆNH NGOẠI DA VÀ GIẢI PHẪU DA

AMERICAN BOARD CERTIFIED IN DERMATOLOGY & DERMATOLOGIC SURGERY

- Tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa tại University of Florida
- Tốt nghiệp hai năm nội thương tại Cedars Sinai Medical Center Calif.
- Tốt nghiệp chuyên khoa Bệnh ngoài da tại University of Virginia
- Hội viên Hội Y Khoa Giải Phẫu Thâm Mỹ Hoa Kỳ (Member of the American Academy of Cosmetic Surgery)

★ CHUYỀN TRỊ:

- Mọi bệnh ngoài da, mụn, vết nám, tàn nhang
- Phá nốt ruồi, chữa rỗ, vết sẹo
- Chẩn đoán và trị mọi bệnh dị ứng (Allergy), số mũi (hay fever), phong, mề dại (Urticaria)
- Các bệnh rụng tóc, da đầu gầu, ngứa
- Trị bệnh móng tay, móng chân (mũi móng, mọc bất bình thường, ngứa, lở)
- Giải phẫu móng tay, móng chân đau ngứa (ingrown toenail)
- Giải phẫu ung thư da bằng Flap + Graft

LÊ THÀNH HÒA

BÁC SĨ NHA KHOA

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

- KHÁM RĂNG TỔNG QUÁT ĐỊNH KỲ
- TRỊ CÁC BỆNH VỀ RĂNG - MIỆNG
- LÀM RĂNG GIÀ CÁC LOẠI

* Nhận Medical và Bảo hiểm

ALHAMBRA
 407 W. MAIN ST.
 ALHAMBRA, CA. 91801
 (818) 281-6642

Giờ làm việc:
 Thứ hai đến Thứ bảy: 9 AM - 6 PM



VANNUYS
 6900 VANNUYS BLVD, Suite: 14
 VANNUYS, CA. 91504 - (818) 904-0224
 (cùng building với PHAN Pharmacy)

Giờ làm việc:
 Thứ hai đến Thứ sáu : 10 AM - 6 PM
 Thứ bảy : 10 AM - 4 PM

TRUNG TÂM Y-NHA-DUỢC VAN NUYS

B.S LÊ PHƯỚC LỘC

RICHARD LE M.D

6900 Van Nuys Blvd, Suite # 7., Van Nuys, CA 91405

Tel : (818) 989-2406 - 989-2407

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

AMERICAN BOARD OF PEDIATRICS - HỘI VIÊN Y SĨ ĐOÀN HOA KỲ
TỪ 1985 TỐT NGHIỆP MICHAEL REESE HOSPITAL/CHICAGO, HÀNH
NGHỀ Ở NEW ORLEANS TỪ 1984-85, NGUYỄN NỘI TRÚ TULANE MED.
CENTER/NEW ORLEANS. NGUYỄN THƯỜNG TRÚ WHITE MEM.MED
CENTER/LA.

GIỜ LÀM VIỆC :

Thứ Hai - Thứ Sáu : 9AM - 7PM
Thứ Bảy : 9AM - 5PM
Chủ Nhật : Nghỉ

CHUYÊN TRỊ :

- * Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, xương khớp, biến dưỡng, nội tiết, thận gan, thiếu máu.
- * Các bệnh người lớn : Đau đầu, đau khớp, đau ngực, phong thấp, ho suyễn, táo bón và các bệnh người già cao huyết áp, đau lưng, nhức khớp, ù tai, ăn khó tiêu, mất ngủ v.v...
- * Các bệnh phụ khoa : Kinh nguyệt không đều, ngừa thai, thử thai, khám thai v.v...
- * Các bệnh thanh thiếu niên : Mụn, bệnh ngoài da, Hoa - Liễu.
- * Thương tích nghề nghiệp : Gãy xương.

ĐẶC BIỆT :

- * Khám định kỳ trẻ em sơ sinh.
- * Chích ngừa và khám nhập học.
- * Khám sức khỏe định kỳ theo CHDP.
- * Lập giấy y khoa tiền hôn phối.
- * Nhận làm bác sĩ gia đình.
- * Hợp tác với chương trình Bông Sữa (WIC).
- * Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện vùng Van Nuys/ Sherman Way/ Panorama và San Fernando Valley.

ĐỊA ĐIỂM :

- * Cạnh PHAN'S PHARMACY.
- * Cạnh NHA SĨ LÊ THÀNH HOÀ & PHAN-THỊ-MỸ-HẠNH.

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM
KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - DỤNG CỤ TỐI TÂN**

Bác Sĩ CUNG CHÚC TÂN XUÂN

BÙI NGỌC DIỆP

**THẠC SĨ Y KHOA NỘI THƯƠNG HOA KỲ
THẠC SĨ CÁC BỆNH VỀ MÁU & UNG THƯ**

- * **TRỊ:** Nội khoa, Tổng quát: Người lớn và Trẻ em.
- * **CHUYÊN TRỊ:** Tiểu đường, áp huyết cao, phong thấp, ho suyễn, đau tim, bao tử, ruột, gan, thận, xương.

ĐẶC BIỆT:

- Bệnh về máu (thiếu máu, dư máu, máu loãng, máu đông)
- Ung thư (vú, phổi, bao tử, xương)



NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Phòng mạch Garden Grove

(Giữa Brookhurst và Euclid)

□□□□□□

10292 Westminster Ave.

Garden Grove, CA. 92643

Tel: (213) 924-0258

(714) 537-7358

*** XIN VUI LÒNG HẸN TRƯỚC**





BÁC SĨ NHA KHOA
HỒ VĂN PHÚ

- Nha Khoa Gia Đình : trám, nhổ, chữa tủy răng
- Khám răng định kỳ
- Nha Khoa Phòng Ngừa
- Làm răng giả các loại
- Sửa răng thẩm mỹ

TẠI

CHINATOWN CENTER

625 W. College St. #104

Los Angeles, CA. 90012

Phone: (213) 617-0098

Kế cận French Hospital
và chợ Ái Hoa

SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.

Hawthorne, CA. 90250

Phone: (213) 978-8993



XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC
NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM



Phan's PHARMACY

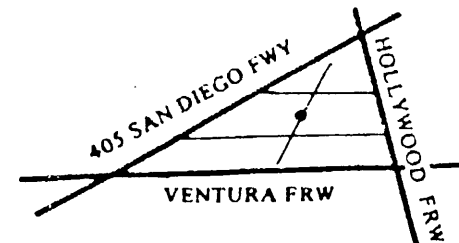
6900 VAN NUYS BLVD

VAN NUYS, CA. 91405

Tel: (818) 988 - 6191

SAN FERNANDO VALLEY, VAN NUYS, NORTH
HOLLYWOOD, BURBANK, NORTHRIDGE, CANOGA
PARK V.V....

- * THUẬN ĐƯỜNG (GIỮA 3 LÔ CHÍNH VÀ XE BUÝT)
- * BÀN TRU SINH. THUỐC TRI ẬP HUYẾT CAO;
TIM. LOET BAO TỬ. TÊ THẤP, THẦN KINH v.v....
MIỄN TOA CỦA BÁC SĨ ĐỂ GỎI VỀ VIỆT NAM.
- * THUỐC "MEDICAL BUILDING" CÓ NHIỀU
BÁC SĨ VÀ BÃI ĐÀU XE RỘNG RÃI
- * NGAY PHỐ THƯƠNG MẠI CHÍNH - GIỮA
SHERMAN WAY VÀ VICTORY BLVD, GẦN
VALLEY HOSPITAL.
- * ĐẠI DIỆN LÃNH GỎI QUÀ VỀ SGN, ĐÀ NẴNG
HÀ NÓI BẰNG HÀNG KHÔNG AIR FRANCE



Bác Sĩ NGUYỄN HỮU TUẤN

Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ GIA ĐÌNH

CANOVA PARK, CA 91303
22030 Sherman Way # 211
(Góc Topanga Canyon Bl)

(818) 884-7424

GIỜ KHÁM BỆNH :

Sáng : Thứ Hai, Tư, Bảy
9:00 AM - 12:30PM

Chiều : Thứ Ba, Năm, Sáu
1:30PM - 6:00PM



VAN NUYS, CA 91405
6850 Van Nuys Blvd # 304
Lầu 3 (giữa Phan Pharmacy &
Valley Federal Savings Bank)
(818) 994-2498

GIỜ KHÁM BỆNH :

Sáng : Thứ Ba, Năm, Sáu
9:00AM - 12:30PM

Chiều : Thứ Hai, Tư, Bảy
2:30PM - 6:30PM



Xin thông báo cùng Quý vị thân chủ :

Kể từ ngày 01 tháng 02 năm 1988, Văn Phòng chúng tôi
có nhận thêm Bảo Hiểm của các Hãng :

**MAXICARE - CIGNA - PRUDENTIAL PLUS - METLIFE
CALIFORNIA CARE - CARE AMERICA - H.G.I.**

Muốn biết thêm chi tiết về các Hãng Bảo Hiểm trên, xin liên lạc với Văn
Phòng bác Sĩ.

NHÂN MEDI-CAL & BẢO HIỂM

PHONE KHẨN CẤP THƯỜNG TRỰC NGÀY ĐÊM : (818) 884-7424